

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG
XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ HICHINA - VĂN
PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Sinh viên thực hiện : Trần Khánh Vi
MSSV : 2254050061
Khóa học : 2022-2026

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỀ TÀI

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG
XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ HICHINA - VĂN
PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Giảng viên hướng dẫn : Trần Phụng Trân
Sinh viên thực hiện : Trần Khánh Vi
MSSV : 2254050061
Lớp : 22LC2
Khóa : 2022-2026

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ
CHUỖI CUNG ỨNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026.

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2022 – 2025

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên : Trần Khánh Vi
- Chuyên ngành : Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khóa học : 2022-2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

“HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ HICHINA - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH”.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

4. Các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn

- Ths. Trần Phụng Trân

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp

- 10/02/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận

- 31/5/2026

Giảng viên hướng dẫn

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này, trước hết em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng cùng toàn thể quý thầy cô Khoa Kinh tế và các giảng viên chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức quý báu trong suốt quá trình học tập tại trường. Những kiến thức và kinh nghiệm mà quý thầy cô truyền đạt không chỉ là nền tảng quan trọng giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp mà còn là hành trang quý báu để em tự tin bước vào môi trường làm việc thực tế trong tương lai.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến ThS. Trần Phụng Trân – giảng viên hướng dẫn đã luôn tận tình chỉ bảo, định hướng và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những góp ý và nhận xét chuyên môn của cô đã giúp em hoàn thiện bài nghiên cứu một cách khoa học, logic và thực tiễn hơn.

Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện thuận lợi để em có cơ hội được thực tập và tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp. Em cũng xin chân thành cảm ơn các anh/chị tại bộ phận Chứng từ, bộ phận Hiện trường và bộ phận Xuất nhập khẩu đã luôn nhiệt tình hướng dẫn, hỗ trợ và chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn quý báu trong quá trình thực tập. Sự giúp đỡ tận tình của các anh/chị đã giúp em có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, đồng thời hiểu rõ hơn về quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại doanh nghiệp.

Trong suốt thời gian thực tập và thực hiện khóa luận, do kiến thức thực tiễn và kinh nghiệm chuyên môn của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô và doanh nghiệp để em có thể tiếp tục học hỏi, hoàn thiện kiến thức và kỹ năng của bản thân trong thời gian tới.

Cuối cùng, em xin kính chúc quý thầy cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng luôn dồi dào sức khỏe và đạt nhiều thành công trong công tác giảng dạy. Đồng thời, kính chúc Ban lãnh đạo cùng toàn thể anh/chị nhân viên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina luôn mạnh khỏe, thành công và ngày càng phát triển bền vững.

Em xin chân thành cảm ơn!

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

1. Thông tin chung

- Họ tên sinh viên: Trần Khánh Vi
- Trường: Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Chuyên ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- MSSV: 2254050061
- Đơn vị thực tập: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA
- Vị trí thực tập: Thực tập sinh Sale logistics

2. Nhận xét của đơn vị về quá trình thực tập của sinh viên

Sinh viên hoàn thành tốt quá trình thực tập. Nhận xét
thực hiện đúng nội quy của công ty.

Sinh viên chủ động học tập từ các anh chị trong công
ty. Mạnh mẽ xử lý các công việc của các bộ
phần. Được anh chị hướng dẫn hay là anh chị hỏi anh
tham gia các công việc của công ty đưa ra chủ trương
sự phát triển của công ty đối với xã hội.

(Ghi họ và tên ký và đóng dấu)

NGƯỜI NHẬN XÉT
CÔNG TY
THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
QUỐC TẾ
HICHINA

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Khuyên

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	ii
NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP.....	iii
MỤC LỤC	iv
DANH MỤC HÌNH ẢNH	vii
DANH MỤC SƠ ĐỒ	viii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	ix
DANH MỤC BẢNG	x
DANH MỤC VIẾT TẮT	xi
LỜI MỞ ĐẦU	
1. Lý do chọn đề tài	
2. Mục tiêu nghiên cứu	
3. Câu hỏi nghiên cứu	
4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu	
5. Phương pháp nghiên cứu	
5.1. Phương pháp thu thập dữ liệu	
5.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu	
5.3. Phương pháp quan sát tại doanh nghiệp	
6. Kết cấu khóa luận	
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ XUẤT KHẨU VÀ QUY TRÌNH THỦ TỤC	
HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL)	5
1.1. Tổng quan về thủ tục hải quan xuất khẩu nguyên container (FCL)	5
1.1.1. Khái quát về hoạt động về xuất khẩu hàng hóa.....	5
1.1.2. Khái quát về hàng hóa xuất khẩu	7
1.1.3. Khái quát về thủ tục hải quan	10
1.1.4. Khai báo về khai báo hải quan trong hoạt động xuất khẩu	12
1.2. Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container	
(FCL).....	15
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của quy trình thủ tục hải quan đối với hàng	
xuất khẩu nguyên container (FCL).....	15
1.2.2. Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL)	
.....	16
1.3. Các quy định pháp lý và hệ thống chứng từ	19
1.3.1. Các quy định pháp lý	19
1.3.2. Hệ thống chứng từ	22

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	29
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER TẠI CÔNG TY HICHINA- VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	30
2.1. Khái quát về công ty Hichina - văn phòng đại diện tại Thành Phố Hồ Chí Minh	30
2.1.1. Khái quát sơ lược về công ty	30
2.1.2. Tầm nhìn – sứ mệnh – giá trị cốt lõi.	30
2.1.3. Lĩnh vực hoạt động.....	31
2.1.4. Cơ cấu tổ chức	31
2.1.5. Nguồn lực của đơn vị	33
2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty	41
2.2.1. Các lĩnh vực kinh doanh chính.....	41
2.2.2. Thị trường và khách hàng.....	42
2.2.3. Đối thủ cạnh tranh	43
2.2.4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	44
2.2.5. Kết quả kinh doanh hoạt động dịch vụ cung cấp	49
2.3. Thực trạng quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL tại công ty ...	51
2.3.1. Quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL bằng đường biển của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.....	51
2.3.2. Quy trình thủ tục hải quan xuất khẩu lô hàng thực tế của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.....	52
2.4. Đánh giá quy trình thủ tục hải quan tại quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container tại Công Ty Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina – Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	65
2.4.1. Ưu điểm	65
2.4.2. Hạn chế còn tồn tại	66
2.4.3. Nguyên nhân.....	66
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	69
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER TẠI CÔNG TY Hichina - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	70
3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty	70
3.1.1. Nhận diện và dự báo môi trường kinh doanh.....	70
3.1.2. Định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty Hichina.....	72

3.2. Hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Công ty Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina	75
3.3. Một số giải pháp hoàn thiện quy trình	77
3.3.1. Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ hải quan hàng xuất khẩu FCL	77
3.3.2. Đầu tư công nghệ và chuyển đổi số.....	83
3.3.3. Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp	91
3.4. Kiến nghị	107
3.4.1. Đối với Nhà nước	107
3.4.2. Đối với các bên liên quan	108
3.5. Những bài học kinh nghiệm và đóng góp của khóa luận cho doanh nghiệp	110
3.5.1. Bài học từ chương trình thực tập tốt nghiệp.....	110
3.5.2. Những đóng góp của khóa luận cho doanh nghiệp	111
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	113
KẾT LUẬN CHUNG.....	114
PHỤ LỤC CHỨNG TỪ	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Biểu thuế xuất nhập khẩu 2026	55
Hình 2.2. Tra cứu mã hàng của hàng hóa	55
Hình 2.3. Giao diện đăng ký mới tờ khai xuất khẩu (EDA) trên phần mềm ECUS5- VNACCS	57
Hình 2.4. Nhập thông tin chung trên tờ khai hải quan điện tử	57
Hình 2.5. Nhập thông tin về đơn vị xuất nhập khẩu.....	57
Hình 2.6. Tra cứu mã hàng của hàng hóa	58
Hình 2.7. Nhập thông tin hóa đơn thương mại trên hệ thống ECUS5	58
Hình 2.8. Nhập thông tin container xuất khẩu trên hệ thống ECUS5	59
Hình 2.9. Nhập danh sách hàng hóa trên tờ khai hải quan điện tử.....	59
Hình 2.10. Tờ khai thông quan.....	61

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu (FCL)	17
Sơ đồ 2.1. Bộ máy công ty TNHH HICHINA- văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh.....	31
Sơ đồ 2.2. Quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL bằng đường biển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA	51
Sơ đồ 2.3. Quy trình thủ tục hải quan xuất khẩu lô hàng thực tế sang Italia theo điều kiện CNF của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina	53

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Biểu biến động nguồn vốn của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025	38
Biểu đồ 2.2. Biểu biến động tài sản của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025	40
Biểu đồ 2.3. Biểu đồ cơ cấu doanh thu theo dịch vụ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025	50

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Bảng thống kê nhân sự năm 2023 – 2025	34
Bảng 2.2. Tình hình nguồn vốn của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025	37
Bảng 2.3. Tình hình tài sản của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025 ..	39
Bảng 2.4. Các thị trường xuất nhập khẩu trọng điểm của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA	42
Bảng 2.5. Khách hàng mục tiêu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA	43
Bảng 2.6. Các đối thủ cạnh tranh của công ty Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA	44
Bảng 2.7. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025	46
Bảng 2.8. Cơ cấu doanh thu theo dịch vụ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 – 2025	49
Bảng 3.1. Một số chỉ tiêu xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2025	70
Bảng 3.2. Mục tiêu phát triển Công ty HICHINA giai đoạn 2026–2030	75
Bảng 3.3. Quy trình thủ tục hải quan FCL đề xuất hoàn thiện tại Công ty HICHINA ..	76

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nghĩa Tiếng Anh	Nghĩa Tiếng Việt
1	CPTPP	Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
2	EVFTA	European Union–Vietnam Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu
3	RCEP	Regional Comprehensive Economic Partnership	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
4	FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do
5	FCL	Full Container Load	Hàng nguyên container
6	LCL	Less than Container Load	Hàng lẻ
7	ISO	International Organization for Standardization	Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế
8	Incoterms	International Commercial Terms	Các điều kiện thương mại quốc tế
9	HS Code	Harmonized System Code	Mã số hàng hóa (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa)
10	VNACCS/VCIS	Vietnam Automated Cargo and Port Consolidated System / Vietnam Customs Intelligence Information System	Hệ thống thông quan tự động và Cơ chế một cửa quốc gia
11	VGM	Verified Gross Mass	Xác nhận tổng trọng lượng hàng và vỏ container
12	DEM/DET	Demurrage / Detention	Phí lưu kho, lưu bãi
13	C/O	Certificate of Origin	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
14	TNHH		Trách nhiệm hữu hạn
15	STT		Số thứ tự
16	USD		Đô la Mỹ (đơn vị tiền tệ)
17	KPI	Key Performance Indicator	Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc

18	GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
19	EU	European Union	Liên minh Châu Âu
20	FDA	Food and Drug Administration	Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ
21	CE	Conformite Europeenne	Tiêu chuẩn châu Âu
22	TBT	Technical Barriers to Trade	Rào cản kỹ thuật trong thương mại
23	SPS	Sanitary and Phytosanitary Measures	Biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật
24	QC	Quality Control	Kiểm soát chất lượng
25	FTAP	Free Trade Agreement Portal	Cổng thông tin Hiệp định thương mại tự do
26	ESPR	Ecodesign for Sustainable Products Regulation	Quy định thiết kế sinh thái cho sản phẩm bền vững của EU
27	EUDR	European Union Deforestation Regulation	Quy định chống phá rừng của Liên minh Châu Âu
28	VLA	Vietnam Logistics Business Association	Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam
29	CS3D	Corporate Sustainability Due Diligence Directive	Chỉ thị thẩm định trách nhiệm bền vững doanh nghiệp
30	OCR	Optical Character Recognition	Nhận dạng ký tự quang học
31	EIR	Equipment Interchange Receipt	Phiếu giao nhận container (Hạ bãi)
32	DMS	Document Management System	Hệ thống quản lý tài liệu
33	CRM	Customer Relationship Management	Quản lý quan hệ khách hàng
34	API	Application Programming Interface	Giao diện lập trình ứng dụng
35	WCO	World Trade Organization	Tổ chức Hải quan Thế giới
36	WTO	National Single Window	Tổ chức Thương mại Thế giới

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại đang diễn ra mạnh mẽ, Việt Nam đã và đang khẳng định vị thế là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc tham gia sâu rộng vào các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA hay RCEP không chỉ mở ra cánh cửa cho hàng hóa Việt Nam vươn ra thế giới mà còn đặt ra những thách thức gay gắt về năng lực cạnh tranh. Trong "cuộc chơi" quốc tế này, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng đóng vai trò là "mạch máu" duy trì sự vận hành của nền kinh tế, trong đó hoạt động xuất nhập khẩu chính là hạt nhân cốt lõi.

Trong quy trình xuất khẩu hàng hóa, thủ tục hải quan đóng vai trò là điểm chốt chặn quan trọng nhất về mặt pháp lý. Đây không chỉ đơn thuần là hoạt động quản lý nhà nước nhằm kiểm soát luồng hàng hóa ra khỏi biên giới, mà còn là yếu tố quyết định đến tốc độ lưu thông và chi phí của toàn bộ lô hàng. Việc thực hiện thủ tục hải quan một cách chính xác, nhanh chóng và tuân thủ đúng quy định không chỉ giúp doanh nghiệp tránh được các rủi ro pháp lý, mà còn trực tiếp cắt giảm các chi phí phát sinh như lưu kho, lưu bãi (DEM/DET), từ đó tối ưu hóa lợi nhuận và nâng cao uy tín của doanh nghiệp đối với đối tác nước ngoài.

Đối với phương thức vận chuyển hàng nguyên container (Full Container Load - FCL) – loại hình vận chuyển phổ biến và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giao dịch thương mại quốc tế hiện nay – quy trình thủ tục hải quan có những đặc thù riêng biệt. Từ việc kiểm soát số seal, số container đến việc phối hợp với các đơn vị vận cảng và hãng tàu, mọi sai sót nhỏ trong khâu chứng từ hay khai báo đều có thể dẫn đến hệ lụy dây chuyền, gây ách tắc cho cả dây chuyền sản xuất và xuất khẩu.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA là một đơn vị hoạt động năng động trong lĩnh vực dịch vụ Logistics. Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty, tôi nhận thấy rằng dù quy trình nghiệp vụ đã dần đi vào ổn định, nhưng trước sự thay đổi liên tục của các thông tư, nghị định về thuế quan và hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS, hoạt động làm thủ tục hải quan cho hàng FCL tại đây vẫn còn bộc lộ một số hạn chế. Những vấn đề như sai sót trong khâu chuẩn bị chứng từ, sự phối hợp giữa bộ phận hiện trường và bộ phận chứng từ đôi lúc chưa nhịp nhàng, hay việc cập nhật mã HS code cho các mặt hàng mới còn gặp khó khăn... là những rào cản cần được tháo gỡ.

Xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh của công ty, tác giả đã quyết định lựa chọn đề tài: “Hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA” làm đề tài nghiên

cứu cho khóa luận tốt nghiệp của mình. Việc nghiên cứu đề tài này không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn mang tính cấp thiết nhằm đưa ra các giải pháp thực tế, giúp công ty tối ưu hóa quy trình vận hành và khẳng định vị thế trên thị trường Logistics.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- **Mục tiêu 1:** Hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến hoạt động xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu và quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nguyên container .
- **Mục tiêu 2:** Phân tích và đánh giá thực trạng quy trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container tại văn phòng đại diện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Mục tiêu 3:** Xác định những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan tại công ty.
- **Mục tiêu 4:** Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container tại công ty trong thời gian tới.

3. Câu hỏi nghiên cứu

- Quy trình thủ tục hải quan xuất khẩu FCL tại công ty được thực hiện như thế nào?
- Những hạn chế trong quy trình là gì?
- Giải pháp nào giúp hoàn thiện quy trình?

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Quy trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nguyên container Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA, đặc biệt là quy trình thực hiện tại văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Phạm vi nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện tại văn phòng đại diện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Phạm vi không gian:** Nghiên cứu được tiến hành trong phạm vi của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA.
- **Phạm vi thời gian:** Số liệu và thông tin nghiên cứu được thu thập trong giai đoạn 2023 đến 2025.
- **Phạm vi nội dung:** Tập trung nghiên cứu quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container tại công ty.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- **Nguồn dữ liệu trong:**

Dữ liệu được thu thập từ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm các tài liệu và báo cáo liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như: báo cáo hoạt động kinh doanh, các hồ sơ và chứng từ xuất khẩu, tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại, vận đơn, cũng như các tài liệu nghiệp vụ liên quan đến quy trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container trong giai đoạn 2023 – 2025 từ bộ phận chứng từ và bộ phận xuất nhập khẩu của công ty.

- **Nguồn dữ liệu ngoài:**

Dữ liệu từ các giáo trình chuyên ngành như: Kinh doanh quốc tế, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Nghiệp vụ xuất nhập khẩu, Vận tải và giao nhận trong ngoại thương.

Dữ liệu từ các tài liệu, báo cáo, nghiên cứu liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu và thủ tục hải quan được công bố trên sách, báo, tạp chí kinh tế và các nguồn thông tin trên internet.

5.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

- Phương pháp thống kê mô tả

Trên cơ sở các dữ liệu thu thập được từ công ty và các tài liệu liên quan, tiến hành tổng hợp và phân tích số liệu bằng phương pháp thống kê mô tả như: số tuyệt đối, số tương đối và tỷ lệ phần trăm nhằm đánh giá thực trạng quy trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container tại công ty. Từ đó, xác định những ưu điểm, hạn chế trong quy trình và làm cơ sở để đưa ra các nhận xét và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy trình trong thời gian tới

5.3. Phương pháp quan sát tại doanh nghiệp

Bên cạnh việc thu thập và xử lý dữ liệu, thì đề tài còn sử dụng phương pháp quan sát trực tiếp tại doanh nghiệp trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA – Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông qua việc quan sát thực tế hoạt động của bộ phận chứng từ và bộ phận xuất nhập khẩu, các bước thực hiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nguyên container (FCL) được ghi nhận, bao gồm quá trình chuẩn bị chứng từ, khai báo tờ khai hải quan điện tử, phối hợp với hãng tàu và cảng biển, cũng như quá trình thông quan hàng hóa.

Phương pháp này giúp phản ánh rõ hơn quy trình thực hiện thủ tục hải quan trong thực tế tại doanh nghiệp, từ đó làm cơ sở để đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan tại công ty.

6. Kết cấu khóa luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hoạt động xuất khẩu và quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL).

Chương 2: Thực trạng quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA – Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA.

CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ XUẤT KHẨU VÀ QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL)

1.1. Tổng quan về thủ tục hải quan xuất khẩu nguyên container (FCL)

1.1.1. Khái quát về hoạt động về xuất khẩu hàng hóa

1.1.1.1. Khái niệm về xuất khẩu hàng hóa

Trong xu thế toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại, hoạt động xuất khẩu đã trở thành bộ phận quan trọng nhất của kinh tế đối ngoại. Xuất khẩu không chỉ là việc đưa hàng hóa ra khỏi biên giới quốc gia mà còn là quá trình tích hợp các nghiệp vụ kinh tế, pháp lý và kỹ thuật phức tạp.

Theo PGS. TS. Nguyễn Hồng Đàm (2003), xuất khẩu được định nghĩa là việc bán hàng hóa và dịch vụ cho một quốc gia khác trên cơ sở dùng tiền tệ làm phương tiện thanh toán. Mục đích của hoạt động này là khai thác lợi thế so sánh của quốc gia, trao đổi hàng hóa trong nước lấy ngoại tệ nhằm tăng tích lũy cho ngân sách và thúc đẩy tái sản xuất mở rộng.

Xét dưới góc độ pháp lý tại Việt Nam, theo Luật Quản lý Ngoại thương số 05/2017/QH14, xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật. Điều này khẳng định quyền tự do kinh doanh xuất khẩu của thương nhân, đồng thời xác lập ranh giới quản lý của cơ quan Hải quan đối với các dòng vận động của hàng hóa .

1.1.1.2. Vai trò của hoạt động xuất khẩu

Hoạt động xuất khẩu giữ vai trò quan trọng đối với cả nền kinh tế quốc dân và doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Đối với nền kinh tế, xuất khẩu góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP, tạo nguồn thu ngoại tệ phục vụ nhập khẩu máy móc, công nghệ và nguyên vật liệu cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, hoạt động xuất khẩu còn góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, cân bằng cán cân thương mại và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Bên cạnh đó, xuất khẩu giúp mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế và nâng cao vị thế của quốc gia trên thị trường toàn cầu.

Đối với doanh nghiệp, xuất khẩu giúp mở rộng thị trường tiêu thụ, gia tăng doanh thu và lợi nhuận, đồng thời giảm sự phụ thuộc vào thị trường nội địa. Thông qua quá trình cạnh tranh trên thị trường quốc tế, doanh nghiệp có điều kiện nâng cao năng lực quản trị, cải tiến công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng nước ngoài. Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu còn tạo cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận với các tiêu chuẩn quốc tế và học hỏi kinh nghiệm quản lý hiện đại, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế trên thị trường quốc tế.

1.1.1.3. Các hình thức xuất khẩu

Hoạt động xuất nhập khẩu rất đa dạng và có thể thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Dưới đây là một số hình thức phổ biến:

Hình thức xuất khẩu gián tiếp (Indirect Export): Trong hình thức này, nhà sản xuất trong nước không trực tiếp xuất khẩu mà thông qua một trung gian (đơn vị ủy thác hoặc công ty thương mại) để đưa hàng ra thị trường nước ngoài. Nói cách khác, doanh nghiệp sẽ bán hàng cho một đơn vị trung gian tại nội địa, đơn vị này đứng tên làm thủ tục và xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài. Xuất khẩu gián tiếp giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tận dụng được kinh nghiệm và mạng lưới của các công ty xuất khẩu chuyên nghiệp, giảm bớt rủi ro về thanh toán và thủ tục. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải chịu chi phí hoa hồng và có thể giảm lợi nhuận do không giao dịch trực tiếp với khách hàng ngoại.

Hình thức xuất khẩu trực tiếp (Direct Export): Doanh nghiệp/tổ chức tại nước xuất khẩu tự mình giao dịch và bán hàng hóa, dịch vụ thẳng tới đối tác nước ngoài (nhà nhập khẩu). Trong hình thức này, nhà xuất khẩu trực tiếp thực hiện các khâu tiếp thị, đàm phán, ký hợp đồng và tổ chức vận chuyển giao hàng cho phía nước ngoài, không qua trung gian. Xuất khẩu trực tiếp giúp nhà sản xuất tiếp cận trực tiếp thị trường và khách hàng ngoại, qua đó thu được lợi nhuận cao hơn và học hỏi được nhu cầu thị trường quốc tế, nhưng đồng thời đòi hỏi doanh nghiệp phải có năng lực về tài chính, pháp lý và mạng lưới thị trường quốc tế.

Hình thức xuất khẩu tại chỗ (On-the-spot Export): Đây là hình thức đặc thù khi việc giao và nhận hàng diễn ra ngay trong lãnh thổ quốc gia xuất khẩu, nhưng vẫn được coi là xuất khẩu. Điều này xảy ra khi bên mua hàng là doanh nghiệp nước ngoài nhưng họ chỉ định giao hàng tại chỗ (ví dụ giao cho một doanh nghiệp chế xuất hoặc khu công nghiệp trong nước, hoặc cho văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam). Về pháp lý, hàng hóa đó vẫn được tính là xuất khẩu (vì người mua là phía nước ngoài và thanh toán bằng ngoại tệ), dù hàng không vượt biên giới. Xuất khẩu tại chỗ giúp tiết kiệm chi phí vận chuyển, và thường áp dụng trong các giao dịch như bán hàng vào doanh nghiệp chế xuất, khu phi thuế quan hoặc thực hiện các hợp đồng gia công xuất khẩu.

Hình thức xuất khẩu gia công (Processing Export): Đây là hình thức hợp tác sản xuất mà trong đó một bên (thường là đối tác nước ngoài) cung cấp nguyên liệu hoặc bán thành phẩm, bên còn lại (thường là doanh nghiệp nội địa) thực hiện công đoạn gia công, sản xuất ra thành phẩm và sau đó xuất khẩu trả lại cho phía nước ngoài theo thỏa thuận. Việt Nam là một quốc gia tham gia nhiều vào hình thức này, ví dụ như các công ty dệt may, da giày Việt Nam gia công sản phẩm cho các hãng thời trang quốc tế, hoặc các nhà máy điện tử lắp ráp thiết bị cho các tập đoàn nước ngoài. Gia công xuất khẩu mang lại thu nhập từ tiền công gia công, tạo việc làm cho lao động trong nước, đồng thời giúp

chuyển giao công nghệ và kỹ năng sản xuất từ đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, giá trị gia tăng giữ lại trong nước thường không cao nếu chủ yếu làm gia công thuần túy.

Hình thức buôn bán đối lưu (Thương mại đối lưu) (Countertrade): Đây là hình thức thương mại mà trong đó việc xuất khẩu và nhập khẩu được gắn kết trực tiếp với nhau, thường dưới dạng hàng đổi hàng hoặc mua đối ứng. Thay vì thanh toán hoàn toàn bằng tiền, một phần hoặc toàn bộ giá trị hàng xuất khẩu của nước A sang nước B sẽ được bù trừ bằng giá trị hàng hóa nước B xuất ngược lại cho nước A. Hình thức buôn bán đối lưu phổ biến trong giai đoạn trước đây khi ngoại tệ khan hiếm, hoặc giữa các quốc gia có khó khăn về thanh toán quốc tế. Ví dụ, Việt Nam trong thập niên 1980 từng xuất khẩu nông sản sang Đông Âu và nhập về phân bón, xăng dầu theo các hiệp định đối lưu. Hiện nay, buôn bán đối lưu còn tồn tại dưới các dạng như hợp đồng bù trừ, hàng đổi hàng trong một số trường hợp đặc biệt (ví dụ trao đổi dầu thô lấy lương thực giữa hai nước).

Hình thức tạm nhập tái xuất (Temporary Import for Re-export): Đây là hình thức nhập khẩu tạm thời hàng hóa vào một nước để sau đó tái xuất khẩu sang nước thứ ba (hoặc trở lại nước xuất xứ) trong một khoảng thời gian nhất định. Hàng hóa tạm nhập tái xuất không nhằm tiêu thụ tại thị trường nội địa mà chủ yếu phục vụ mục đích trung chuyển, gia công, hoặc phục vụ sự kiện triển lãm, bảo hành... Ví dụ, doanh nghiệp có thể nhập tạm một lô hàng máy móc từ nước ngoài về kho ngoại quan, sau đó tái xuất lô hàng đó sang một nước khác để bán khi có cơ hội. Trong thời gian hàng hóa nằm ở nước trung gian, có thể phát sinh hoạt động gia công sơ chế nhẹ (như đóng gói lại, dán nhãn) trước khi tái xuất. Hình thức tạm nhập tái xuất cho phép tận dụng lợi thế thương mại của các quốc gia trung chuyển (về vị trí địa lý hoặc ưu đãi thuế quan), nhưng đòi hỏi phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về thời hạn tạm nhập và quản lý hải quan.

1.1.2. Khái quát về hàng hóa xuất khẩu

1.1.2.1. Khái niệm hàng hóa xuất khẩu

Hàng hóa xuất khẩu không chỉ đơn thuần là vật phẩm hữu hình được dịch chuyển qua biên giới, mà dưới góc độ kinh tế và pháp lý, nó mang những đặc điểm định danh riêng biệt. Theo Luật Thương mại (2005) và Luật Quản lý ngoại thương (2017), hàng hóa xuất khẩu là đối tượng của hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực hải quan riêng. Đây là kết quả của quá trình sản xuất, chế biến hoặc khai thác trong nước, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng nước ngoài và mang lại giá trị ngoại tệ cho quốc gia. Trong bối cảnh vận tải đa phương thức, hàng hóa xuất khẩu còn được hiểu là các "đơn vị tải trọng" (Unit Load) – đặc biệt là khi đóng trong container - cần được quản lý nghiêm ngặt về mã số hàng hóa (HS Code) để áp dụng chính sách thuế và quản lý chuyên ngành phù hợp.

1.1.2.2. Đặc điểm của hàng hóa xuất khẩu

So với hàng hóa tiêu thụ nội địa, hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng nhiều yêu cầu nghiêm ngặt hơn nhằm phù hợp với quy định của thị trường nhập khẩu và đảm bảo uy tín quốc gia. Trước hết, hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, an toàn thực phẩm và môi trường theo yêu cầu của từng thị trường như EU, Hoa Kỳ hay Nhật Bản.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng còn chịu sự quản lý của chính sách xuất khẩu như cấm xuất khẩu, xuất khẩu theo giấy phép hoặc hạn ngạch theo quy định của Nhà nước và các Bộ quản lý chuyên ngành. Ngoài ra, hàng hóa xuất khẩu cũng phải đảm bảo yêu cầu về bao bì, nhãn mác với đầy đủ thông tin về tên hàng, xuất xứ và đơn vị chịu trách nhiệm hàng hóa.

Đối với các mặt hàng có nguồn gốc động, thực vật hoặc hàng hóa ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, doanh nghiệp còn phải thực hiện kiểm dịch và kiểm tra chuyên ngành trước khi được cơ quan Hải quan chấp nhận thông quan.

1.1.2.3. Vai trò của hàng hóa xuất khẩu

Hàng hóa xuất khẩu giữ vai trò quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế và phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Trước hết, hàng hóa xuất khẩu là nguồn tạo ra ngoại tệ chủ yếu, góp phần cân bằng cán cân thanh toán về tăng dự trữ ngoại hối quốc gia. Đồng thời, nhu cầu thị trường quốc tế thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước mở rộng sản xuất, cải tiến công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh, từ đó góp phần phát triển kinh tế quốc gia theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó, để đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường quốc tế, hàng hóa xuất khẩu phải đảm bảo chất lượng, an toàn và tuân thủ các quy định kỹ thuật, điều này giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất trong nước. Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm trong các lĩnh vực sản xuất, logistics và dịch vụ liên quan, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người lao động. Đồng thời, sự phát triển của hàng hóa xuất khẩu còn thúc đẩy hệ thống logistics và chuỗi cung ứng phát triển, nâng cao hiệu quả vận chuyển và lưu thông hàng hóa. Cuối cùng, việc gia tăng kim ngạch xuất khẩu và đa dạng hóa mặt hàng giúp nâng cao vị thế quốc gia trên thị trường quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quan hệ thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài.

1.1.2.4. Phân loại hàng hóa xuất khẩu

a. Phân loại theo tính chất thương phẩm và công dụng

Đây là cách phân loại phổ biến nhất để xác định đặc điểm lý - hóa và yêu cầu bảo quản của hàng hóa:

- Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản: Bao gồm các sản phẩm như gạo, cà phê, thủy hải sản đông lạnh. Đặc điểm của nhóm này là tính thời vụ cao, dễ hư hỏng và yêu

cầu khẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Khi xuất khẩu, nhóm hàng này thường đòi hỏi các chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary) hoặc động vật (Veterinary).

- Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp: Gồm dệt may, da giày, đồ gỗ mỹ nghệ. Đây là nhóm hàng tận dụng lợi thế nhân công, thường được xuất khẩu dưới hình thức gia công hoặc sản xuất xuất khẩu.
- Nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản: Bao gồm dầu thô, than đá, quặng sắt, linh kiện điện tử và máy móc thiết bị. Nhóm này thường có giá trị cao hoặc khối lượng rất lớn, đóng vai trò quan trọng trong việc thu ngoại tệ cho ngân sách quốc gia.

b. Phân loại theo phương thức vận tải và quy cách đóng gói

Tiêu chí này giúp doanh nghiệp lựa chọn phương thức vận chuyển và loại container phù hợp:

- Hàng đóng trong container (Containerized Cargo):
- + Hàng nguyên container (FCL - Full Container Load): Hàng hóa của một chủ hàng chiếm trọn một hoặc nhiều container. Đây là hình thức tối ưu cho hàng hóa số lượng lớn, giúp giảm chi phí và rủi ro.
- + Hàng lẻ (LCL - Less than Container Load): Hàng của nhiều chủ hàng được gom chung (Consolidation) vào một container. Thích hợp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với lượng hàng ít.
- Hàng rời (Bulk Cargo): Hàng hóa không đóng bao kiện, được đổ trực tiếp vào khoang tàu như ngũ cốc, quặng, dầu lỏng.
- Hàng bách hóa (General Cargo): Hàng được đóng trong thùng carton, bao tải, pallet hoặc hòm gỗ.

c. Phân loại theo mã số hàng hóa (Hệ thống HS)

Việc phân loại theo mã HS (Harmonized System) là bắt buộc trong tờ khai hải quan:

- Cấu trúc mã HS: Tại Việt Nam, mã HS thường gồm 8 chữ số, giúp định danh chính xác hàng hóa trên phạm vi toàn cầu.
- Vai trò: Là căn cứ để xác định thuế suất xuất khẩu (thuế suất ưu đãi, thuế suất thông thường) và các chính sách quản lý chuyên ngành (giấy phép, kiểm tra chất lượng).

d. Phân loại theo chính sách quản lý của Nhà nước

Dưới góc độ pháp lý, hàng hóa được phân chia để áp dụng quy trình thủ tục hải quan tương ứng:

- Hàng hóa tự do kinh doanh: Hàng hóa không thuộc danh mục cấm hoặc hạn chế, doanh nghiệp chỉ cần làm thủ tục hải quan thông thường.

- Hàng hóa xuất khẩu có điều kiện: Hàng hóa đòi hỏi phải có giấy phép của Bộ quản lý chuyên ngành, hạn ngạch hoặc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật riêng biệt.
- Hàng hóa cấm xuất khẩu: Các mặt hàng liên quan đến an ninh quốc gia, di sản văn hóa hoặc bảo tồn thiên nhiên (như vũ khí, đồ cổ, động vật quý hiếm).

e. Phân loại theo nguồn gốc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế (C/O)

Dựa trên các Hiệp định thương mại tự do (FTA), hàng hóa được chia thành:

- Hàng hóa có xuất xứ thuần túy (Wholly Obtained - WO): Được khai thác hoặc sản xuất hoàn toàn tại Việt Nam (ví dụ: nông sản trồng tại Việt Nam).
- Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy: Được sản xuất tại Việt Nam nhưng có sử dụng nguyên liệu nhập khẩu, phải đáp ứng các quy tắc chuyển đổi mã số (CTC) hoặc tỷ lệ giá trị gia tăng (RVC) để được cấp C/O ưu đãi.

1.1.3. Khái quát về thủ tục hải quan

1.1.3.1. Khái niệm thủ tục hải quan

Thủ tục hải quan (Customs Formalities) là một mắt xích quan trọng và bắt buộc trong chuỗi cung ứng quốc tế. Theo Luật Hải quan số 54/2014/QH13, thủ tục hải quan được định nghĩa là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của Luật này đối với hàng hóa, phương tiện vận tải.

Dưới góc độ nghiệp vụ thực tế, thủ tục hải quan là quá trình xác lập tính hợp pháp của hàng hóa khi di chuyển qua biên giới hoặc cửa khẩu. Quá trình này không chỉ dừng lại ở việc kê khai mà còn bao gồm các hoạt động kiểm tra chuyên ngành, xác định mã số thuế (HS Code), trị giá hải quan và xuất xứ hàng hóa (C/O) nhằm đảm bảo hàng hóa được phép lưu thông và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước.

1.1.3.2. Vai trò của thủ tục hải quan trong hoạt động xuất nhập khẩu

Trong hoạt động xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan không chỉ đơn thuần là các bước tác nghiệp hành chính được thực hiện tại cửa khẩu mà còn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quản lý hoạt động ngoại thương và bảo vệ lợi ích quốc gia trên nhiều phương diện khác nhau. Thông qua quá trình kiểm tra, giám sát và quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, cơ quan Hải quan góp phần đảm bảo hoạt động thương mại quốc tế được thực hiện đúng quy định pháp luật, đồng thời tạo môi trường kinh doanh minh bạch và ổn định cho doanh nghiệp.

Trước hết, thủ tục hải quan là công cụ quan trọng giúp Nhà nước thực hiện chức năng quản lý và điều tiết hoạt động ngoại thương. Thông qua việc kiểm tra hồ sơ hải quan và hàng hóa thực tế, cơ quan Hải quan trực tiếp triển khai các chính sách thương mại như thuế quan, hạn ngạch, giấy phép xuất nhập khẩu cũng như các biện pháp quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do như CPTPP hay EVFTA, thủ tục hải quan đóng vai trò quan trọng trong việc xác định xuất xứ hàng hóa

thông qua giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) nhằm áp dụng mức thuế suất ưu đãi phù hợp. Đồng thời, hoạt động này còn giúp hạn chế tình trạng gian lận xuất xứ và hành vi lợi dụng ưu đãi thuế quan để lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại quốc tế.

Bên cạnh vai trò quản lý kinh tế, thủ tục hải quan còn góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và lợi ích cộng đồng. Cơ quan Hải quan được xem như “tuyến phòng thủ đầu tiên” trong việc kiểm soát các luồng hàng hóa ra vào lãnh thổ quốc gia. Thông qua công tác kiểm tra và giám sát, cơ quan Hải quan có thể phát hiện và ngăn chặn các hành vi vận chuyển trái phép vũ khí, chất nổ, ma túy hoặc các loại hàng hóa độc hại gây ảnh hưởng đến an ninh và trật tự xã hội. Đồng thời, việc phối hợp với các cơ quan kiểm tra chuyên ngành như kiểm dịch động thực vật, kiểm tra chất lượng hay an toàn thực phẩm cũng góp phần ngăn chặn dịch bệnh, hàng hóa kém chất lượng hoặc không đảm bảo tiêu chuẩn lưu thông trên thị trường, từ đó bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và môi trường trong nước.

Ngoài ra, thủ tục hải quan còn giữ vai trò quan trọng trong công tác phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại. Trong bối cảnh các hành vi gian lận ngày càng tinh vi, hoạt động kiểm tra và quản lý hải quan giúp phát hiện nhiều hình thức vi phạm như khai sai trị giá hải quan nhằm trốn thuế, áp sai mã HS để hưởng mức thuế thấp hơn hoặc thực hiện hành vi buôn lậu qua biên giới. Việc kiểm soát chặt chẽ hàng hóa, phương tiện vận tải và hồ sơ khai báo không chỉ giúp hạn chế thất thu ngân sách nhà nước mà còn góp phần duy trì kỷ cương pháp luật và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho doanh nghiệp hoạt động đúng quy định.

Tuy mang tính chất kiểm tra và giám sát, nhưng thủ tục hải quan hiện đại ngày nay còn hướng đến mục tiêu tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai cơ chế một cửa quốc gia và hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS đã giúp đơn giản hóa quy trình khai báo, rút ngắn thời gian thông quan và giảm đáng kể chi phí logistics cho doanh nghiệp. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu, cải thiện khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Bên cạnh những vai trò trên, hệ thống thủ tục hải quan còn là nguồn cung cấp dữ liệu thống kê quan trọng phục vụ công tác hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước. Toàn bộ thông tin liên quan đến kim ngạch xuất nhập khẩu, trị giá hàng hóa, thị trường đối tác và cơ cấu mặt hàng đều được lưu trữ trên hệ thống dữ liệu hải quan. Đây là cơ sở quan trọng để Chính phủ và các bộ, ngành phân tích tình hình thương mại quốc tế, dự báo xu hướng kinh tế và xây dựng các chính sách điều hành phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế.

1.1.4. Khai báo về khai báo hải quan trong hoạt động xuất khẩu

1.1.4.1. Khái niệm khai báo hải quan

Khai báo hải quan là khâu then chốt trong quy trình thông quan hàng hóa. Theo Điều 18 Luật Hải quan 2014, khai hải quan là việc người khai hải quan cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin trên tờ khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo quy định. Bản chất của việc khai báo là sự xác nhận pháp lý của chủ hàng hoặc người đại diện về đặc điểm, tính chất, số lượng, trị giá và nguồn gốc của hàng hóa trước cơ quan quản lý. Đây không chỉ là thủ tục hành chính mà còn là căn cứ để cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra, tính thuế và ra quyết định thông quan hàng hóa. Nếu thông tin khai báo sai lệch so với thực tế, doanh nghiệp phải đối mặt với các chế tài xử phạt hành chính hoặc hình sự tùy theo mức độ vi phạm.

1.1.4.2. Đặc điểm khai báo hải quan

Khai báo hải quan là một nghiệp vụ mang tính pháp lý cao trong hoạt động xuất nhập khẩu, đòi hỏi người khai phải đảm bảo tính chính xác, trung thực và đầy đủ của các thông tin liên quan đến hàng hóa. Một trong những đặc điểm nổi bật của khai báo hải quan là gắn liền với trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp, bởi mọi sai sót trong khai báo như sai mã HS, sai giá trị hay sai xuất xứ đều có thể dẫn đến các chế tài xử phạt theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, khai báo hải quan hiện nay chủ yếu được thực hiện dưới hình thức điện tử thông qua hệ thống VNACCS/VCIS, thể hiện xu hướng hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hải quan. Ngoài ra, khai báo hải quan còn có tính liên kết chặt chẽ với bộ chứng từ xuất nhập khẩu như hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn và chứng nhận xuất xứ, đòi hỏi sự thống nhất giữa dữ liệu khai báo và chứng từ thực tế.

1.1.4.3. Vai trò khai báo hải quan

Khai báo hải quan đóng vai trò trung tâm trong quy trình thực hiện thủ tục hải quan, là cơ sở để cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát và quyết định thông quan hàng hóa. Trước hết, khai báo hải quan là căn cứ để xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, bao gồm thuế xuất khẩu và các loại phí, lệ phí liên quan. Đồng thời, thông tin khai báo giúp cơ quan hải quan áp dụng cơ chế quản lý rủi ro và thực hiện phân luồng kiểm tra (xanh, vàng, đỏ) nhằm tối ưu hóa quá trình kiểm soát hàng hóa. Bên cạnh đó, khai báo hải quan còn góp phần đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ pháp luật trong hoạt động xuất nhập khẩu, hạn chế các hành vi gian lận thương mại và buôn lậu. Ngoài ra, dữ liệu từ khai báo hải quan còn được sử dụng để thống kê kim ngạch xuất nhập khẩu, phục vụ công tác hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước.

1.1.4.4. Các hình thức khai báo hải quan

Sự phát triển của công nghệ thông tin và xu hướng chuyển đổi số đã thay đổi căn bản cách thức tương tác giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan, chuyển dịch mạnh mẽ từ phương thức truyền thống sang tự động hóa:

a. Khai báo hải quan điện tử (VNACCS/VCIS)

Hiện nay, khai báo hải quan điện tử thông qua hệ thống VNACCS/VCIS là hình thức chủ đạo và được áp dụng bắt buộc đối với phần lớn các loại hình xuất nhập khẩu theo định hướng hiện đại hóa của ngành Hải quan Việt Nam. Doanh nghiệp thực hiện khai báo thông qua các phần mềm đầu cuối được cơ quan hải quan công nhận, phổ biến nhất là phần mềm ECUS5-VNACCS, nhằm kết nối trực tiếp với hệ thống thông quan tự động của Tổng cục Hải quan. Sau khi tiếp nhận dữ liệu điện tử, hệ thống VNACCS/VCIS sẽ tự động kiểm tra các tiêu chí như mã HS, trị giá hải quan và chính sách quản lý mặt hàng trước khi trả về kết quả phân luồng trong thời gian rất ngắn. Việc áp dụng hình thức khai báo điện tử mang lại nhiều ưu điểm nổi bật cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Trước hết, hệ thống giúp rút ngắn đáng kể thời gian xử lý hồ sơ, đặc biệt đối với các tờ khai luồng xanh chỉ mất vài giây để hoàn thành thủ tục thông quan. Đồng thời, hệ thống hoạt động liên tục 24/7 cho phép doanh nghiệp chủ động truyền tờ khai vào bất kỳ thời điểm nào mà không bị phụ thuộc vào thời gian làm việc hành chính. Bên cạnh đó, việc hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp và công chức hải quan còn góp phần nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu chi phí không chính thức và tăng hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan.

b. Khai báo hải quan thủ công (Hồ sơ giấy)

Mặc dù xu hướng chung là điện tử hóa toàn bộ quy trình thủ tục hải quan, tuy nhiên hình thức khai báo thủ công bằng hồ sơ giấy vẫn được duy trì trong một số trường hợp đặc thù nhằm đảm bảo tính linh hoạt trong công tác quản lý. Theo quy định hiện hành, hình thức này chủ yếu được áp dụng khi hệ thống VNACCS/VCIS hoặc hệ thống khai báo của doanh nghiệp gặp sự cố kỹ thuật kéo dài, đối với hàng hóa phi thương mại như quà biếu, quà tặng hoặc trong các trường hợp khẩn cấp liên quan đến cứu trợ thiên tai, dịch bệnh và các tình huống bất khả kháng khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

c. Nội dung khai báo hải quan

Nội dung khai báo hải quan phải đảm bảo tính thống nhất tuyệt đối giữa thực tế hàng hóa, bộ chứng từ (Invoice, Packing List, Bill of Lading) và dữ liệu truyền lên hệ thống VNACCS. Các nhóm thông tin chính bao gồm:

1. Thông tin chủ thể:

- Bao gồm tên, địa chỉ, mã số thuế của người xuất khẩu (Shipper), người nhập khẩu (Consignee).

- Trường hợp có sự tham gia của bên thứ ba, phải khai báo thông tin Đại lý làm thủ tục hải quan hoặc người được ủy thác. Điều này quan trọng để xác định đối tượng chịu trách nhiệm pháp lý trực tiếp đối với lô hàng.

2. Thông tin định danh hàng hóa:

- Tên hàng: Phải mô tả chi tiết bằng tiếng Việt, bao gồm công dụng, thành phần, ký mã hiệu, quy cách đóng gói để cơ quan hải quan có thể nhận diện và kiểm soát.
- Mã số HS (HS Code): Là "mã định danh" của hàng hóa trên toàn cầu. Việc xác định mã HS chính xác là tiền đề để áp dụng đúng mức thuế và các chính sách quản lý mặt hàng. Sai sót mã HS thường dẫn đến các tranh chấp về thuế và bị coi là hành vi gian lận.
- Xuất xứ (C/O): Thông tin này quyết định lô hàng có được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo các hiệp định thương mại tự do (FTA) hay không.

3. Thông tin định lượng và trị giá hải quan:

- Số lượng/Trọng lượng: Khai báo theo đơn vị tính quy định (Gross weight/Net weight).
- Trị giá hải quan: Đây là giá trị của hàng hóa dùng làm căn cứ tính thuế. Đối với hàng xuất khẩu, trị giá hải quan thường là giá bán tại cửa khẩu xuất (giá FOB/FCA) không bao gồm phí bảo hiểm và cước vận tải quốc tế.

4. Thông tin vận chuyển và thanh toán:

- Incoterms: Xác định điểm chuyển giao rủi ro và trách nhiệm chi trả chi phí vận tải/bảo hiểm.
- Phương thức thanh toán: (L/C, T/T, D/P...) là căn cứ để ngân hàng kiểm soát dòng tiền và cơ quan hải quan kiểm tra tính xác thực của trị giá giao dịch.
- Thông tin phương tiện: Số chuyến tàu, số vận đơn (Bill of Lading), số container/seal để phục vụ công tác giám sát tại cảng.

d. Trách nhiệm của người khai hải quan

Theo Điều 18 Luật Hải quan 2014, người khai hải quan không chỉ đơn thuần là người nhập liệu mà đóng vai trò là chủ thể chịu trách nhiệm chính về tính tuân thủ:

- Trách nhiệm về tính chính xác: Người khai phải tự rà soát dữ liệu, đảm bảo nội dung tờ khai khớp với bộ chứng từ và thực tế hàng hóa. Mọi hành vi khai sai (dù vô ý hay cố ý) dẫn đến thiếu thuế hoặc vi phạm chính sách mặt hàng đều bị xử phạt theo quy định.
- Trách nhiệm tài chính: Người khai hải quan có nghĩa vụ tự tính, tự khai và tự nộp các loại thuế, lệ phí đúng thời hạn. Việc chậm nộp thuế sẽ dẫn đến phát sinh tiền chậm nộp và ảnh hưởng đến "điểm uy tín" (mức độ tuân thủ) của doanh nghiệp trên hệ thống quản lý rủi ro của Hải quan.

- Trách nhiệm lưu trữ và giải trình:
- + Doanh nghiệp phải lưu trữ toàn bộ hồ sơ hải quan (tờ khai, hóa đơn, chứng từ vận tải, chứng từ thanh toán, định mức sản xuất...) trong 05 năm.
- + Sẵn sàng cung cấp hồ sơ và giải trình khi cơ quan hải quan thực hiện Kiểm tra sau thông quan (Post Clearance Audit) tại trụ sở cơ quan hải quan hoặc trụ sở doanh nghiệp nhằm kiểm tra tính trung thực của việc khai báo trước đó.

1.2. Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL)

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL).

1.2.1.1. Khái niệm của quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container.

Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (Full Container Load - FCL) là hệ thống các bước nghiệp vụ được thực hiện bởi người khai báo hải quan và cơ quan hải quan nhằm đảm bảo hàng hóa xuất khẩu tuân thủ đầy đủ các quy định về kiểm tra, giám sát và thông quan của pháp luật hiện hành. Căn cứ theo Luật Hải Quan 2014, thủ tục hải quan bao gồm các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện đối với hàng hóa và phương tiện vận tải. Quá trình này bao gồm các nghiệp vụ then chốt như: khai báo hải quan, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa (nếu có) và quyết định thông quan. Toàn bộ quá trình hiện nay được vận hành trên hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS, dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro nhằm tối ưu hóa thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

1.2.1.2. Đặc điểm của quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container.

Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) có những đặc điểm riêng biệt so với các loại hình xuất khẩu khác, xuất phát từ tính chất vận chuyển hàng hóa nguyên container trong thương mại quốc tế. Trước hết, hàng hóa FCL được đóng nguyên container tại kho của người xuất khẩu và được niêm phong bằng seal trước khi vận chuyển, do đó hạn chế tối đa việc tác động vào hàng hóa trong quá trình vận chuyển và kiểm tra. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro hư hỏng, mất mát và đảm bảo tính toàn vẹn của lô hàng. Bên cạnh đó, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng FCL mang tính đồng bộ và liên kết chặt chẽ giữa các khâu như chuẩn bị chứng từ, khai báo hải quan, kiểm tra và thông quan. Mỗi bước trong quy trình đều phụ thuộc vào tính chính xác của bộ chứng từ và dữ liệu khai báo, do đó đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận như chứng từ, hiện trường và các bên liên quan như hãng tàu, cảng và cơ quan hải quan. Ngoài ra, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng FCL chịu ảnh hưởng lớn của hệ thống khai báo điện tử VNACCS/VCIS, trong đó việc phân luồng (xanh, vàng, đỏ) quyết định mức độ kiểm tra và thời gian thông quan của lô hàng. Đặc điểm này thể hiện rõ

việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan hiện đại, giúp vừa đảm bảo kiểm soát nhà nước vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Cuối cùng, do đặc thù vận chuyển bằng container đường biển chiếm tỷ trọng lớn, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng FCL còn gắn liền với các yếu tố như lịch tàu, thời gian cắt máng (closing time), phí lưu container (DEM/DET), do đó yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục nhanh chóng và chính xác để tránh phát sinh chi phí.

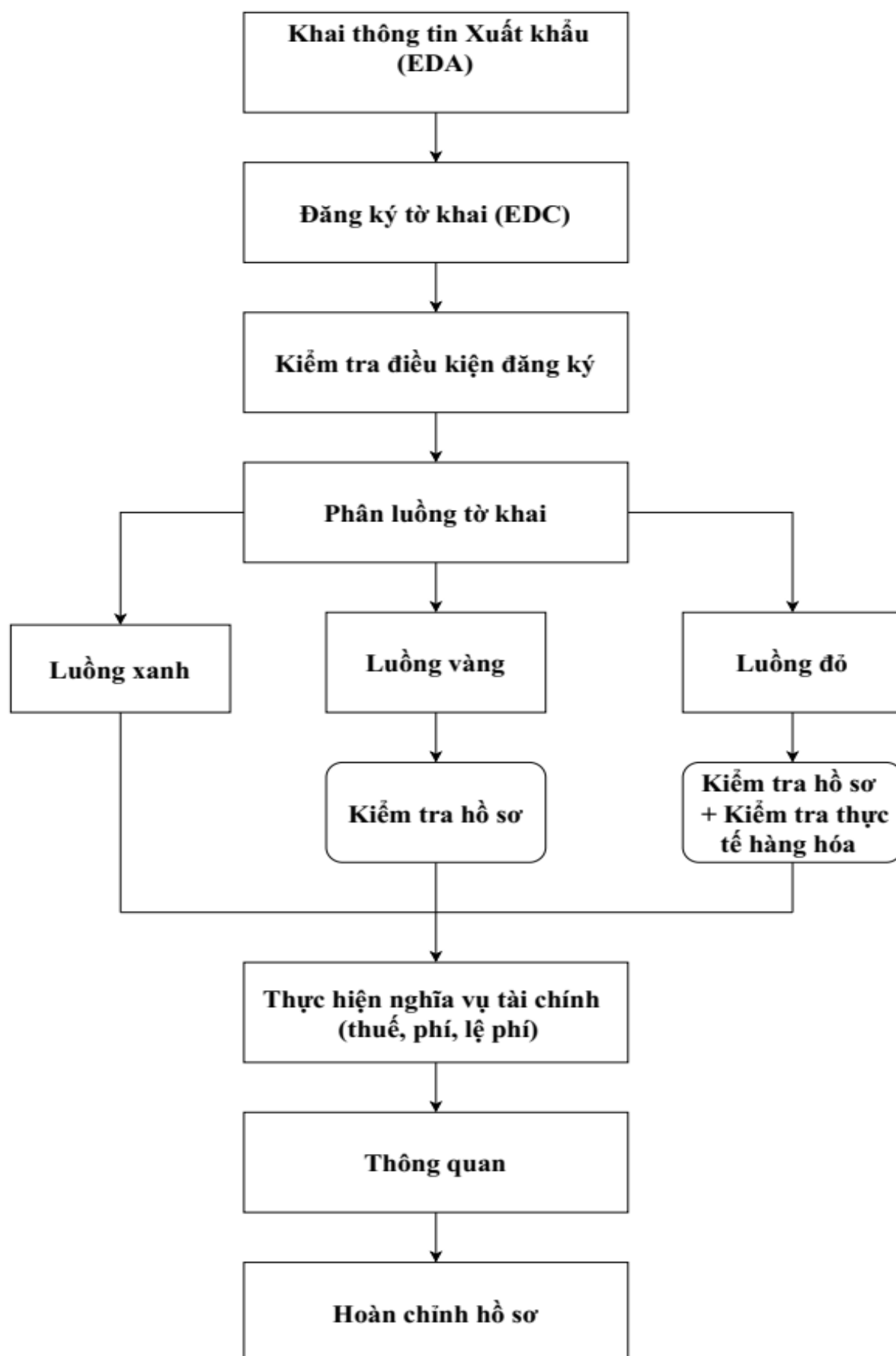
1.2.1.3. Vai trò của quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container.

Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) giữ vai trò quan trọng trong hoạt động xuất khẩu và quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Trước hết, quy trình này là cơ sở pháp lý để hàng hóa được phép xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ quốc gia, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về hải quan, thuế và quản lý chuyên ngành. Việc thực hiện đúng và đầy đủ quy trình thủ tục hải quan giúp doanh nghiệp tránh được các rủi ro pháp lý, hạn chế vi phạm và các chế tài xử phạt. Bên cạnh đó, quy trình thủ tục hải quan còn ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian thông quan và chi phí logistics của doanh nghiệp. Đối với hàng xuất khẩu nguyên container, nếu quy trình được thực hiện nhanh chóng, chính xác sẽ giúp rút ngắn thời gian lưu container tại cảng, giảm chi phí phát sinh như phí lưu bãi (DEM/DET), từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, quy trình thủ tục hải quan còn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch và kiểm soát dòng chảy hàng hóa trong thương mại quốc tế. Thông qua hệ thống khai báo điện tử và cơ chế phân luồng, cơ quan hải quan có thể giám sát, kiểm tra và quản lý hàng hóa một cách hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tuân thủ tốt. Cuối cùng, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng FCL còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động logistics và chuỗi cung ứng, thông qua việc liên kết chặt chẽ giữa các khâu như khai báo, vận chuyển, giao nhận và thông quan. Điều này giúp tối ưu hóa quá trình lưu thông hàng hóa từ doanh nghiệp xuất khẩu đến thị trường quốc tế.

1.2.2. Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL)

1.2.2.1. Quy trình các bước của thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL)

Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) được thực hiện theo phương thức điện tử thông qua hệ thống VNACCS. Mỗi bước trong quy trình đều có vai trò cụ thể, liên kết chặt chẽ nhằm đảm bảo hàng hóa được thông quan nhanh chóng nhưng vẫn tuân thủ quy định pháp luật.



Sơ đồ 1.1. Quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu (FCL)

(Nguồn: Bài giảng kinh doanh xuất nhập khẩu – Trần Thị Hải)

1.2.2.2. Nội dung các bước trong quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL)

Bước 1: Khai thông tin xuất khẩu (EDA)

Người khai hải quan khai các thông tin xuất khẩu bằng nghiệp vụ EDA trước khi đăng ký tờ khai xuất khẩu. Khi đã khai đầy đủ các chỉ tiêu trên màn hình EDA (109 chỉ tiêu), người khai hải quan gửi đến hệ thống VNACCS, hệ thống sẽ tự động cấp số, tự động xuất ra các chỉ tiêu liên quan đến thuế suất, tên tương ứng với các mã nhập vào (ví dụ: tên nước nhập khẩu tương ứng với mã nước, tên đơn vị xuất khẩu tương ứng với mã số doanh nghiệp...), tự động tính toán các chỉ tiêu liên quan đến trị giá, thuế... và phản hồi lại cho người khai hải quan tại màn hình đăng ký tờ khai - EDC.

Khi hệ thống cấp số thì bản khai thông tin xuất khẩu EDA được lưu trên hệ thống VNACCS.

Bước 2: Đăng ký tờ khai hải quan (EDC)

Khi nhận được màn hình đăng ký tờ khai (EDC) do hệ thống phản hồi, người khai hải quan kiểm tra các thông tin đã khai báo, các thông tin do hệ thống tự động xuất ra, tính toán. Nếu người khai hải quan khẳng định các thông tin là chính xác thì gửi đến hệ thống để đăng ký tờ khai.

Trường hợp sau khi kiểm tra, người khai hải quan phát hiện có những thông tin khai báo không chính xác, cần sửa đổi thì phải sử dụng nghiệp vụ EDB gọi lại màn hình khai thông tin xuất khẩu (EDA) để sửa các thông tin cần thiết và thực hiện các công việc như đã hướng dẫn ở trên.

Bước 3: Kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai

Trước khi cho phép đăng ký tờ khai, hệ thống sẽ tự động kiểm tra Danh sách doanh nghiệp không đủ điều kiện đăng ký tờ khai (doanh nghiệp có nợ quá hạn quá 90 ngày, doanh nghiệp tạm dừng hoạt động, giải thể, phá sản...). Nếu doanh nghiệp thuộc danh sách nêu trên thì không được đăng ký tờ khai và hệ thống sẽ phản hồi lại cho người khai hải quan biết.

Bước 4: Phân luồng tờ khai

Đây là bước quan trọng trong quy trình, thể hiện cơ chế quản lý rủi ro của cơ quan hải quan. Khi tờ khai đã được đăng ký, hệ thống tự động phân luồng, gồm 3 luồng xanh, vàng, đỏ.

- Luồng xanh: miễn kiểm tra hồ sơ và hàng hóa
- Luồng vàng: kiểm tra hồ sơ
- Luồng đỏ: kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa

Việc phân luồng giúp tối ưu hóa thời gian thông quan, giảm tải cho cơ quan quản lý nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát hiệu quả.

Bước 5: Kiểm tra theo kết quả phân luồng

Tùy thuộc vào kết quả phân luồng, doanh nghiệp và cơ quan hải quan sẽ thực hiện các công việc khác nhau:

- Đối với luồng xanh: Hàng hóa được miễn kiểm tra. Doanh nghiệp không cần nộp hồ sơ giấy hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa, chỉ cần chuyển sang bước thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- Đối với luồng vàng: Doanh nghiệp phải nộp hồ sơ giấy để cơ quan hải quan kiểm tra. Nội dung kiểm tra tập trung vào tính hợp lệ, đầy đủ và thống nhất của các chứng từ.
- Đối với luồng đỏ: Ngoài việc kiểm tra hồ sơ, cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa. Việc kiểm tra nhằm đối chiếu giữa hàng hóa thực tế và nội dung khai báo, đảm bảo không có gian lận thương mại.

Bước 6: Thực hiện nghĩa vụ tài chính

Sau khi hoàn thành việc kiểm tra (nếu có), doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tài chính bao gồm: nộp thuế xuất khẩu (nếu thuộc đối tượng chịu thuế), phí và lệ phí hải quan. Đây là điều kiện bắt buộc để hàng hóa được thông quan. Trong trường hợp doanh nghiệp chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính, hệ thống sẽ không cấp phép thông quan.

Bước 7: Thông quan hàng hóa

Khi doanh nghiệp đã hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định, hệ thống hải quan sẽ cấp quyết định thông quan. Đây là bước xác nhận hàng hóa đủ điều kiện để xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ. Quá trình thông quan được thực hiện nhanh chóng, đặc biệt đối với các tờ khai luồng xanh.

Bước 8: Hoàn chỉnh hồ sơ

Sau khi hàng hóa được thông quan, doanh nghiệp tiến hành hoàn chỉnh và lưu trữ hồ sơ hải quan theo quy định. Hồ sơ này sẽ phục vụ cho công tác kiểm tra sau thông quan và đối chiếu khi cần thiết. Việc lưu trữ hồ sơ đầy đủ, chính xác giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro pháp lý và đảm bảo tuân thủ quy định của cơ quan quản lý.

1.3. Các quy định pháp lý và hệ thống chứng từ

1.3.1. Các quy định pháp lý

1.3.1.1. Luật hải quan

Luật Hải quan năm 2014 là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động hải quan tại Việt Nam, quy định về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát và kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh. Luật đã thiết lập khung pháp lý toàn diện, quy định rõ quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan, trách nhiệm của cơ quan hải quan cũng như trình tự, thủ tục thực hiện từ khâu khai báo, kiểm tra đến thông quan hàng hóa. Theo quy định tại Điều 18 và Điều 25 của Luật Hải quan năm 2014, người khai hải quan có trách nhiệm khai báo đầy đủ, chính xác thông tin về hàng hóa trước khi hàng được đưa vào khu vực giám sát hải quan. Đồng

thời, cơ quan hải quan áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong việc phân luồng kiểm tra (luồng xanh, vàng, đỏ) nhằm vừa đảm bảo kiểm soát nhà nước, vừa tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Đối với hàng hóa xuất khẩu nguyên container (FCL), các quy định của Luật Hải quan đóng vai trò nền tảng trong việc tổ chức thực hiện quy trình thủ tục hải quan, đặc biệt là trong khâu khai báo điện tử, kiểm tra và thông quan hàng hóa tại cảng.

1.3.1.2. Luật thương mại

Luật Thương mại năm 2005 là cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh các hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, trong đó bao gồm hoạt động xuất khẩu hàng hóa. Luật quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng ngoại thương, các điều kiện giao hàng, phương thức thanh toán quốc tế cũng như trách nhiệm pháp lý phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Theo quy định tại Điều 27 Luật Thương mại năm 2005, mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện dưới các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và các hoạt động khác có liên quan. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để doanh nghiệp thực hiện giao dịch xuất khẩu, đồng thời làm căn cứ để xây dựng các chứng từ thương mại như hợp đồng ngoại thương, hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), phiếu đóng gói (Packing List) và vận đơn (Bill of Lading).

Đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa nguyên container (FCL), Luật Thương mại đóng vai trò nền tảng trong việc xác lập các điều khoản giao dịch giữa các bên, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc lập bộ chứng từ và thực hiện thủ tục hải quan một cách chính xác và phù hợp với quy định pháp luật.

1.3.1.3. Các nghị định hướng dẫn

Các nghị định của Chính phủ đóng vai trò cụ thể hóa các quy định của Luật Hải quan, quy định chi tiết về trình tự, thủ tục và cơ chế quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Đây là cơ sở pháp lý trực tiếp hướng dẫn doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan trên thực tế.

Một số nghị định tiêu biểu gồm:

- Nghị định 08/2015/NĐ-CP: quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát và kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Nghị định này thiết lập quy trình thực hiện thủ tục hải quan từ khâu khai báo, tiếp nhận, xử lý thông tin đến kiểm tra và thông quan hàng hóa.
- Nghị định 59/2018/NĐ-CP: sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2015/NĐ-CP, trong đó tập trung vào việc hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hải quan.

Các nghị định này quy định rõ các bước trong quy trình thủ tục hải quan, bao gồm khai báo hải quan, phân luồng tờ khai (luồng xanh, vàng, đỏ), kiểm tra hồ sơ và

kiểm tra thực tế hàng hóa, cũng như điều kiện để thông quan. Đối với hàng hóa xuất khẩu nguyên container (FCL), các quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, giúp doanh nghiệp thực hiện thủ tục nhanh chóng, giảm thời gian thông quan và hạn chế rủi ro phát sinh chi phí.

1.3.1.4. Các thông tư hướng dẫn

Thông tư của Bộ Tài chính là các văn bản pháp lý hướng dẫn chi tiết việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Đây là cơ sở pháp lý trực tiếp mà doanh nghiệp phải tuân thủ trong quá trình thực hiện khai báo và thông quan hàng hóa trên thực tế.

Các thông tư quan trọng bao gồm:

- Thông tư 38/2015/TT-BTC: quy định cụ thể về hồ sơ hải quan, quy trình khai báo, tiếp nhận và xử lý tờ khai hải quan, kiểm tra và giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Thông tư này hướng dẫn chi tiết các bước thực hiện thủ tục hải quan điện tử, cũng như quy định rõ thành phần bộ hồ sơ hải quan đối với từng loại hình xuất khẩu.
- Thông tư 39/2018/TT-BTC: sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2015/TT-BTC, trong đó tập trung vào việc hoàn thiện quy định về trị giá hải quan, kiểm tra sau thông quan và tăng cường áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan.

Các thông tư này đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp trong việc chuẩn bị bộ chứng từ (như hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn, tờ khai hải quan), khai báo chính xác thông tin hàng hóa và thực hiện thủ tục hải quan đúng quy định. Đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL), việc tuân thủ các quy định tại các thông tư này giúp đảm bảo quy trình thông quan diễn ra nhanh chóng, hạn chế sai sót và giảm thiểu các chi phí phát sinh trong quá trình xuất khẩu.

1.3.1.5. Quy định về hệ thống thông quan điện tử

Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS là hệ thống công nghệ thông tin do Tổng cục Hải quan Việt Nam triển khai nhằm hiện đại hóa hoạt động quản lý hải quan theo hướng tự động hóa và ứng dụng công nghệ số. Hệ thống cho phép doanh nghiệp thực hiện khai báo hải quan điện tử, tiếp nhận và xử lý dữ liệu nhanh chóng, đồng thời tự động phân luồng tờ khai dựa trên cơ chế quản lý rủi ro. Cụ thể, sau khi doanh nghiệp truyền tờ khai hải quan lên hệ thống VNACCS/VCIS, hệ thống sẽ tự động phân loại mức độ kiểm tra thành các luồng: luồng xanh (miễn kiểm tra), luồng vàng (kiểm tra hồ sơ) và luồng đỏ (kiểm tra thực tế hàng hóa). Việc phân luồng này giúp cơ quan hải quan kiểm soát hiệu quả nhưng vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp có mức độ tuân thủ cao.

Việc áp dụng hệ thống VNACCS/VCIS đã góp phần rút ngắn đáng kể thời gian thông quan, giảm chi phí thực hiện thủ tục và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động hải quan. Đối với hàng hóa xuất khẩu nguyên container (FCL), hệ thống này đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xử lý tờ khai, xác định mức độ kiểm tra, kiểm soát luồng hàng và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

1.3.2. Hệ thống chứng từ

1.3.2.1. Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

Hóa đơn thương mại là chứng từ quan trọng nhất và cơ bản của các chứng từ hàng hóa cũng như trong khâu thanh toán. Hóa đơn thương mại do người bán lập ra và xuất trình cho người mua sau khi đã gửi hàng. Đó là yêu cầu của người bán đòi người mua phải trả tiền theo tổng số hàng đã được ghi trên hóa đơn (nếu người mua muốn sở hữu hàng hóa).

Nội dung chủ yếu của hóa đơn thương mại bao gồm thông tin người bán và người mua, tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, tổng giá trị hàng hóa, điều kiện giao hàng và phương thức thanh toán. Những thông tin này giúp xác định chính xác giá trị giao dịch và nghĩa vụ thanh toán giữa các bên.

Hóa đơn thương mại là căn cứ để xác định trị giá hàng hóa, phục vụ cho việc khai báo hải quan, tính thuế xuất khẩu và thực hiện thanh toán quốc tế giữa người mua và người bán. Đồng thời, đây cũng là một trong những chứng từ bắt buộc trong bộ hồ sơ hải quan xuất khẩu.

1.3.2.2. Tờ khai hải quan (Customs Declaration)

Tờ khai hải quan là chứng từ do người khai hải quan lập để kê khai thông tin về hàng hóa xuất khẩu với cơ quan hải quan theo đúng quy định của pháp luật. Đây là chứng từ bắt buộc trong quy trình thực hiện hải quan và là cơ sở pháp lý để cơ quan hải quan kiểm tra, giám sát hoạt động xuất khẩu.

Nội dung chủ yếu của tờ khai hải quan bao gồm thông tin doanh nghiệp xuất khẩu, thông tin về hàng hóa như mã HS, số lượng, trị giá hàng hóa, loại hình xuất khẩu, nghĩa vụ thuế và các khoản phí liên quan. Các thông tin này phải được kê khai đầy đủ, chính xác và thống nhất với các chứng từ khác trong bộ hồ sơ xuất khẩu.

Tờ khai hải quan là căn cứ để cơ quan hải quan kiểm tra, giám sát và quyết định thông quan hàng hóa. Đồng thời, đây là công cụ giúp Nhà nước quản lý hoạt động xuất nhập khẩu và đảm bảo doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định pháp luật về hải quan.

1.3.2.3. Phiếu đóng gói (Packing List)

Phiếu đóng gói là một chứng từ hàng hóa liệt kê những mặt hàng, những loại hàng được đóng gói trong một kiện hàng (như một thùng, bao..) nhất định. Phiếu đóng

gói do người sản xuất hoặc người bán lập khi tiến hành đóng gói hàng hóa trước khi xuất khẩu.

Nội dung chủ yếu của phiếu đóng gói bao gồm số lượng kiện hàng, trọng lượng tịnh, trọng lượng cả bì, quy cách đóng gói, kích thước đóng gói và cách phân bố hàng hóa trong từng kiện. Những thông tin này giúp xác định rõ cách thức sắp xếp và kiểm tra hàng hóa trong quá trình giao nhận hàng hóa.

Phiếu đóng gói giúp các bên liên quan như hải quan, đơn vị vận chuyển, người mua và người bán dễ dàng kiểm tra, đối chiếu hàng hóa. Đồng thời, chứng từ này còn hỗ trợ hiệu quả trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ, giao nhận và lưu kho hàng hóa.

1.3.2.4. Vận đơn (Bill of Lading)

Vận đơn là chứng từ do người vận chuyển phát hành nhằm xác nhận việc đã nhận hàng để vận chuyển và cam kết giao hàng cho người nhận theo đúng thỏa thuận trong trường hợp vận tải. Đây là chứng từ quan trọng trong hoạt động xuất khẩu, được sử dụng phổ biến trong vận tải đường biển, đường hàng không và đường sắt, trong đó phổ biến nhất là vận đơn đường biển (Bill of Lading- B/L).

Vận đơn đường biển là chứng từ chuyên chở trên biển, do người chuyên chở (chủ tàu, thuyền trưởng) cấp cho người gửi hàng (người xuất khẩu hay người gửi hàng), nhằm xác định quan hệ pháp lý giữa người vận chuyển với người chủ hàng (người gửi hàng và/ hoặc người nhận hàng). Vận đơn đường biển là chứng từ quan trọng trong buôn bán quốc tế. Nó là cơ sở chứng minh việc thực hiện hợp đồng mua bán, là chứng từ không thể thiếu được trong quá trình thanh toán, trong bảo hiểm và trong khiếu nại đòi bồi thường tổn thất trong quá trình vận chuyển.

Nội dung của vận đơn gồm hai phần chính là mặt trước và mặt sau. Mặt trước thể hiện các thông tin như tên người gửi hàng, người nhận hàng, tên tàu, số hiệu chuyên đi, cảng xếp hàng, cảng dỡ hàng, tên hàng hóa, số kiện, trọng lượng, cước phí, điều kiện thanh toán và chữ ký của người vận tải. Mặt sau thường in sẵn các điều khoản pháp lý liên quan đến trách nhiệm và miễn trách của người vận tải, cơ sở pháp lý áp dụng, điều kiện bất khả kháng và các quy định giải quyết tranh chấp.

Luật pháp các nước đều thừa nhận 3 chức năng sau đây của vận đơn đường biển:

- Nó là bằng chứng xác nhận hợp đồng vận tải được ký kết và chỉ rõ nội dung của hợp đồng (hợp đồng chuyên chở đường biển).
- B/L thay mặt cho hợp đồng chuyên chở được ký kết giữa người thuê tàu và người cho thuê. Chức năng này của B/L chỉ được sử dụng khi hàng hóa được vận chuyển bằng tàu chợ. Nếu tàu chở hàng là tàu chuyên thì giữa bên thuê và bên cho thuê phải ký hợp đồng thuê tàu và hợp đồng chuyên chở đường biển chính là hợp đồng thuê tàu. Trong trường hợp này vận đơn thực hiện 2 chức năng còn lại:

- + Nó là biên lai của người vận tải xác nhận đã nhận hàng để chuyên chở, nó còn nêu rõ tình trạng của hàng hóa khi bốc lên tàu và trình trạng đặc biệt của việc xếp hàng trên tàu. (Ví dụ: Hàng trên boong, hàng đã bốc, hàng nhận để chở, bao bì bị trách...) Người vận tải chỉ giao hàng cho người nào xuất trình trước tiên vận đơn đường biển hợp lệ mà người vận tải đã ký ở cảng bốc hàng.
- + Nó là một chứng từ xác nhận quyền sở hữu đối với hàng hóa đã ghi trong vận đơn. Chính với chức năng này, làm cho vận đơn trở thành một loại giấy tờ có giá trị và giá trị lưu hành như các hối phiếu có giá trị khác là có thể chuyển nhượng, mua bán, nó cho quyền người nắm bản gốc có quyền định đoạt hàng hóa (người sở hữu hàng hóa). Người có được chứng từ này có quyền nhận hàng từ tàu biển. Vận đơn đường biển có thể phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau. Căn cứ vào tình trạng hàng hóa ghi trên vận đơn, có thể chia thành vận đơn hàng hảo (Clean B/L) và vận đơn không hoàn hảo (Unclean B/L).

Căn cứ vào thời điểm nhận hàng, gồm vận đơn đã xếp hàng (Shipped on Board B/L) và vận đơn nhận hàng để xếp (Received for Shipment B/L)

Căn cứ vào người nhận hàng, gồm vận đơn theo lệnh (To order B/L), vận đơn đích danh (Straight B/L) và vận đơn xuất trình (Bearer B/L)

Ngoài ra còn có vận đơn đi thẳng, vận đơn suốt, vận đơn địa hạt và vận đơn theo hợp đồng thuê tàu. Việc phân loại vận đơn giúp doanh nghiệp lựa chọn vận đơn phù hợp với phương thức thanh toán, điều kiện giao hàng và yêu cầu của hợp đồng ngoại thương.

1.3.2.5. Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)

Giấy chứng nhận xuất xứ là chứng từ xác nhận nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa, do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định nhằm chứng minh hàng hóa được sản xuất tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhất định. Đây là chứng từ quan trọng trong hoạt động xuất khẩu, đặc biệt trong các giao dịch thương mại quốc tế có áp dụng ưu đãi thuế quan.

Nội dung chủ yếu của giấy chứng nhận xuất xứ bao gồm thông tin doanh nghiệp xuất khẩu, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa và mô tả hàng hóa. Những thông tin này giúp cơ quan chức năng xác định rõ xuất xứ và tính hợp lệ của lô hàng xuất khẩu.

C/O là căn cứ để xác định xuất xứ hàng hóa, phục vụ việc áp dụng các chính sách thương mại, đặc biệt là ưu đãi thuế quan trong hoạt động xuất khẩu. Đồng thời, đây cũng là chứng từ quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao lợi thế cạnh tranh khi tham gia xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

1.3.2.6. Chứng từ xác minh bản chất hàng hóa

Là những chứng từ do doanh nghiệp sản xuất hàng hóa hoặc do một tổ chức quản lý chất lượng hàng hóa (như cơ quan kiểm nghiệm phẩm chất hàng xuất khẩu, cơ quan giám định, cơ quan kiểm dịch ...) hoặc do người bán cấp để xác định về số lượng, chất

lượng, trọng lượng hoặc thuộc tính vô trùng của hàng hóa. Trong những chứng từ xác minh bản chất của hàng hóa, những chứng từ phổ biến nhất: giấy chứng nhận số lượng, giấy chứng nhận trọng lượng, giấy chứng nhận vệ sinh, giấy chứng nhận phẩm chất, giấy chứng nhận giám định.

Khi xuất khẩu máy móc, thiết bị, người ta còn lập các giấy đặc biệt như: biên bản thử công suất, giấy chứng nhận bảo hành... Khi xuất khẩu hàng động vật, thực vật, người bán phải xuất trình thêm giấy chứng nhận kiểm dịch, nhưng chủ yếu nhằm thực hiện chế độ kiểm dịch. Vì vậy, các giấy chứng nhận kiểm dịch thường được người ta xếp loại vào các chứng từ làm thủ tục xuất nhập cảnh các nước.

a. Giấy chứng nhận số lượng

Giấy chứng nhận số lượng là chứng từ xác định (xác nhận, khẳng định) số lượng hàng hóa mà người bán giao cho người mua (số lượng hàng hóa thực giao). Chứng từ này, thường do cơ quan giám định cấp (cục kiểm nghiệm phẩm chất hàng hóa xuất nhập khẩu hoặc cơ quan giám định), hoặc do bên bán lập ra và được cơ quan có chức năng xác nhận.

Giấy chứng nhận số lượng thường được dùng trong mua bán những hàng bách hóa, hoặc những hàng hóa tính bằng đơn vị số đếm như (cái, chiếc, bao, gói ...) là những hàng mà người ta cần biết số lượng hơn là trọng lượng. Nếu hàng bao gồm nhiều chi tiết phức tạp như phụ tùng máy, dụng cụ cắt gọt ... người ta thường dùng bảng kê chi tiết trong bộ chứng từ thanh toán, khi hàng hóa thanh toán là một (hoặc một vài) loại đồng nhất, chứng từ dùng để xác nhận số lượng hàng đã giao lại là giấy chứng nhận số lượng.

Nội dung của giấy chứng nhận số lượng: Gồm các mục: tên người gửi hàng, người nhận hàng, tên hàng hóa, cảng đi, cảng đến, ký mã hiệu, số lượng hàng hóa tổng cộng và từng loại... Trong nội dung của giấy chứng nhận số lượng, phần quan trọng nhất là kết luận của cơ quan chứng từ. Kết luận này có thể diễn bằng một trong 2 cách sau đây:

- Hoặc xác nhận số lượng hàng phù hợp với quy định của hợp đồng
- Hoặc tính toán để nêu lên tổng số của hàng hóa để người đọc chứng từ thấy số lượng hàng phù hợp với quy định của hợp đồng.

b. Giấy chứng nhận trọng lượng

Giấy chứng nhận trọng lượng là chứng từ xác định khối lượng hàng hóa. Người lập và cấp giấy chứng nhận trọng lượng có thể là cục kiểm nghiệm hàng hóa xuất khẩu hoặc cơ quan Hải quan, hoặc công ty giám định hàng hóa... tùy theo sự quy định của hợp đồng ngoại thương.

Hàng hóa mua bán là loại hàng hóa có khối lượng lớn như than, quặng mỏ, ngũ cốc thì giấy chứng nhận trọng lượng là một cơ sở để người mua đối chiếu giữa hàng người bán gửi với hàng thực nhận được về phương diện khối lượng của từng mặt hàng

cụ thể. Nội dung của giấy chứng nhận khối lượng thường bao gồm: Tên người gửi, tên người nhận, tên phương tiện vận tải, ngày bốc hàng lên phương tiện vận tải, tên hàng và quy cách, trọng lượng cả bì, trọng lượng tịnh, tên cơ quan xác nhận. Riêng về trọng lượng (cả bì và tịnh), người ta phân tách rõ ràng. Mỗi loại hàng bao nhiêu đơn vị trọng lượng và tổng cộng lại là bao nhiêu.

c. Giấy chứng nhận phẩm chất

Là chứng từ xác nhận chất lượng hàng hóa thực giao và chứng minh phẩm chất của hàng phù hợp với quy định của hợp đồng. Tùy theo quy định trong hợp đồng mà người cấp chứng nhận này có thể là người sản xuất hoặc có thể là cơ quan chuyên môn về kiểm nghiệm phẩm chất, hoặc cơ quan giám định phẩm chất khi họ tiến hành kiểm tra hàng hóa.

Chú ý: Nếu trong hợp đồng không có quy định gì khác, thì chứng từ này sẽ do cơ sở sản xuất (như phân xưởng, xí nghiệp – phải có chữ ký của giám đốc). Nếu như các chứng từ trước đã nêu về chất lượng của sản phẩm, thì giấy chứng nhận chất lượng là sự khẳng định của cơ sở sản xuất hoặc của cơ quan có trách nhiệm nước xuất khẩu hàng hóa về phẩm chất của hàng hóa cho nên nó có ý nghĩa quan trọng.

Giấy chứng nhận phẩm chất thường gồm 2 phần rõ rệt:

Ở phần trên: người ta ghi rõ những đặc điểm riêng của lô hàng: tên người gửi hàng, tên người nhận hàng, tên hàng, số hiệu, ký mã hiệu, số lượng và trọng lượng hàng hóa. Ở phần dưới, người ta ghi kết quả của việc kiểm tra phẩm chất hàng hóa. Trong phần kết quả kiểm tra phẩm chất, người ta hoặc ghi chi tiết kết quả kiểm tra của từng chỉ tiêu chất lượng, hoặc chỉ ghi kết luận chung như: “Hàng hóa phù hợp hoàn toàn với với quy định của hợp đồng. Hoặc có thể ghi cả kết quả kiểm tra lẫn kết luận như vậy. Trong trường hợp hàng xuất khẩu đã được tiêu chuẩn Nhà nước quy định rõ, người ta có thể ghi “Hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn Nhà nước số...” Tùy theo tính chất của hàng hóa, nội dung, giấy chứng nhận phẩm chất có thể thêm bớt một vài chi tiết. Đặc biệt với máy móc và thiết bị nội dung của giấy này bao gồm nhiều chỉ tiêu chất lượng hơn so với giấy chứng nhận phẩm chất của các mặt hàng khác. Thậm chí, nó có thể mang tiêu đề khác. Các loại tiêu đề sau cũng được coi là thuộc loại giấy chứng nhận phẩm chất:

- Giấy chứng nhận phân tích là chứng từ xác nhận kết quả phân tích thành phần, tính chất hóa học hoặc vật lý của hàng hóa.
- Giấy thử nghiệm là chứng từ thể hiện kết quả kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật nhất định.
- Giấy chứng nhận hàng đồng bộ dùng để xác nhận hàng hóa được giao đầy đủ, đồng bộ theo đúng cấu hình và yêu cầu của hợp đồng

- Giấy chứng nhận độ ẩm xác nhận mức độ ẩm của hàng hóa, thường áp dụng đối với hàng nông sản, thực phẩm hoặc nguyên liệu dễ bị ảnh hưởng bởi độ ẩm
- Giấy chứng nhận phẩm chất là chứng từ xác nhận chất lượng thực tế của hàng hóa phù hợp với hợp đồng hoặc tiêu chuẩn quy định
- Giấy chứng nhận bảo hành là cam kết của nhà sản xuất hoặc người bán về việc bảo đảm chất lượng và trách nhiệm sửa chữa, thay thế trong thời gian nhất định
- Biên bản thử công suất máy là văn bản xác nhận việc kiểm tra khả năng vận hành, hiệu suất hoạt động của máy móc thiết bị trước khi bàn giao hoặc xuất khẩu.
- Về hình thức của giấy chứng nhận phẩm chất: phải in hoặc ít nhất là đánh máy, bằng giấy trắng tốt, có các số liệu được điền bằng máy chứ không viết tay, tránh gạch, xóa, tẩy, sửa.

d. Giấy chứng nhận vệ sinh

Giấy chứng nhận vệ sinh là chứng từ xác nhận về tình trạng không độc hại của một hàng hóa đối với người tiêu dùng nó. Chứng từ này thường do Cục đo lường chất lượng hay Cục kiểm nghiệm hàng xuất nhập khẩu cấp nếu hợp đồng hoặc thư tín dụng quy định, cũng có thể do một số cơ quan y tế lập và cấp.

Thường dùng trong buôn bán các loại hàng thực phẩm (thủy sản, đông lạnh, thịt..) hoặc đồ uống (bia, rượu..) Nội dung của giấy chứng nhận vệ sinh, ngoài phần ghi tên hàng, số lượng, ký mã hiệu, phương tiện chuyên chở, ngày xuất khẩu, người gửi, người nhận hàng, cảng đi, cảng đến.. còn có phần quan trọng nhất là phần ghi kết quả vệ sinh. Nếu hợp đồng mua bán hoặc thư tín dụng không quy định điều gì đặt biệt, trong phần ghi kết quả này, người ta chỉ ghi kết luận sau đây: “Hàng không có vi trùng gây bệnh”.

e. Biên bản giám định trên tàu

Biên bản giám định trên tàu là biên bản được lập giữa giám định viên (của cơ quan giám định hàng hóa) với đại diện của tàu nhằm xác định khối lượng hàng theo mớn nước của tàu hoặc xác định tình hình sắp xếp bảo quản trên tàu. Biên bản giám định trên tàu được lập ngay trên phương tiện vận tải, với sự có mặt của giám định viên và người vận tải. Vì thế, nó là văn bản đối tịch. Người ta thường dùng nó trong các trường hợp sau đây:

- Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng vận tải thỏa thuận, xác định khối lượng hàng hóa xếp trên tàu bằng phương pháp đo mớn nước của tàu.
- Chủ tàu hoặc cơ quan cảng (công ty kho hàng), khi nhận hàng nhập khẩu, nghi ngờ có tình trạng tổn thất hàng hóa gây ra bởi sự sắp xếp và hoặc sự bảo quản hàng hóa trên tàu hoặc bởi khả năng đi biển của tàu chưa bảo đảm như vỏ tàu bị rò rỉ, ống dẫn hơi nước của tàu bị hở làm cho hơi nước rơi vào hàng.

- Tồn thất hàng hóa đã rõ ràng nhưng tàu muốn chứng minh rằng nguyên nhân không phải do lỗi của tàu (trong trường hợp này người yêu cầu giám định là thuyền trưởng).

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 của khóa luận đã hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến hoạt động xuất khẩu và quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL). Trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành và các tài liệu chuyên ngành, chương này đã làm rõ các khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu và thủ tục hải quan trong thương mại quốc tế. Đồng thời, nội dung chương cũng phân tích các nguyên tắc thực hiện thủ tục hải quan hiện đại như quản lý rủi ro, điện tử hóa quy trình và ứng dụng hệ thống VNACCS/VCIS trong khai báo hải quan điện tử.

Bên cạnh đó, chương đã trình bày một cách tổng quát quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL), bao gồm các bước từ khai báo thông tin xuất khẩu, đăng ký tờ khai, kiểm tra điều kiện đăng ký, phân luồng kiểm tra đến thông quan hàng hóa. Qua đó cho thấy quy trình thủ tục hải quan không chỉ mang ý nghĩa pháp lý mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian thông quan, chi phí logistics và hiệu quả hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp.

Ngoài ra, chương này cũng khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động hải quan hiện đại. Việc áp dụng hệ thống VNACCS/VCIS, cơ chế một cửa quốc gia và quản lý rủi ro đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo thuận lợi thương mại cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Những cơ sở lý luận được trình bày trong chương là nền tảng quan trọng để phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế HICHINA ở các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER TẠI CÔNG TY HICHINA- VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Khái quát về công ty Hichina - văn phòng đại diện tại Thành Phố Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái quát sơ lược về công ty

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ HICHINA
- Tên quốc tế : HICHINA VIET NAM COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt : HICHINA
- Mã số thuế : 0108966529
- Địa chỉ : Tầng 3, toà nhà ST Moritz, 1014 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2.1.2. Tầm nhìn – sứ mệnh – giá trị cốt lõi.

2.1.2.1. Tầm nhìn

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina – Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh định hướng trở thành một trong những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics uy tín và chuyên nghiệp tại Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế và thủ tục hải quan. Công ty hướng đến việc xây dựng hệ thống dịch vụ đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

2.1.2.2. Sứ mệnh

Công ty Hichina cam kết mang đến cho khách hàng các giải pháp logistics tối ưu, đảm bảo nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Sứ mệnh của công ty là hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu thông qua việc cung cấp dịch vụ giao nhận, vận tải và thủ tục hải quan chuyên nghiệp, góp phần giảm chi phí, rút ngắn thời gian và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho khách hàng.

2.1.2.3. Giá trị cốt lõi

Để thực hiện tầm nhìn và sứ mệnh đã đề ra, công ty Hichina xây dựng và phát triển dựa trên các giá trị cốt lõi sau:

Uy tín: Luôn đặt chữ tín lên hàng đầu trong mọi hoạt động kinh doanh và dịch vụ.

Chuyên nghiệp: Đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao, xử lý nghiệp vụ nhanh chóng và chính xác.

Hiệu quả: Tối ưu hóa quy trình làm việc nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng.

Hợp tác: Xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng, đối tác và các bên liên quan.

Đổi mới: Không ngừng cải tiến, ứng dụng công nghệ trong hoạt động logistics và thủ tục hải quan.

2.1.3. Lĩnh vực hoạt động

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina định vị là một đơn vị cung cấp giải pháp hậu cần toàn diện, đóng vai trò là mắt xích kết nối quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Lĩnh vực hoạt động của công ty bao gồm các mảng nghiệp vụ cốt lõi có mối quan hệ tương trợ chặt chẽ, tạo thành một hệ sinh thái dịch vụ Logistics khép kín:

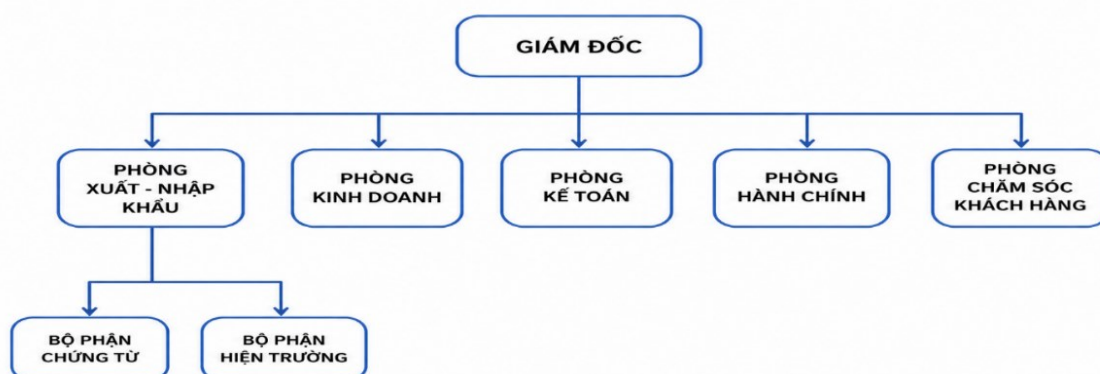
Dịch vụ đại lý và khai báo hải quan: Đây là lĩnh vực hoạt động trọng tâm, bao gồm việc đại diện chủ hàng thực hiện các nghiệp vụ hành chính với cơ quan Hải quan như: khai báo điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS, tư vấn áp mã HS Code, xác định trị giá tính thuế và thực hiện kiểm tra chuyên ngành. Hoạt động này giúp doanh nghiệp tối ưu hóa thời gian thông quan và đảm bảo tính pháp lý cho lô hàng hóa xuất, nhập khẩu.

Giao nhận vận tải đa phương thức: Tổ chức thực hiện vận chuyển hàng hóa quốc tế và nội địa thông qua các phương thức đường biển (như hàng nguyên container-FCL hay hàng lẻ- LCL), đường bộ và đường hàng không. Việc kết hợp linh hoạt các phương thức vận tải giúp công ty đáp ứng tối đa nhu cầu về tiến độ và chi phí của khách hàng.

Dịch vụ kho bãi và hỗ trợ hậu cần: Thông qua mô hình liên kết chiến lược với các đối tác chuyên nghiệp, Hichina cung cấp hệ thống lưu trữ, bảo quan, phân loại và điều phối hàng hóa. Mô hình này giúp công ty linh hoạt trong việc cung cấp dịch vụ “Door – to – Door” mà không cần đầu tư quá nhiều vào cơ sở hạ tầng kho bãi.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh.



Sơ đồ 2.1. Bộ máy công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguồn: Phòng Hành chính)

2.1.4.2. Chức năng của các phòng ban

Công ty Hichina- văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo khuôn khổ của nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là đơn vị kinh doanh thành lập theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ hoạt động của Công ty, chịu sự quản lý trực tiếp của cơ quan sáng lập. Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng theo mô hình quản lý tập trung, trong đó chức năng và nhiệm vụ của từng phòng ban được phân công rõ ràng, cụ thể và có sự phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo quá trình hoạt động diễn ra hiệu quả, ổn định và đúng định hướng phát triển của doanh nghiệp:

Giám đốc là người đại diện pháp lý của công ty, trực tiếp điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Hiện nay, ông Đỗ Xuân Nam giữ vai trò Giám đốc công ty. Giám đốc có nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý nội bộ nhằm đảm bảo hiệu quả vận hành. Đồng thời, giám đốc là người đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến tài chính, nhân sự, đầu tư và mở rộng thị trường, góp phần quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Phòng kinh doanh có chức năng tìm kiếm, mở rộng và phát triển nguồn khách hàng mới trong nước cũng như quốc tế, đồng thời duy trì mối quan hệ hợp tác với các khách hàng hiện có của công ty. Bộ phận này chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kinh doanh, dự báo xu hướng thị trường, đề xuất các chiến lược phát triển phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo doanh số cho doanh nghiệp. Ngoài ra, phòng Kinh doanh còn thực hiện việc soạn thảo hợp đồng, báo giá, liên hệ khách hàng và tiến hành các hoạt động giao dịch, đàm phán với đối tác, hãng tàu và công ty vận tải để đạt được mức giá tối ưu nhất cho khách hàng, đồng thời mang lại lợi nhuận cho công ty.

Phòng xuất nhập khẩu: là bộ phận giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức và kiểm soát toàn bộ quá trình vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Phòng có nhiệm vụ lập kế hoạch, chuẩn bị cho công tác vận chuyển, kiểm tra và giám sát việc thực hiện dịch vụ logistics, khai báo hải quan, lưu kho và vận chuyển hàng hóa nhằm đảm bảo các lô hàng được xử lý đúng quy trình và đúng tiến độ. Trong phòng xuất nhập khẩu gồm hai bộ phận chính là bộ phận chứng từ và bộ phận hiện trường.

Bộ phận chứng từ: Tổng hợp và xử lý các chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa từ khách hàng đến đại lý, hãng tàu. Khai báo hải quan, liên hệ với các hãng tàu để phát hành vận đơn chủ, lập vận đơn nhà. Khi tàu sắp nhập cảng thì trình Manifest cho cơ quan hải quan để kiểm tra được hàng hóa và gán quyền hoặc phân quyền cho khách hàng để họ có thể thực hiện nộp Manifest. Theo dõi quá trình làm hàng, liên lạc cho khách hàng để thông báo cập nhật thông tin quan trọng về lô hàng, thường xuyên liên hệ các hãng tàu

để theo dõi cập nhật tình hình lô hàng. Chuẩn bị đầy đủ chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa.

Bộ phận hiện trường: Bộ phận này thực hiện thủ tục khai quan, mở và cạy Container, lưu kho tại cảng; kiểm tra bao bì, đóng gói và nhãn hiệu hàng hóa; đưa hàng vào kho cảng, kiểm tra và giám sát các lô hàng xuất đi; theo dõi tình trạng Container hàng và sắp xếp hỗ trợ phòng xuất nhập khẩu để đảm bảo chất lượng dịch vụ và thời gian giao hàng chính xác.

Phòng kế toán: Quản lý toàn bộ hoạt động tài chính của doanh nghiệp, bao gồm quản lý thu chi, thuế, hạch toán kế toán và kiểm soát dòng tiền. Bộ phận này thực hiện các giao dịch ngân hàng, lập báo cáo tài chính định kỳ, cung cấp số liệu phục vụ cho việc xây dựng chiến lược kinh doanh và hỗ trợ ban lãnh đạo trong việc ra quyết định tài chính. Bên cạnh đó, phòng Kế toán còn kiểm tra tính hợp lệ của hợp đồng, chứng từ và đề xuất kế hoạch thanh toán phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động tài chính của công ty được vận hành minh bạch và hiệu quả.

Phòng Hành chính: Quản lý các công việc liên quan đến hành chính – nhân sự và đảm bảo điều kiện hoạt động chung của công ty. Bộ phận này chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ nhân sự, theo dõi chấm công, thực hiện các thủ tục tuyển dụng, tiếp nhận và đào tạo nhân viên mới, đồng thời tham mưu cho ban lãnh đạo trong công tác tổ chức nhân sự. Ngoài ra, phòng Hành chính còn phụ trách quản lý tài sản, trang thiết bị văn phòng, văn thư lưu trữ, công tác hậu cần và các hoạt động nội bộ nhằm tạo môi trường làm việc ổn định, chuyên nghiệp và hiệu quả cho toàn bộ doanh nghiệp.

Phòng chăm sóc khách hàng: Tiếp nhận phản ánh từ khách hàng, đề xuất giải pháp phù hợp hoặc phương án tối ưu nhất. Liên kết với các phòng ban khác để tìm ra nguyên nhân vấn đề nhằm đưa ra giải pháp thích hợp. Có những chính sách ưu đãi cho khách hàng cũ và đưa ra những chính sách hấp dẫn thu hút khách hàng mới.

2.1.5. Nguồn lực của đơn vị

2.1.5.1. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực tại Văn phòng đại diện TP. Hồ Chí Minh được cơ cấu theo hướng tinh gọn và chuyên môn hóa cao. Trong giai đoạn 2023-2025, tình hình nhân sự tại văn phòng có sự biến động nhằm phù hợp với chiến lược quản trị tập trung của công ty. Cụ thể được thể hiện qua bảng số liệu sau đây:

Bảng 2.1. Bảng thống kê nhân sự năm 2023 – 2025

Bộ phận/ Chỉ tiêu	Năm 2023 (Người)	Năm 2024 (Người)	Năm 2025 (Người)
Bộ phận Kinh doanh (Sales)	5	6	4
Bộ phận Chứng từ (Docs/CS)	4	4	5
Bộ phận Hiện trường (Ops)	6	6	4
Bộ phận khác (Ban Giám đốc, Kế toán, Hành chính)	3	3	3
Tổng	18	19	16

(Nguồn: Phòng hành chính)

Về quy mô, số lượng nhân sự của văn phòng có sự biến động nhẹ qua các năm. Năm 2024 ghi nhận quy mô nhân sự cao nhất (19 người) nhằm phục vụ mục tiêu mở rộng thị phần tại khu vực phía Nam. Đến năm 2025, tổng số nhân sự điều chỉnh về mức 16 người. Sự thay đổi này không phản ánh việc thu hẹp quy mô kinh doanh, mà thực tế nằm trong chiến lược tái cơ cấu nhân sự toàn hệ thống của công ty. Theo đó, một số nhân sự giàu kinh nghiệm sẽ được điều chỉnh từ văn phòng chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được điều chỉnh về cơ sở chính để đảm bảo các vai trò quản lý cấp cao và hỗ trợ công tác đào tạo nghiệp vụ tập trung, giúp tối ưu hóa bộ máy vận hành trên toàn quốc. Về trình độ chuyên môn, 100% đội ngũ nhân viên đều có trình độ từ Đại Học và Cao Đẳng chuyên ngành, am hiểu sâu sắc về Luật Hải quan và xuất nhập khẩu. Mặc dù số lượng nhân sự tại chỗ có sự giảm nhẹ vào năm 2025, nhưng năng suất lao động và chất lượng dịch vụ vẫn được duy trì ổn định nhờ quy trình làm việc đã được chuẩn hóa và việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong khâu xử lý chứng từ

2.1.5.2. Trang thiết bị công nghệ

Trong hoạt động logistics, đặc biệt là đối với nghiệp vụ khai báo hải quan điện tử, hệ thống trang thiết bị và công nghệ đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo tính chính xác và hiệu quả xử lý công việc nhằm đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong quy trình xử lý công việc. Tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ quốc tế HICHINA- văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh, hệ thống trang thiết bị công nghệ được đầu tư khá chỉnh chu, tương đối đầy đủ, phù hợp với quy mô của một doanh nghiệp về dịch vụ logistics.

Công ty sử dụng hệ thống phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS5-VNACCS để thực hiện khai báo tờ khai hải quan. Đây là công cụ phổ biến, cho phép kết nối trực tiếp với hệ thống VNACCS/VCIS của Tổng cục hải quan, giúp quá trình khai báo diễn ra nhanh chóng và chính xác hơn. Bên cạnh đó, công ty còn đầu tư vào trang thiết bị như: máy tính, máy in, máy scan,.. nhằm giúp cho quá trình phục vụ xử lý hồ sơ được thực hiện nhanh chóng và thuận tiện hơn. Hệ thống Internet tốc độ cao được duy trì ổn

định, đảm bảo việc truyền tờ khai và xử lý dữ liệu ổn định không bị gián đoạn. Nhìn chung, việc đầu tư vào trang thiết bị và công nghệ giúp nâng cao hiệu quả khai báo hải quan, hạn chế sai sót và đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa trong lĩnh vực logistics.

2.1.5.3. Cơ sở vật chất

Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh được đầu tư phù hợp với mô hình doanh nghiệp logistics quy mô văn phòng. Văn phòng làm việc được bố trí khoa học và phân chia thành các khu vực chức năng riêng biệt như bộ phận chứng từ, bộ phận khai báo hải quan, bộ phận kinh doanh và khu vực quản lý. Văn phòng được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc cần thiết, đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thuận lợi cho nhân viên. Ngoài ra, công ty không trực tiếp đầu tư vào hệ thống kho bãi mà chủ yếu hợp tác với các đối tác bên ngoài như cảng biển, ICD và kho ngoại quan. Điều này giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, đồng thời tăng tính linh hoạt trong việc xử lý các lô hàng xuất khẩu nguyên container (FCL), đảm bảo tiến độ và chất lượng dịch vụ.

2.1.5.4. Nguồn lực tài chính

- Tình hình về nguồn vốn

Nguồn lực tài chính đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina. Trong giai đoạn 2023–2025, cơ cấu nguồn vốn của công ty tương đối ổn định và phù hợp với mô hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics và dịch vụ hải quan. Nguồn vốn của công ty chủ yếu được hình thành từ vốn chủ sở hữu và lợi nhuận giữ lại, kết hợp với việc sử dụng một phần nợ phải trả nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động. Việc duy trì tỷ trọng vốn chủ sở hữu ở mức cao giúp doanh nghiệp nâng cao tính tự chủ tài chính, đồng thời hạn chế rủi ro từ việc phụ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Nhìn chung, với chính sách quản lý tài chính thận trọng, kết hợp giữa sử dụng vốn hiệu quả và kiểm soát chi phí chặt chẽ, công ty đã duy trì được sự ổn định tài chính và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Nhận xét:

Qua bảng số liệu và biểu đồ cho thấy, tổng nguồn vốn của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina trong giai đoạn 2023–2025 có xu hướng tăng trưởng liên tục, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động và khả năng huy động vốn ngày càng tốt của doanh nghiệp. Cụ thể, tổng nguồn vốn năm 2023 đạt 15.638.627.263 đồng, đến năm 2024 tăng lên 17.330.138.225 đồng, tương ứng tăng 1.691.510.962 đồng (+10,81%). Sang năm 2025, tổng nguồn vốn tiếp tục tăng lên 19.092.627.263 đồng, tăng thêm

1.762.489.038 đồng (+10,17%) so với năm 2024. Điều này cho thấy doanh nghiệp duy trì được đà tăng trưởng ổn định, mặc dù tốc độ tăng có xu hướng chậm lại nhẹ.

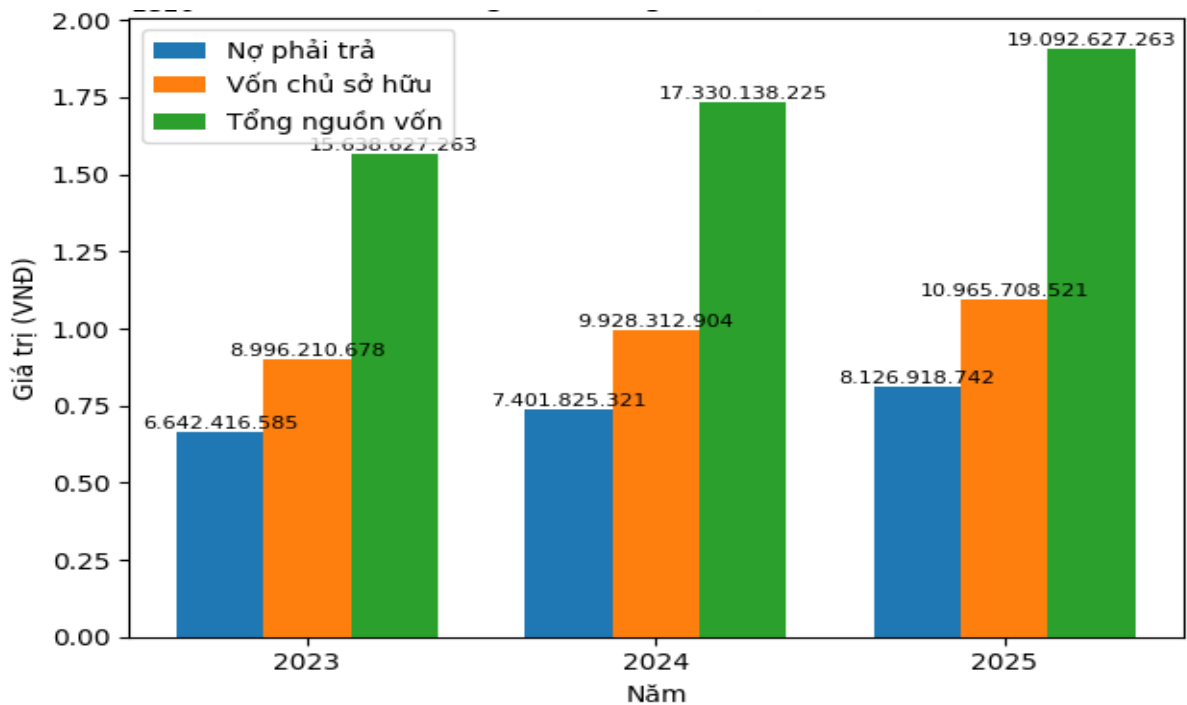
Xét về nợ phải trả, giá trị nợ của công ty tăng đều qua các năm. Năm 2023, nợ phải trả ở mức 6.642.416.585 đồng, đến năm 2024 tăng lên 7.401.825.321 đồng (tăng 759.408.736 đồng, tương ứng +11,43%). Năm 2025, nợ phải trả tiếp tục tăng lên 8.126.918.742 đồng, tăng 725.093.421 đồng (+9,80%) so với năm 2024. Trong cơ cấu nợ, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn, tăng từ 5.793.218.476 đồng lên 7.158.364.128 đồng, cho thấy doanh nghiệp chủ yếu sử dụng các khoản nợ ngắn hạn để tài trợ vốn lưu động. Trong khi đó, nợ dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ và tăng chậm hơn, từ 849.198.109 đồng lên 968.554.614 đồng, phản ánh mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính dài hạn còn hạn chế.

Bảng 2.2. Tình hình nguồn vốn của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025

(ĐVT: Đồng)

NGUỒN VỐN	2023	2024	2025	So sánh			
				2024/2023		2025/2024	
				±	%	±	%
A. NỢ PHẢI TRẢ	6.642.416.585	7.401.825.321	8.126.918.742	+759.408.736	+11,43%	+725.093.421	+9,80%
Nợ ngắn hạn	5.793.218.476	6.468.927.315	7.158.364.128	+675.708.839	+11,66%	+689.436.813	+10,66%
Nợ dài hạn	849.198.109	932.898.006	968.554.614	+83.699.897	+9,85%	+35.656.608	+3,82%
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.996.210.678	9.928.312.904	10.965.708.521	+932.102.226	+10,36%	+1.037.395.617	+10,45%
Vốn góp CSH	6.483.927.516	6.483.927.516	6.483.927.516	0	0%	0	0%
LNST chưa phân phối	2.512.283.162	3.444.385.388	4.481.781.005	+932.102.226	+37,11%	+1.037.395.617	+30,12%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	15.638.627.263	17.330.138.225	19.092.627.263	+1.691.510.962	+10,81%	+1.762.489.038	+10,17%

(Nguồn: Phòng kế toán)



Biểu đồ 2.1. Biểu biến động nguồn vốn của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025

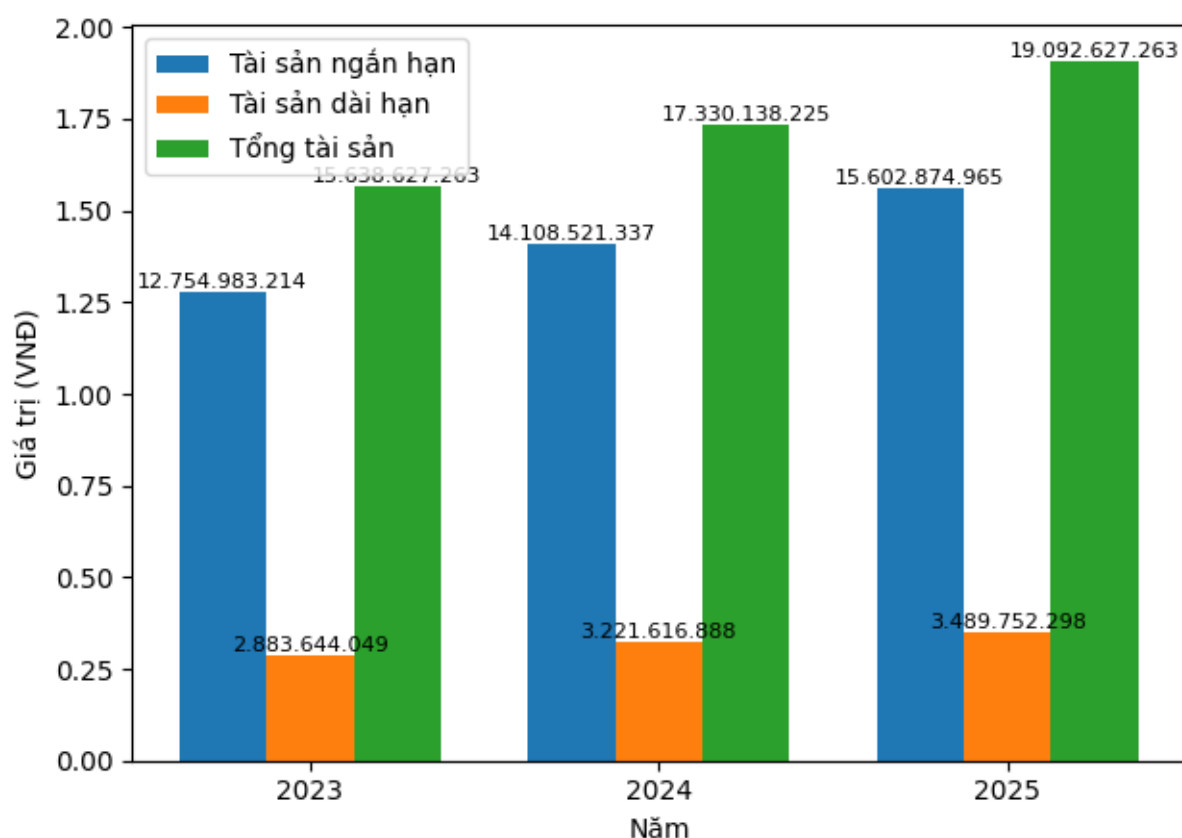
Đối với vốn chủ sở hữu, nguồn vốn này có xu hướng tăng trưởng ổn định và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn. Năm 2023 đạt 8.996.210.678 đồng, năm 2024 tăng lên 9.928.312.904 đồng (tăng +10,36%) và năm 2025 đạt 10.965.708.521 đồng (tăng +10,45%). Đáng chú ý, vốn góp của chủ sở hữu không thay đổi qua các năm (giữ ở mức 6.483.927.516 đồng), trong khi lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng mạnh, từ 2.512.283.162 đồng năm 2023 lên 4.481.781.005 đồng năm 2025 (tăng lần lượt +37,11% và +30,12%). Điều này cho thấy doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và có xu hướng giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư, qua đó nâng cao năng lực tài chính nội tại. Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn của công ty tương đối hợp lý khi vốn chủ sở hữu luôn lớn hơn nợ phải trả, giúp doanh nghiệp duy trì mức độ tự chủ tài chính cao và giảm thiểu rủi ro tài chính. Đồng thời, việc kết hợp linh hoạt giữa vốn tự có và vốn vay cho thấy doanh nghiệp đang tận dụng tốt đòn bẩy tài chính để mở rộng hoạt động kinh doanh, nhưng vẫn đảm bảo an toàn tài chính trong dài hạn.

Bảng 2.3. Tình hình tài sản của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025

(ĐVT: Đồng)

TÀI SẢN	2023	2024	2025	So sánh			
				2024/2023		2025/2024	
				±	%	±	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	12.754.983.214	14.108.521.337	15.602.874.965	+1.353.538.123	+10,61%	+1.494.353.628	+10,59%
Tiền và tương đương tiền	5.087.214.593	5.664.983.728	6.243.891.206	+577.769.135	+11,36%	+578.907.478	+10,22%
Phải thu ngắn hạn	6.216.738.521	6.861.742.693	7.589.214.368	+645.004.172	+10,37%	+727.471.675	+10,60%
TSNH khác	1.451.030.100	1.581.794.916	1.769.769.391	+130.764.816	+9,01%	+187.974.475	+11,88%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2.883.644.049	3.221.616.888	3.489.752.298	+337.972.839	+11,72%	+268.135.410	+8,32%
TSCĐ hữu hình	2.203.874.915	2.452.816.739	2.635.198.264	+248.941.824	+11,30%	+182.381.525	+7,44%
TSCĐ vô hình	472.193.784	538.127.563	612.408.947	+65.933.779	+13,96%	+74.281.384	+13,80%
TSDH khác	207.575.350	230.672.586	242.145.087	+23.097.236	+11,13%	+11.472.501	+4,97%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	15.638.627.263	17.330.138.225	19.092.627.263	+1.691.510.962	+10,81%	+1.762.489.038	+10,17%

(Nguồn: Bộ phận kế toán công ty)



Biểu đồ 2.2. Biểu biến động tài sản của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025

Qua bảng số liệu và biểu đồ cho thấy, tổng tài sản của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina trong giai đoạn 2023–2025 có xu hướng tăng trưởng liên tục, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động và năng lực tài chính ngày càng được cải thiện. Cụ thể, tổng tài sản năm 2023 đạt 15.638.627.263 đồng, đến năm 2024 tăng lên 17.330.138.225 đồng, tương ứng tăng 1.691.510.962 đồng (+10,81%). Sang năm 2025, tổng tài sản tiếp tục tăng lên 19.092.627.263 đồng, tăng thêm 1.762.489.038 đồng (+10,17%) so với năm 2024. Điều này cho thấy doanh nghiệp duy trì được đà tăng trưởng ổn định, phù hợp với xu hướng mở rộng hoạt động kinh doanh.

a. Tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản và có xu hướng tăng đều qua các năm. Năm 2023 đạt 12.754.983.214 đồng, năm 2024 tăng lên 14.108.521.337 đồng (tăng +10,61%) và năm 2025 đạt 15.602.874.965 đồng (tăng +10,59%). Điều này cho thấy khả năng đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp ngày càng được cải thiện, phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp logistics.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn:

- Tiền và tương đương tiền tăng từ 5.087.214.593 đồng năm 2023 lên 6.243.891.206 đồng năm 2025 (tăng lần lượt +11,36% và +10,22%), phản ánh

khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp được đảm bảo và ngày càng cải thiện.

- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 6.216.738.521 đồng lên 7.589.214.368 đồng (tăng +10,37% và +10,60%), cho thấy quy mô hoạt động kinh doanh mở rộng. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra yêu cầu doanh nghiệp cần kiểm soát tốt công nợ nhằm tránh rủi ro chiếm dụng vốn.
- Tài sản ngắn hạn khác tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng có xu hướng tăng đều, từ 1.451.030.100 đồng lên 1.769.769.391 đồng, phản ánh sự gia tăng các khoản chi phí trả trước và tài sản lưu động khác.

b. Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn cũng có xu hướng tăng ổn định qua các năm. Năm 2023 đạt 2.883.644.049 đồng, năm 2024 tăng lên 3.221.616.888 đồng (tăng +11,72%) và năm 2025 đạt 3.489.752.298 đồng (tăng +8,32%). Điều này cho thấy doanh nghiệp có xu hướng đầu tư dài hạn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Trong đó:

- Tài sản cố định hữu hình chiếm tỷ trọng lớn và tăng từ 2.203.874.915 đồng lên 2.635.198.264 đồng, phản ánh việc đầu tư vào cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động logistics và khai báo hải quan.
- Tài sản cố định vô hình tăng từ 472.193.784 đồng lên 612.408.947 đồng (tăng +13,96% và +13,80%), cho thấy doanh nghiệp chú trọng đầu tư vào phần mềm, hệ thống công nghệ như ECUS5, VNACCS nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Tài sản dài hạn khác tăng nhẹ qua các năm và chiếm tỷ trọng nhỏ, không ảnh hưởng lớn đến cơ cấu tài sản chung.

Nhìn chung, cơ cấu tài sản của công ty trong giai đoạn 2023–2025 tương đối hợp lý khi tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn, đảm bảo khả năng thanh toán và phục vụ nhu cầu vốn lưu động, trong khi tài sản dài hạn tăng trưởng ổn định, góp phần nâng cao năng lực hoạt động lâu dài. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã có chiến lược phân bổ tài sản phù hợp, vừa đảm bảo hiệu quả kinh doanh trước mắt, vừa hướng đến phát triển bền vững trong tương lai.

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

2.2.1. Các lĩnh vực kinh doanh chính

Trên cơ sở các lĩnh vực hoạt động, Văn phòng đại diện tại TP.Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa thành các nhóm dịch vụ kinh doanh chiến lược nhằm tối ưu hóa doanh thu và khẳng định uy tín trên thị trường. Sự phân bổ nguồn lực kinh doanh của đơn vị tập trung vào ba trụ cột chính:

1. Dịch vụ thủ tục hải quan (Mảng kinh doanh chủ lực):

Đây là dịch vụ đóng góp tỷ trọng lớn nhất vào cơ cấu doanh thu của đơn vị (khoảng 50%). Công ty thực hiện các nghiệp vụ thay mặt chủ hàng như áp mã HS Code, xác định trị giá tính thuế, truyền tờ khai trên hệ thống VNACCS/VCIS và thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành. Dịch vụ này không chỉ mang lại nguồn thu ổn định mà còn là mắt xích quan trọng để công ty tư vấn và cung cấp các dịch vụ vận tải đi kèm cho khách hàng.

2. Dịch vụ vận tải quốc tế:

Công ty tập trung khai thác các tuyến vận chuyển hàng hóa bằng đường biển đi các thị trường trọng điểm như và Châu Á. Nhờ vào sự liên kết chặt chẽ với các hãng tàu lớn (như Hapag-Lloyd, Maersk...), đơn vị có khả năng cung cấp giá cước cạnh tranh và lịch trình linh hoạt, đáp ứng nhu cầu kết nối giao thương quốc tế của các doanh nghiệp tại khu vực phía Nam.

3. Dịch vụ hậu cần và kho bãi:

Để cung cấp giải pháp Logistics trọn gói, đơn vị triển khai các dịch vụ hỗ trợ như lưu kho, đóng gói và xe kéo container (Trucking). Việc kết hợp linh hoạt giữa kho bãi và vận tải giúp khách hàng của công ty rút ngắn chu kỳ luân chuyển hàng hóa và tối ưu hóa chi phí hậu cần.

2.2.2. Thị trường và khách hàng

Văn phòng đại diện công ty tại TP. Hồ Chí Minh định hướng phát triển dựa trên việc khai thác sâu các thị trường trọng điểm có hiệp định thương mại tự do (FTA) với Việt Nam. Việc tập trung nguồn lực vào các phân khúc thị trường có tiêu chuẩn cao giúp đơn vị khẳng định năng lực chuyên môn trong việc xử lý chứng từ và thủ tục hải quan phức tạp

a. Về thị trường

Thị trường của công ty tập trung chủ yếu vào 3 khu vực kinh tế lớn, nơi nhu cầu nhập khẩu hàng hóa nguyên container từ Việt Nam luôn được duy trì ở mức cao và ổn định.

Bảng 2.4. Các thị trường xuất nhập khẩu trọng điểm của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina

STT	Khu vực thị trường	Tỷ trọng doanh thu
1	Thị trường Châu Âu	50%
2	Thị trường Châu Á	35%
3	Thị trường Bắc Mỹ	15%

(Nguồn: Phòng kinh doanh)

b. Về khách hàng

Cơ cấu khách hàng của công ty được phân loại theo tính chất hàng hóa và mức độ đóng góp vào doanh thu, đảm bảo cho sự hoạt động ổn định của văn phòng.

Bảng 2.5. Khách hàng mục tiêu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina

Nhóm khách hàng	Đặc điểm nhận diện	Khách hàng tiêu biểu
Khách hàng chiến lược (Key Accounts)	Các doanh nghiệp sản xuất lớn, có lượng hàng xuất khẩu FCL định kỳ và ổn định.	Các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu gỗ dán, gỗ tinh chế,...
Khách hàng vừa và nhỏ (SMEs)	Các đơn vị có nhu cầu xuất khẩu theo từng chiến dịch hoặc khối lượng lớn theo mùa vụ.	Doanh nghiệp xuất khẩu nông sản, thủ công mỹ nghệ xuất sang Mỹ/EU.
Khách hàng đại lý (Overseas Agents)	Các công ty Logistics quốc tế cần đại lý thực hiện thủ tục hải quan và vận chuyển tại Việt Nam.	Các đơn vị giao nhận vận tải tại Italia, Đức, Nhật Bản.

(Nguồn: Phòng kinh doanh)

Thị trường của Công ty Hichina có sự tập trung rất rõ nét với 50% doanh thu đến từ khu vực Châu Âu. Đây là thị trường yêu cầu sự chuyên nghiệp rất cao về mặt pháp lý và bộ chứng từ. Việc tập trung vào thị trường Châu Âu cho phép công ty phát huy tối đa lợi thế tư vấn thuế quan theo hiệp định EVFTA, giúp khách hàng tối ưu hóa chi phí đầu vào. Tỷ trọng này cũng giải thích lý do tại sao các nghiệp vụ về C/O và kiểm dịch thực vật luôn được bộ phận chứng từ của văn phòng đưa lên xử lý hàng đầu.

Về phần khách hàng, sự gắn kết chặt chẽ với các khách hàng chiến lược đóng vai trò là “*trụ cột xương sống*” cho hoạt động kinh doanh của văn phòng. Với các lô hàng xuất nhập khẩu, công ty không chỉ dừng lại ở vai trò là người làm dịch vụ vận tải, mà còn là đối tác hải quan cho khách hàng. Việc thấu hiểu đặc thù của mặt hàng sẽ giúp nhân viên hiện trường và chứng từ phối hợp nhịp nhàng, đảm bảo lô hàng luôn được thông quan đúng hạn, tránh hoàn toàn các chi phí phát sinh ngoài mong muốn cho lô hàng như lưu bãi, trễ tàu,... Sự tập trung vào các nhóm khách hàng theo ngành hàng thể mạnh thay vì dàn trải ra đã một phần giúp văn phòng duy trì được hiệu quả kinh doanh bền vững và nâng cao uy tín trong chuỗi cung ứng bền vững quốc tế.

2.2.3. Đối thủ cạnh tranh

Trong môi trường dịch vụ logistics đầy biến động tại khu vực phía Nam, việc nhận diện các đơn vị cùng phân khúc giúp văn phòng xác định được vị thế và xây dựng các chiến lược thích nghi phù hợp. Các đối thủ cạnh tranh của đơn vị hiện nay đa số là các doanh nghiệp đã có thâm niên lâu năm trong ngành, tạo ra một áp lực cạnh tranh nhất định về mặt thương hiệu và nguồn lực

Bảng 2.6. Các đối thủ cạnh tranh của công ty Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina

STT	Đơn vị cạnh tranh	Thế mạnh đặc trưng	Đặc điểm so sánh
1	Công ty CP Giao nhận Kho Vận Ngoại thương (VINATRANS)	Thương hiệu lâu đời, hệ thống kho bãi tự quản lý rộng lớn	Quy trình hành chính chặt chẽ, đôi khi thiếu sự linh hoạt trong việc hỗ trợ các yêu cầu cấp bách của khách hàng nhỏ.
2	Công ty TNHH Logistics Lokas	Giá cước vận tải quốc tế cạnh tranh ở các tuyến nội Á	Tập trung mạnh vào vận chuyển, chưa chú trọng sâu vào mảng tư vấn giải pháp hải quan trọn gói.
3	Công ty TNHH Tiếp vận Vantage	Chuyên nghiệp trong việc xử lý hàng dự án và hàng FCL đi thị trường Mỹ, EU	Ưu tiên phục vụ các tập đoàn lớn, mức phí dịch vụ (local charges) thường cao hơn so với mặt bằng chung.
4	Công ty TNHH Giao nhận và vận tải BEE Logistics	Mạng lưới đại lý toàn cầu rộng khắp, dịch vụ đa dạng	Phân cấp quản lý nhiều tầng, dẫn đến việc tiếp nhận và xử lý tại cảng nhiều lúc có sự chậm trễ.

(Nguồn: Phòng Kinh Doanh)

Thông qua bảng so sánh, có thể thấy rằng các đối thủ cạnh tranh của công ty đều là những đơn vị có quy mô lớn và mạng lưới vận hành rộng. Tuy nhiên, điều này cũng tạo ra những khoảng trống thị trường mà một đơn vị có cấu trúc tinh gọn như Công ty Hichina có thể khai thác tốt. Thay vì cạnh tranh trực tiếp về quy mô kho bãi hay mạng lưới toàn cầu, công ty chủ yếu tập trung vào “Sự tận tâm và tính linh hoạt”. Trong khi các doanh nghiệp lớn thường áp dụng quy trình cứng nhắc, thì Công ty Hichina lại xây dựng cơ chế phối hợp trực tiếp 24/7 giữa các bộ phận Chứng từ và Hiện trường. Điều này rất quan trọng đối với các mặt hàng có tính thời điểm cao, công ty sẽ giúp khách hàng xử lý nhanh các vướng mắc tại cửa khẩu mà không cần chờ đợi phê duyệt qua nhiều cấp.

Bên cạnh đó, việc tối ưu hóa chi phí quản lý giúp đơn vị đưa ra mức phí dịch vụ hợp lý hơn so với các đối thủ lớn, trong khi vẫn đảm bảo được chất lượng tư vấn chuyên sâu về các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Đây chính là yếu tố then chốt giúp văn phòng duy trì được sự tín nhiệm từ các nhóm khách hàng chủ lực và giữ vững thị trường trong phân khúc.

2.2.4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Trong giai đoạn 2023–2025, hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Hichina có sự biến động đáng chú ý, thể hiện rõ xu hướng tăng trưởng về quy mô nhưng đồng thời cũng bộc lộ những hạn chế về hiệu quả hoạt động. Qua bảng số liệu cho thấy, doanh thu thuần của công ty duy trì đà tăng trưởng ổn định qua các năm. Cụ thể, năm 2023 doanh thu đạt 24.435.218.764 đồng, đến năm 2024 tăng lên 26.743.581.902 đồng, tương ứng mức tăng 9,44%. Sang năm 2025, doanh thu tiếp tục tăng lên 29.184.927.615 đồng, tăng 2.441.345.713 đồng so với năm 2024, tương ứng 9,13%. Điều này phản ánh doanh nghiệp đang từng bước mở rộng quy mô hoạt động, gia tăng sản lượng dịch vụ và nâng cao khả năng tiếp cận thị trường. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng doanh thu có xu hướng chậm lại nhẹ, cho thấy thị trường bắt đầu có sự cạnh tranh gay gắt hơn, đồng thời doanh nghiệp có thể đang tiến gần đến ngưỡng tăng trưởng ổn định.

Bên cạnh sự gia tăng về doanh thu, giá vốn hàng bán của công ty cũng tăng mạnh và với tốc độ cao hơn. Cụ thể, giá vốn năm 2024 tăng 13,47% so với năm 2023 và năm 2025 tiếp tục tăng 12,02% so với năm 2024. Việc giá vốn tăng nhanh hơn doanh thu cho thấy chi phí đầu vào của doanh nghiệp đang chịu áp lực lớn, đặc biệt trong bối cảnh ngành logistics phụ thuộc nhiều vào các yếu tố như chi phí vận tải, nhiên liệu, lưu kho và nhân công. Điều này dẫn đến lợi nhuận gộp tuy vẫn tăng nhưng với tốc độ rất thấp, chỉ đạt mức tăng 1,06% trong năm 2024 và 2,38% trong năm 2025. Sự gia tăng chậm của lợi nhuận gộp phản ánh rõ rệt tình trạng suy giảm biên lợi nhuận gộp, cho thấy hiệu quả kiểm soát chi phí của doanh nghiệp chưa thực sự tối ưu.

Bảng 2.7. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	So sánh			
				2024/2023		2025/2024	
				±	%	±	%
Doanh thu thuần	24.435.218.764	26.743.581.902	29.184.927.615	+2.308.363.138	+9,44%	+2.441.345.713	+9,13%
Giá vốn hàng bán	16.508.374.921	18.732.695.148	20.983.416.507	+2.224.320.227	+13,47%	+2.250.721.359	+12,02%
Lợi nhuận gộp	7.926.843.843	8.010.886.754	8.201.511.108	+84.042.911	+1,06%	+190.624.354	+2,38%
Doanh thu tài chính	121.386.542	158.294.771	193.875.264	+36.908.229	+30,40%	+35.580.493	+22,47%
Chi phí tài chính	318.764.295	431.905.682	489.276.913	+113.141.387	+35,49%	+57.371.231	+13,28%
Chi phí bán hàng	2.124.738.561	2.397.184.936	2.856.407.218	+272.446.375	+12,82%	+459.222.282	+19,15%
Chi phí QLDN	1.586.928.417	1.709.563.280	1.933.742.665	+122.634.863	+7,73%	+224.179.385	+13,11%
LN thuần HĐKD	4.017.799.112	3.630.527.627	3.115.959.576	-387.271.485	-9,64%	-514.568.051	-14,17%
Thu nhập khác	96.248.317	74.392.681	58.174.936	-21.855.636	-22,71%	-16.217.745	-21,80%
Chi phí khác	42.365.904	55.816.247	49.728.153	+13.450.343	+31,74%	-6.088.094	-10,90%
Lợi nhuận trước thuế	4.071.681.525	3.649.104.061	3.124.406.359	-422.577.464	-10,38%	-524.697.702	-14,38%
Thuế TNDN	814.336.305	729.820.812	624.881.272	-84.515.493	-10,38%	-104.939.540	-14,38%
Lợi nhuận sau thuế	3.257.345.220	2.919.283.249	2.499.525.087	-338.061.971	-10,38%	-419.758.162	-14,38%

(Nguồn: Bộ phận kế toán công ty)

Xét về chi phí hoạt động, các khoản chi phí của công ty đều có xu hướng gia tăng qua các năm. Chi phí tài chính tăng mạnh, đặc biệt trong năm 2024 với mức tăng 35,49%, cho thấy doanh nghiệp có thể đã gia tăng sử dụng vốn vay hoặc chịu tác động từ biến động lãi suất. Sang năm 2025, chi phí tài chính vẫn tiếp tục tăng ở mức 13,28%, phản ánh áp lực tài chính chưa được cải thiện đáng kể. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng tăng nhanh, đặc biệt năm 2025 tăng 19,15%, cho thấy doanh nghiệp đang đẩy mạnh các hoạt động marketing, tìm kiếm khách hàng và mở rộng thị trường. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng đều qua các năm, phản ánh sự mở rộng về quy mô tổ chức và bộ máy quản lý. Tuy nhiên, việc các loại chi phí này gia tăng đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết về nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát chi phí.

Do tác động tổng hợp của việc chi phí tăng nhanh hơn doanh thu, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty có xu hướng giảm liên tục. Cụ thể, lợi nhuận thuần năm 2023 đạt 4.017.799.112 đồng, giảm xuống còn 3.630.527.627 đồng năm 2024 (giảm 9,64%) và tiếp tục giảm còn 3.115.959.576 đồng năm 2025 (giảm 14,17%). Xu hướng này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đang suy giảm, mặc dù quy mô doanh thu vẫn tăng. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế cũng có xu hướng giảm tương tự, trong đó lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 3.257.345.220 đồng, giảm xuống 2.919.283.249 đồng năm 2024 và còn 2.499.525.087 đồng năm 2025. Ngoài ra, thu nhập khác của doanh nghiệp có xu hướng giảm, trong khi chi phí khác biến động không ổn định, càng làm gia tăng áp lực lên lợi nhuận trước thuế.

Từ những phân tích trên có thể nhận thấy, mô hình tăng trưởng của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina trong giai đoạn này chủ yếu mang tính chất mở rộng về quy mô (tăng trưởng theo chiều rộng), trong khi hiệu quả kinh doanh (chiều sâu) lại có xu hướng suy giảm. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc chi phí đầu vào tăng nhanh, áp lực cạnh tranh về giá trong ngành logistics, cũng như hạn chế trong công tác quản trị chi phí và tối ưu hóa hoạt động. Đồng thời, việc phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động kinh doanh cốt lõi mà chưa đa dạng hóa nguồn thu cũng khiến doanh nghiệp dễ bị ảnh hưởng khi thị trường biến động. Nhìn chung, mặc dù công ty Hichina đạt được sự tăng trưởng ổn định về doanh thu và quy mô hoạt động trong giai đoạn 2023–2025, nhưng hiệu quả kinh doanh chưa tương xứng do chi phí gia tăng nhanh chóng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với doanh nghiệp trong việc kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu hóa quy trình hoạt động, đặc biệt là trong lĩnh vực logistics và khai báo hải quan. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và đảm bảo sự phát triển bền vững trong thời gian tới.

Nhận xét bảng số liệu kết quả hoạt động kinh doanh

a. Về quy mô và xu hướng hoạt động

Qua bảng số liệu cho thấy, trong giai đoạn 2023–2025, quy mô hoạt động của Công ty có xu hướng mở rộng rõ rệt. Doanh thu thuần tăng đều qua các năm, phản ánh sự gia tăng về sản lượng dịch vụ, số lượng khách hàng cũng như khả năng khai thác thị trường của doanh nghiệp. Tuy tốc độ tăng trưởng có dấu hiệu chững lại nhẹ vào năm 2025, nhưng nhìn chung xu hướng tăng trưởng vẫn ổn định, phù hợp với đặc điểm của ngành logistics trong giai đoạn cạnh tranh cao. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã duy trì được vị thế nhất định trên thị trường và có nền tảng phát triển tương đối bền vững.

b. Về hiệu quả sử dụng nguồn lực

Hiệu quả sử dụng nguồn lực được thể hiện thông qua mối quan hệ giữa doanh thu, chi phí và lợi nhuận. Mặc dù doanh thu tăng qua các năm, nhưng giá vốn hàng bán lại tăng với tốc độ cao hơn, cho thấy chi phí đầu vào của doanh nghiệp đang gia tăng nhanh chóng. Bên cạnh đó, các khoản chi phí hoạt động như chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều có xu hướng tăng, phản ánh việc doanh nghiệp mở rộng quy mô và gia tăng đầu tư cho hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, việc chi phí tăng nhanh hơn doanh thu cho thấy hiệu quả sử dụng nguồn lực chưa cao, công tác quản trị chi phí còn hạn chế.

c. Về khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời của doanh nghiệp có xu hướng suy giảm trong giai đoạn này. Mặc dù lợi nhuận gộp vẫn tăng nhẹ, nhưng tốc độ tăng rất thấp do chịu ảnh hưởng của chi phí đầu vào tăng cao. Đặc biệt, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều giảm qua các năm. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang gặp áp lực lớn trong việc duy trì hiệu quả kinh doanh, khi mà tăng trưởng doanh thu không đi kèm với tăng trưởng lợi nhuận. Sự suy giảm khả năng sinh lời phản ánh biên lợi nhuận đang bị thu hẹp, đồng thời cho thấy doanh nghiệp cần có giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động.

d. Về cơ cấu doanh thu và hoạt động kinh doanh

Xét về cơ cấu doanh thu, nguồn thu của doanh nghiệp chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ logistics, trong khi doanh thu tài chính và thu nhập khác chiếm tỷ trọng nhỏ và không ổn định. Điều này cho thấy doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào hoạt động cốt lõi, chưa đa dạng hóa nguồn thu. Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, việc thiếu các nguồn thu bổ trợ có thể làm gia tăng rủi ro và ảnh hưởng đến khả năng ổn định lợi nhuận.

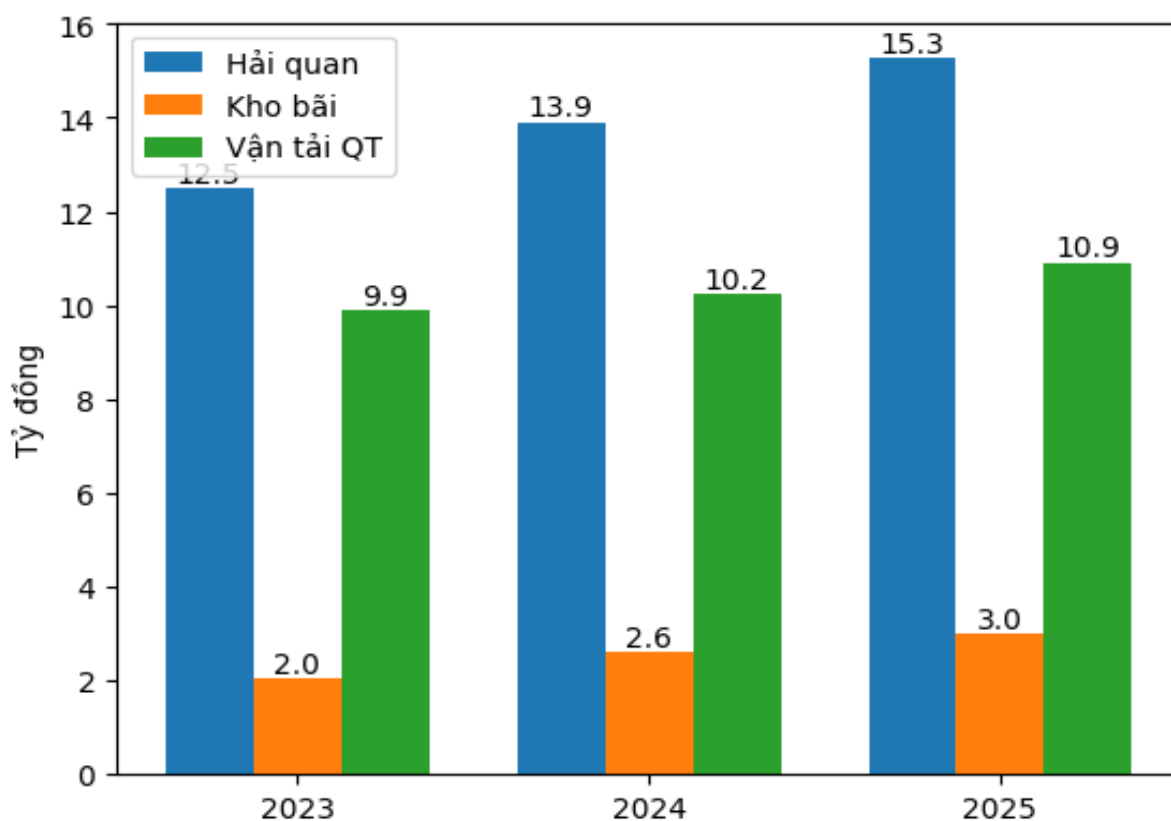
2.2.5. Kết quả kinh doanh hoạt động dịch vụ cung cấp

Bảng 2.8. Cơ cấu doanh thu theo dịch vụ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 – 2025

(ĐVT :Đồng)

Dịch vụ	2023	2024	2025	So sánh			
				2024/2023		2025/2024	
				±	%	±	%
Hải quan	12.486.732.158	13.905.468.721	15.267.384.902	+1.418.736.563	+11,36%	+1.361.916.181	+9,79%
Kho bãi	2.048.391.276	2.610.582.913	3.001.284.517	+562.191.637	+27,45%	+390.701.604	+14,97%
Vận tải quốc tế	9.900.095.330	10.227.530.268	10.916.258.196	+327.434.938	+3,31%	+688.727.928	+6,73%
Tổng doanh thu	24.435.218.764	26.743.581.902	29.184.927.615	+2.308.363.138	+9,44%	+2.441.345.713	+9,13%

(Nguồn: Phòng kế toán)



Biểu đồ 2.3. Biểu đồ cơ cấu doanh thu theo dịch vụ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025

Trong giai đoạn 2023-2025, hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, tập trung chủ yếu vào 3 nhóm dịch vụ nòng cốt là dịch vụ hải quan, vận tải quốc tế và kho bãi. Tổng doanh thu thuần của đơn vị có sự chuyển biến rõ rệt qua từng năm, tăng từ 24,43 tỷ đồng năm 2023 lên 29,18 tỷ đồng năm 2025, tương ứng với mức tăng trưởng bình quân khoảng 9,3%/năm. Đây là minh chứng cho chiến lược phát triển đúng đắn của văn phòng trong việc tối ưu hóa chuỗi cung ứng dịch vụ logistics tại khu vực phía Nam.

Dịch vụ hải quan đóng vai trò là hoạt động trụ cột, luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất và duy trì đà tăng trưởng ổn định với doanh thu đạt 15,26 tỷ đồng vào năm 2025. Sự gia tăng này không chỉ phản ánh nhu cầu thị trường ngày càng cao mà còn cho thấy năng lực nghiệp vụ chuyên sâu của đội ngũ nhân sự trong việc xử lý các bộ chứng từ phức tạp cho hàng nguyên container (FCL). Việc ứng dụng thành thạo phần mềm ECUS5-VNACCS đã giúp doanh nghiệp nâng cao tính chính xác và rút ngắn thời gian thông quan, từ đó tạo dựng niềm tin và giữ chân các khách hàng chiến lược. Song song với đó, dịch vụ vận tải quốc tế cũng duy trì mức đóng góp quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu doanh thu. Điểm sáng của mảng này là sự chuyển dịch cơ cấu thị trường khi doanh thu từ khu vực Châu Âu có tốc độ tăng trưởng ổn định nhất, từ 3,21 tỷ đồng (2023) lên hơn 4,01 tỷ đồng (2025). Kết quả này có được nhờ công ty đã khai thác hiệu

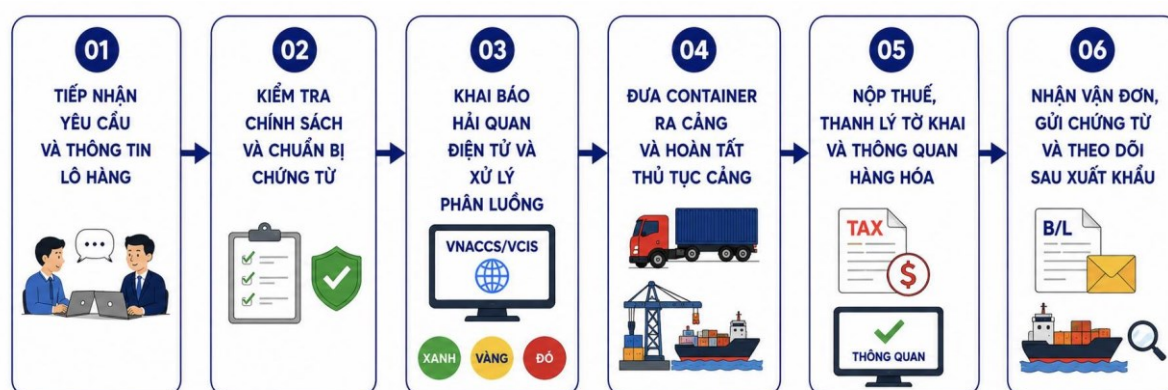
quả các ưu đãi từ hiệp định EVFTA để thúc đẩy các lô hàng gỗ dán xuất khẩu sang Ý và Đức. Dù thị trường Châu Á vẫn chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất nhờ lợi thế về khoảng cách địa lý, nhưng sự bứt phá tại các tuyến xa đã giúp công ty khẳng định được vị thế của một đơn vị giao nhận vận tải quốc tế chuyên nghiệp. Đặc biệt, dịch vụ kho bãi và lưu trữ hàng hóa dù chiếm tỷ trọng nhỏ nhất nhưng lại có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ nhất về mặt tỷ lệ phần trăm, đạt mốc 3 tỷ đồng vào năm 2025. Sự gia tăng này minh chứng cho tính hiệu quả của mô hình quản lý linh hoạt, khi công ty không trực tiếp đầu tư hạ tầng tốn kém mà chủ yếu hợp tác với các hệ thống cảng biển, ICD và kho ngoại quan uy tín.

Mô hình "logistics tài sản nhẹ" này giúp doanh nghiệp giảm áp lực vốn, tối ưu hóa chi phí vận hành nhưng vẫn đáp ứng kịp thời nhu cầu lưu kho và đóng hàng FCL của khách hàng. Nhìn chung, sự phối hợp nhịp nhàng giữa ba mảng dịch vụ đã tạo nên một hệ sinh thái logistics khép kín, giúp Hichina không chỉ tăng trưởng về doanh thu mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh trong môi trường kinh doanh đầy biến động.

2.3. Thực trạng quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL tại công ty

2.3.1. Quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL bằng đường biển của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1.1. Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL bằng đường biển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina



Sơ đồ 2.2. Quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL bằng đường biển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina

(Nguồn: Phòng xuất nhập khẩu)

2.3.1.2. Phân tích chi tiết các bước của quy trình

Bước 1. Tiếp nhận yêu cầu và thông tin lô hàng.

Đây được xem là bước nền tảng cho toàn bộ quy trình. Tại công ty Hichina, phòng Xuất nhập khẩu tiếp nhận thông tin từ khách hàng thông qua hợp đồng dịch vụ, Email hoặc các kênh liên lạc trực tiếp. Các thông tin bao gồm đặc điểm hàng hóa, điều kiện

giao hàng (Incotems), cảng đích, loại container và yêu cầu đặc biệt. Sau khi tiếp nhận, thông tin được chuyển giao kịp thời cho bộ phận Chứng từ để xử lý tiếp theo.

Bước 2. Kiểm tra chính sách và chuẩn bị chứng từ.

Đây là khâu quan trọng nhất, quyết định mức độ tuân thủ pháp luật và tỷ lệ thông quan suôn sẻ của lô hàng. Bộ phận Chứng từ tiến hành kiểm tra chính sách xuất khẩu, xác định mã HS Code, kiểm tra điều kiện hưởng ưu đãi theo các hiệp định thương mại tự do và yêu cầu khách hàng cung cấp đầy đủ bộ chứng từ cần thiết. Các chứng từ chính bao gồm Invoice, Packing List, C/O,... Toàn bộ hồ sơ được kiểm tra tính thống nhất và hoàn thiện trước khi chuyển sang bước khai báo.

Bước 3. Khai báo hải quan điện tử và xử lý phân luồng.

Nhân viên bộ phận Chứng từ nhập liệu và truyền tờ khai hải quan lên hệ thống VNACCS/VCIS. Sau khi truyền tờ khai, công ty theo dõi kết quả phân luồng (Xanh, Vàng hoặc Đỏ) và xử lý các yêu cầu bổ sung chứng từ hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan.

Bước 4. Đưa container ra cảng và hoàn tất thủ tục cảng.

Bộ phận Hiện trường phối hợp với bộ phận Chứng từ thực hiện booking container, xếp hàng vào container, niêm phong seal, làm thủ tục hạ bãi (EIR), nộp Manifest cho hãng tàu và cơ quan hải quan, đồng thời giám sát quá trình bốc xếp hàng hóa lên tàu tại cảng.

Bước 5. Nộp thuế, thanh lý tờ khai và thông quan hàng hóa.

Bộ phận Chứng từ tính toán các khoản thuế, phí phải nộp (nếu có), hướng dẫn khách hàng thực hiện thanh toán, sau đó tiến hành thanh lý tờ khai hệ thống và nhận quyết định thông quan từ cơ quan hải quan.

Bước 6. Nhận vận đơn, gửi chứng từ và theo dõi sau xuất khẩu.

Sau khi hàng hóa được bốc lên tàu. Công ty nhận vận đơn gốc (Original Bill of Lading) hoặc Telex Release từ hãng tàu, hoàn thiện toàn bộ bộ chứng từ và bàn giao cho khách hàng. Đồng thời, nhân viên tiếp tục theo dõi hành trình của lô hàng và hỗ trợ thông báo các thông tin cần thiết cho đối tác nhập khẩu.

2.3.2. Quy trình thủ tục hải quan xuất khẩu lô hàng thực tế của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.2.1. Thông tin lô hàng thực tế xuất khẩu theo điều kiện CNF

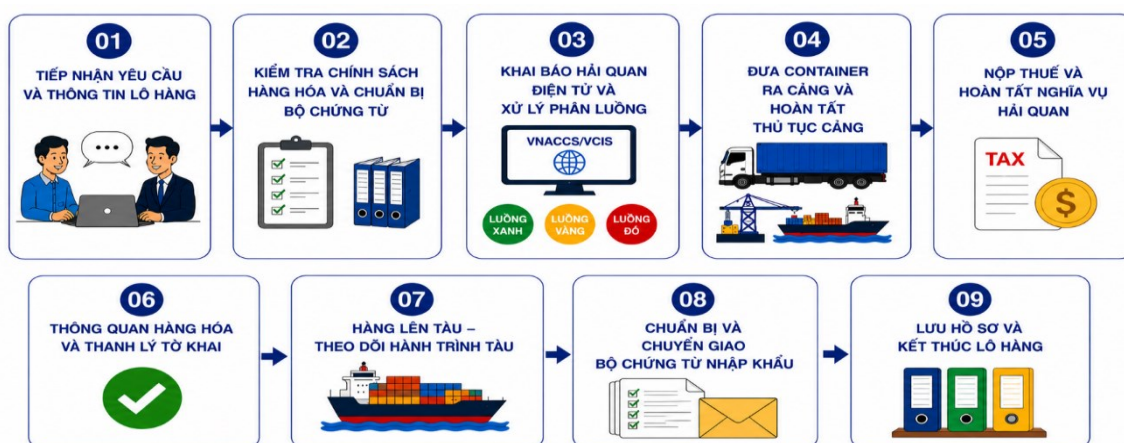
Công ty Hichina là đơn vị cung cấp dịch vụ khai báo hải quan và hỗ trợ thực hiện thủ tục xuất khẩu cho khách hàng là Công ty TNHH Kè Gỗ. Hichina thay mặt doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, khai báo hải quan điện tử, phối hợp kiểm hóa, thông quan hàng hóa và hỗ trợ giao nhận chứng từ với hãng tàu, cảng và các bên liên quan.

Thông tin lô hàng:

Người xuất khẩu: KEGO COMPANY LIMITED (Công ty TNHH Kê Gỗ)
 Người nhập khẩu: ASCHIERO WOOD IMPORT SPA, Italia
 Hàng hóa: Assembled Wood Container Flooring Panels with Eucalyptus Plywood
 (Tấm sàn container gỗ dán từ gỗ bạch đàn)
 Quy cách: 28 x 1160 x 2400 mm
 Số lượng: 930 sheets / 30 pallets
 Mã HS: 44123100
 Tổng trọng lượng tịnh: 54.870 KGS
 Tổng trọng lượng cả bì (Gross Weight): 55.350 KGS
 Dung tích: 72.50 CBM
 Tàu vận chuyển: MERKUR ARCHIPELAGO – Voyage 617S
 Cảng đi: Cát Lái Port, Việt Nam
 Cảng đến: Genoa Port, Italia
 Ngày giao hàng lên tàu (Shipped on Board): 22/04/2026
 Điều kiện thương mại: CNF Genoa Port, Italia (Incoterms 2010)

Trong lô hàng này, Công ty TNHH Hichina đóng vai trò là đơn vị dịch vụ thủ tục hải quan, hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ liên quan đến xuất khẩu hàng hóa như kiểm tra chính sách mặt hàng, chuẩn bị bộ chứng từ xuất khẩu, khai báo hải quan trên hệ thống VNACCS/VCIS, xử lý thông quan, phối hợp với hãng tàu và cảng để đảm bảo hàng hóa được xuất khẩu đúng tiến độ và đúng quy định pháp luật.

2.3.2.2. Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu lô hàng thực tế theo điều kiện CNF



Sơ đồ 2.3. Quy trình thủ tục hải quan xuất khẩu lô hàng thực tế sang Italia theo điều kiện CNF của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina

(Nguồn: Phòng Xuất – Nhập khẩu)

2.3.2.3. Phân tích quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu lô hàng thực tế theo điều kiện CNF

Bước 1. Tiếp nhận yêu cầu và thông tin lô hàng

Công ty Hichina tiếp nhận yêu cầu thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu từ khách hàng là công ty TNHH Kẽ Gỗ (KEGO COMPANY LIMITED). Ở giai đoạn này, khách hàng chủ yếu cung cấp các thông tin cơ bản của lô hàng để đơn vị dịch vụ hải quan nắm được nhu cầu xuất khẩu và lên phương án xử lý phù hợp. Theo nội dung yêu cầu từ email của khách hàng, khách hàng đề nghị xuất khẩu mặt hàng gỗ dán container với các thông tin cụ thể sau:

Số lượng: 02 container 40'HC

Hàng hóa: Assembled Wood Container Flooring Panels with Eucalyptus Plywood

Điều kiện thương mại: CNF Genoa Port, Italia (Incoterms 2010)

Cảng đi: Cát Lái Port, Việt Nam

Cảng đến: Genoa Port, Italia

ETD dự kiến: trước ngày 22/04/2026

Hãng tàu (Line): Hapag-Lloyd

Phương thức thanh toán: T/T

Dựa trên các thông tin ban đầu này, Hichina tiến hành tiếp nhận yêu cầu, tư vấn sơ bộ về phương án xuất khẩu, kiểm tra khả năng thực hiện lô hàng cũng như dự kiến thời gian xử lý và các chi phí liên quan. Đây là cơ sở để doanh nghiệp tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo như kiểm tra chính sách hàng hóa, xác định mã HS và chuẩn bị bộ hồ sơ chứng từ xuất khẩu.

Bước 2 Kiểm tra chính sách hàng hóa và chuẩn bị chứng từ

Sau khi tiếp nhận thông tin ban đầu của lô hàng, Công ty TNHH Hichina tiến hành kiểm tra chính sách mặt hàng xuất khẩu nhằm xác định đúng mã HS, chính sách thuế và các quy định quản lý chuyên ngành áp dụng đối với mặt hàng gỗ dán sang thị trường Italia.

Dựa trên đặc điểm hàng hóa là tấm sàn container gỗ dán nhiều lớp từ gỗ bạch đàn (Eucalyptus), đã qua xử lý nhiệt và dùng làm vật liệu lót sàn container, Hichina xác định mã HS phù hợp là 44123100 - thuộc nhóm gỗ dán có ít nhất một lớp ngoài bằng gỗ nhiệt đới. Việc xác định chính xác mã HS có ý nghĩa quan trọng vì đây là căn cứ để áp dụng chính sách thuế, kiểm tra chuyên ngành và khai báo hải quan chính xác, tránh phát sinh sai sót trong quá trình thông quan.

Qua tra cứu biểu thuế xuất khẩu hiện hành, mặt hàng này có thuế suất xuất khẩu 0%, không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu và không nằm trong danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu hoặc xuất khẩu có điều kiện đặc biệt. Đồng thời, lô hàng không thuộc diện phải xin giấy phép xuất khẩu chuyên ngành, không yêu cầu kiểm dịch thực vật và không bắt buộc hun trùng trước khi xuất khẩu do hàng đã được xử lý nhiệt theo tiêu chuẩn của đối tác nhập khẩu.

Thông tin tham khảo:

- Biểu thuế xuất nhập khẩu



Hình 2.1. Biểu thuế xuất nhập khẩu 2026

- Tra cứu mã HS code của hàng hóa

4412	Gỗ dán, tấm gỗ dán veneer và các loại gỗ ghép tương tự.
44121000	- Cửa tre
	- Gỗ dán khác, chỉ bao gồm những lớp gỗ (trừ tre), mỗi lớp có chiều dày không quá 6 mm:
44123100	- - Với ít nhất một lớp ngoài bằng gỗ nhiệt đới
44123300	- - Loại khác, với ít nhất một lớp mặt ngoài bằng gỗ không thuộc loài cây lá kim thuộc các loài cây trần (<i>Alnus spp.</i>), cây tần bì (<i>Fraxinus spp.</i>), cây dẻ gai (<i>Fagus spp.</i>), cây bạch dương (<i>Betula spp.</i>), cây anh đào (<i>Prunus spp.</i>), cây hạt dẻ (<i>Castanea spp.</i>), cây du (<i>Ulmus spp.</i>), cây bạch đàn (<i>Eucalyptus spp.</i>), cây mại châu (<i>Carya spp.</i>), cây hạt dẻ ngựa (<i>Aesculus spp.</i>), cây đoan (<i>Tilia spp.</i>), cây thích (<i>Acer spp.</i>), cây sồi (<i>Quercus spp.</i>), cây tiêu huyền (<i>Platanus spp.</i>), cây dương (poplar và aspen) (<i>Populus spp.</i>), cây dương hòe (<i>Robinia spp.</i>), cây hoàng dương (<i>Liriodendron spp.</i>) hoặc cây óc chó (<i>Juglans spp.</i>)

Hình 2.2. Tra cứu mã hàng của hàng hóa

Bên cạnh việc kiểm tra chính sách hàng hóa, Hichina phối hợp với công ty TNHH Kê Gỗ trong việc chuẩn bị và rà soát toàn diện bộ chứng từ xuất khẩu. Quá trình này đòi hỏi sự đối chiếu chặt chẽ giữa các chứng từ nhằm đảm bảo tính chính xác, thống nhất thông tin và phù hợp với yêu cầu của hải quan cũng như đối tác nhập khẩu tại Italia. Một bộ chứng từ đầy đủ và chính xác là tiền đề quan trọng giúp quá trình khai báo hải quan và thông quan diễn ra thuận lợi.

Bộ chứng từ cần thiết cho lô hàng xuất khẩu theo điều kiện CNF bao gồm:

Booking Confirmation (Lệnh cấp container rỗng / xác nhận đặt chỗ): Sau khi doanh nghiệp làm việc với hãng tàu, hãng tàu sẽ phát hành booking xác nhận với các thông tin như số booking, tên tàu, cảng đi, cảng đến, thời gian SI cut-off, VGM cut-off và CY cut-off để doanh nghiệp chủ động kế hoạch đóng hàng và giao container ra cảng.

Commercial Invoice (Hóa đơn thương mại) và *Packing List* (Phiếu đóng gói): Do KEGO COMPANY LIMITED lập ra, phản ánh chi tiết thông tin về:

- Số lượng hàng: 930 sheets / 30 pallets

- Loại hàng: Assembled Wood Container Flooring Panels with Eucalyptus Plywood
- Đơn giá: USD 41.50/sheet
- Tổng giá trị lô hàng: USD 38,595
- Tổng trọng lượng tịnh: 54.870 KGS
- Tổng trọng lượng cả bì: 55.350 KGS

(Phụ lục 1 và 2)

Sales Contract (Hợp đồng ngoại thương): Văn bản pháp lý thể hiện thỏa thuận thương mại giữa KEGO COMPANY LIMITED và ASCHIERO WOOD IMPORT SPA, quy định rõ:

- Điều kiện giao hàng: CNF Genoa Port, Italia (Incoterms 2010)
 - Phương thức thanh toán: T/T
 - Cảng đi: Cát Lái Port, Việt Nam
 - Cảng đến: Genoa Port, Italia
 - Trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên trong quá trình giao nhận hàng hóa
- (Phụ lục 3)

Bill of Lading (Vận đơn đường biển) Sau khi doanh nghiệp hoàn tất SI và VGM, hãng tàu Hapag-Lloyd phát hành vận đơn chính thức với các thông tin như:

- Tên tàu: MERKUR ARCHIPELAGO – Voyage 617S
- Tuyến vận chuyển: Cát Lái Port → Genoa Port
- Số container: HAMU3842970, FANU1055262
- Ngày Shipped on Board: 22/04/2026

(Phụ lục 4)

Certificate of Origin – C/O (Giấy chứng nhận xuất xứ) Giấy chứng nhận xác nhận hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, phục vụ cho quá trình nhập khẩu tại Italia và chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa.

(Phụ lục 5)

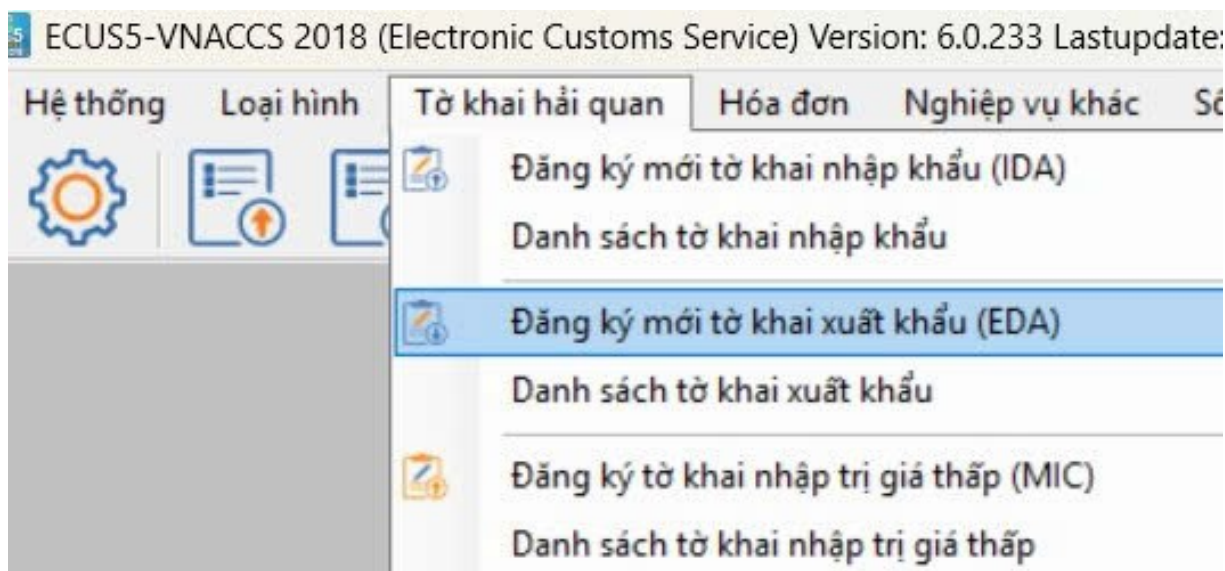
Bước 3 Khai báo hải quan điện tử và xử lý phân luồng

Sau khi hoàn tất việc kiểm tra chính sách hàng hóa và chuẩn bị đầy đủ bộ chứng từ xuất khẩu, công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina tiến hành khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS cho lô hàng xuất khẩu.

Khai báo hải quan điện tử thực hiện theo các bước sau:

Giai đoạn 1 : Từ giao diện chính của chương trình, vào menu: **“Tờ khai hải quan”**, chọn **“Đăng ký mới tờ khai xuất khẩu (EDA)”**

Khi đó màn hình tờ khai xuất hiện ra như sau:



Hình 2.3. Giao diện đăng ký mới tờ khai xuất khẩu (EDA) trên phần mềm ECUS5-VNACCS

Giai đoạn 2: Tiến hành nhập thông tin trong tab “Thông tin chung”

Nhập thông tin cơ bản của tờ khai: Nhập Mã loại hình, Cơ quan Hải quan, Mã bộ phận xử lý tờ khai, mã hiệu phương thức vận chuyển và ngày khai báo (dự kiến).

Nhóm loại hình: ☒ Kinh doanh, đầu tư ☐ Sản xuất xuất khẩu ☐ Gia công ☐ Chế xuất

Số tờ khai: STT:

Số tờ khai đầu tiên: Số nhánh: / Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng: ...

Mã loại hình: * Xuất kinh doanh Mã phân loại hàng hóa:

Cơ quan Hải quan: * Chi cục Hải quan khu vực I Mã bộ phận xử lý tờ khai:

Thời hạn tái nhập khẩu: Mã hiệu phương thức vận chuyển: *

Ngày khai báo (dự kiến):

Hình 2.4. Nhập thông tin chung trên tờ khai hải quan điện tử

Thông tin về đơn vị xuất nhập khẩu: Nhập đầy đủ thông tin nhà xuất khẩu, nhập khẩu.

Đơn vị xuất nhập khẩu

Người xuất khẩu

Mã:

Tên:

Mã bưu chính:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người ủy thác xuất khẩu

Mã:

Tên:

Người nhập khẩu

Mã: ...

Tên: *

Mã bưu chính:

Địa chỉ: *

Mã nước:

Mã người khai Hải quan:

Hình 2.5. Nhập thông tin về đơn vị xuất nhập khẩu

Thông tin vận đơn: Nhập vào các thông tin vận chuyển hàng hóa như số vận đơn, phương tiện vận chuyển, số lượng kiện, tổng trọng lượng hàng, cảng địa điểm dỡ hàng/xếp hàng,..

Vận đơn

Số vận đơn: Chọn... Đăng ký... In định danh

Số lượng kiện: * PP Tổng trọng lượng hàng (Gross): KGM

Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến:

Địa điểm nhận hàng cuối cùng: * ITGOA GENOA

Địa điểm xếp hàng: VNCLI CANG CAT LAI (HCM)

Phương tiện vận chuyển: 9999

Ngày hàng đi dự kiến: * 22/04/2026

Ký hiệu và số hiệu:

Hình 2.6. Tra cứu mã hàng của hàng hóa

Thông tin hóa đơn: Nhập vào đầy đủ các thông tin trên hóa đơn hàng hóa về số hóa đơn, ngày phát hành, phương thức thanh toán, trị giá hóa đơn, điều kiện giao hàng.

Thông tin hóa đơn

Phân loại hình thức hóa đơn: A

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:

Ngày phát hành:

Mã phân loại giá hóa đơn: * A

Tổng trị giá hóa đơn: *

Trị giá tính thuế:

Số hóa đơn: 171/PL/26/CI

Phương thức thanh toán: KC

Điều kiện giá hóa đơn: * C&F

Mã đồng tiền của hóa đơn: * USD

Mã đồng tiền trị giá tính thuế: USD

Hình 2.7. Nhập thông tin hóa đơn thương mại trên hệ thống ECUS5

Và các thông tin khác: Thông tin đính kèm, thông tin vận chuyển, thuế và bảo lãnh, thông tin khác,..

Giai đoạn 3: Nhập thông tin vào tab “**Thông tin container**”

Nhập mã, tên, địa chỉ địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng, số lượng container, số container.

Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng

Mã: (1) 01IKY04 (2) (3) (4) (5)

Tên: CTY TNHH KE GO

Địa chỉ: SỐ 415 HOÀNG TÁNG BÍ, PHƯỜNG ĐÔNG NGẠC, HÀ NỘI, VIỆT NAM

Số Container:

1	HAMU3842970	2	FANU1055262	3		4		5	
6		7		8		9		10	
11		12		13		14		15	

Hình 2.8. Nhập thông tin container xuất khẩu trên hệ thống ECUS5

Giai đoạn 4: Nhập thông tin vào tab “**Danh sách hàng**”

Nhập trực tiếp thông tin hàng hóa trên danh sách hàng: Tên hàng, mã HS, xuất xứ, lượng, đơn giá,...

F4: Nhập hàng chi tiết - F5: Copy 1 dòng hàng - F6: Nhập từ file Excel - F8: Xóa 1 dòng hàng - F9: Chọn hàng từ danh mục - F11: Xóa tất cả

Thêm mới Chi tiết Xóa Thiết lập cột dữ liệu Tiện ích

STT	Mã hàng	Tên hàng (mô tả chi tiết)	Mã HS	Xuất xứ	Lượng	Đơn vị
1		GO DAN LAM TU 19 LOP GO BACH DAN (EUCALYPTUS), KÍCH THUOC 28X1160X2400 MM, DA QUA XU LY NHIEU, HANG MOI 100%	44123100	VIETNAM	930	TAM

Hình 2.9. Nhập danh sách hàng hóa trên tờ khai hải quan điện tử

Giai đoạn 5: Truyền tờ khai

Sau khi kiểm tra chính xác các thông tin trên tờ khai điện tử, nhân viên chứng từ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina tiến hành khai trước thông tin tờ khai xuất khẩu (EDA) trên hệ thống VNACCS/VCIS bằng cách đăng nhập chữ ký số của doanh nghiệp xuất khẩu để truyền dữ liệu đến cơ quan Hải quan.

Sau khi đăng ký thành công bản khai trước thông tin tờ khai, hệ thống sẽ phản hồi số tờ khai cùng các thông tin liên quan của tờ khai điện tử. Doanh nghiệp tiếp tục kiểm tra lại toàn bộ nội dung khai báo nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa tờ khai hải quan và bộ chứng từ xuất khẩu trước khi đăng ký chính thức với cơ quan Hải quan.

Tiếp theo, Hichina thực hiện đăng ký chính thức tờ khai bằng mã nghiệp vụ “3. Khai chính thức tờ khai (EDC)” trên hệ thống VNACCS/VCIS để hoàn tất quá trình truyền tờ khai xuất khẩu.

Giai đoạn 6: Nhận kết quả phân luồng và in tờ khai hải quan xuất khẩu

Sau khi hoàn tất việc khai báo và truyền tờ khai chính thức, hệ thống VNACCS/VCIS sẽ tự động tiếp nhận và phân luồng tờ khai hải quan. Kết quả phân

luồng có thể là luồng xanh, luồng vàng hoặc luồng đỏ tùy theo mức độ kiểm tra của cơ quan Hải quan đối với lô hàng xuất khẩu. Tùy theo kết quả phân luồng, doanh nghiệp sẽ thực hiện các nghiệp vụ khác nhau như sau:

- Đối với luồng xanh:

Tờ khai được miễn kiểm tra hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa. Sau khi hệ thống tự động chấp nhận thông quan, nhân viên chứng từ tiến hành in tờ khai hải quan và chuyển thông tin cho bộ phận hiện trường để thực hiện thanh lý tờ khai, hạ container và vào sổ tàu. Tuy nhiên, mặc dù được phân luồng xanh, bộ phận chứng từ vẫn phải rà soát kỹ toàn bộ nội dung khai báo nhằm đảm bảo tính chính xác và đồng nhất giữa tờ khai hải quan với bộ chứng từ xuất khẩu như Commercial Invoice, Packing List, Bill of Lading và Sales Contract. Các thông tin cần được đối chiếu bao gồm tên hàng, mã HS, số lượng kiện, trọng lượng, số container, số seal, cảng đi, cảng đến và điều kiện giao hàng Incoterms. Việc kiểm tra này giúp hạn chế các sai sót phát sinh trong quá trình giám sát hải quan tại cảng hoặc khi hăng tàu đối chiếu chứng từ vận chuyển.

- Đối với luồng vàng:

Cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan nhưng không kiểm tra thực tế hàng hóa. Trong trường hợp này, nhân viên chứng từ phải chuẩn bị đầy đủ bộ hồ sơ gồm tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), phiếu đóng gói (Packing List), vận đơn (Bill of Lading), hợp đồng ngoại thương (Sales Contract), giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và các chứng từ chuyên ngành khác nếu có để xuất trình cho cơ quan Hải quan kiểm tra. Nội dung kiểm tra chủ yếu tập trung vào tính hợp lệ, đầy đủ và thống nhất của bộ chứng từ với dữ liệu đã khai báo trên hệ thống VNACCS. Nếu phát hiện sai lệch như sai mã HS, sai trị giá, chênh lệch trọng lượng hoặc thông tin container không thống nhất giữa chứng từ và tờ khai, doanh nghiệp sẽ phải thực hiện khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc giải trình với cơ quan Hải quan. Điều này có thể làm kéo dài thời gian thông quan và ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng cũng như lịch tàu của lô hàng FCL.

- Đối với luồng đỏ:

Đây là mức kiểm tra có độ rủi ro cao nhất khi cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra cả hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa. Sau khi nhận kết quả phân luồng đỏ, doanh nghiệp phải phối hợp với bộ phận hiện trường để bố trí container phục vụ kiểm hóa tại cảng hoặc địa điểm kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan Hải quan. Đồng thời, bộ chứng từ liên quan phải được chuẩn bị đầy đủ để phục vụ quá trình đối chiếu giữa hàng hóa thực tế và nội dung khai báo. Trong quá trình kiểm hóa, cơ quan Hải quan sẽ kiểm tra các nội dung như tên hàng, chủng loại, số lượng kiện, trọng lượng, mã HS, xuất xứ hàng hóa, số container và tình trạng niêm phong seal container. Nếu phát hiện sự sai lệch giữa thực tế hàng hóa với bộ chứng từ hoặc nội dung khai báo trên tờ khai hải quan, doanh nghiệp có thể bị yêu cầu khai sửa đổi, xử phạt vi phạm hành chính hoặc giữ hàng để

kiểm tra bổ sung. Vì vậy, ở trường hợp luồng đỏ, việc chuẩn bị chứng từ đầy đủ, chính xác và thống nhất ngay từ đầu có vai trò đặc biệt quan trọng nhằm hạn chế rủi ro và tránh phát sinh chi phí lưu container, lưu bãi tại cảng.

Khi tờ khai được cơ quan Hải quan chấp nhận thông quan, doanh nghiệp tiến hành in tờ khai hải quan xuất khẩu để phục vụ lưu trữ hồ sơ và thực hiện các bước tiếp theo trong quá trình giao nhận hàng hóa tại cảng. Việc in tờ khai thông quan là cơ sở chứng minh lô hàng đã hoàn tất thủ tục hải quan và đủ điều kiện đưa hàng lên tàu xuất khẩu. Tờ khai sau khi in sẽ được nhận như sau (xem bảng tờ khai đầy đủ tại phụ lục số 6):

<EXP>
1/3

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai **308447279510** Số tờ khai đầu tiên - / **308447279510**

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình B11 2

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQCATLAI

Ngày đăng ký 18/04/2026 09:51:13

Thời hạn tái nhập/ tái xuất / / -

Mã số thuế đại diện 4412

Mã bộ phận xử lý tờ khai 01

Ngày thay đổi đăng ký / /

Người xuất khẩu

Mã

Tên

Mã bưu chính

Địa chỉ

Số điện thoại

0105492983

Công Ty TNHH Kê Gỗ

(+84) 43

Số 415 Hoàng Tăng Bí, Phường Đồng Ngạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

024 32222333

Người ủy thác xuất khẩu

Mã

Tên

Người nhập khẩu

Mã

Tên

Mã bưu chính

Địa chỉ

Mã nước

ASCHIERO WOOD IMPORT SPA

S.S. 35 BIS DEI GIOVI KM.18+350

15065 FRUGAROLO (AL) ITALIA

IT

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn 122600040293500

Số lượng 30 PP

Tổng trọng lượng hàng (Gross) 55.350 KGM

Địa điểm lưu kho 02CI DIEM LUU HH XK 02CI

Địa điểm nhận hàng cuối cùng ITGOA GENOA

Địa điểm xếp hàng VNCLI CANG CAT LAI

Phương tiện vận chuyển dự kiến 9999 MERKUR ARCHIPELAGO 617S

Ngày hàng đi dự kiến 22/04/2026

Ký hiệu và số hiệu

TUYEN DUONG BINH PHUOC - CAT LAI: 120KM. THOI GIAN VAN CHUYEN: 3 TIENG.CUOC BIEN: 3200

USD/CONT 40.

Giấy phép xuất khẩu

1

2

3

4

5

Số hóa đơn A - 171/PL/26/CI

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành 18/04/2026

Phương thức thanh toán KC

Tổng trị giá hóa đơn C&F - USD - 38.595 - A

Tổng trị giá tính thuế VND - 840.836.815

Tỷ giá tính thuế USD - 26.117 -

Hình 2.10. Tờ khai thông quan

Bước 4: Đưa container ra cảng và hoàn tất thủ tục cảng

Sau khi hoàn tất khai báo hải quan điện tử và tờ khai được thông quan, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina phối hợp với doanh nghiệp xuất khẩu tổ chức vận chuyển container hàng ra cảng Cát Lái theo đúng lịch trình của hãng tàu nhằm đảm bảo tiến độ giao hàng và hạn chế phát sinh chi phí lưu bãi.

Tại cảng, Hichina đại diện doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ giao nhận container và hoàn tất thủ tục cảng như sau:

Làm thủ tục hạ container: Hichina cung cấp đầy đủ các chứng từ cần thiết như Booking Confirmation, Packing List, thông tin VGM và tờ khai hải quan đã thông quan để thực hiện thủ tục hạ container vào bãi cảng.

Thực hiện thủ tục giao nhận container và vào sổ tàu: Sau khi container được tiếp nhận tại cảng, doanh nghiệp tiến hành xác nhận thông tin container, số seal, vị trí hạ bãi và đăng ký vào sổ tàu theo đúng kế hoạch xếp dỡ của hãng tàu nhằm đảm bảo container được đưa lên đúng chuyến tàu xuất khẩu.

Giám sát quá trình bốc xếp hàng hóa lên tàu: Hichina phối hợp với cảng và hãng tàu theo dõi quá trình nâng hạ container, đảm bảo hàng hóa được xếp lên tàu an toàn, đúng số lượng, đúng container và đúng lịch trình vận chuyển quốc tế.

Sau khi hoàn tất các thủ tục tại cảng, container sẽ được hãng tàu xác nhận đủ điều kiện xếp lên tàu MERKUR ARCHIPELAGO – Voyage 617S để vận chuyển từ cảng Cát Lái đến cảng Genoa Port, Italia theo kế hoạch xuất khẩu của doanh nghiệp.

Bước 5: Nộp thuế và hoàn tất nghĩa vụ tài chính

Sau khi hoàn tất thủ tục hải quan và đưa container vào cảng, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina phối hợp với doanh nghiệp xuất khẩu thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến lô hàng xuất khẩu nhằm đảm bảo quá trình vận chuyển và giao hàng diễn ra đúng kế hoạch.

Đối với lô hàng xuất khẩu theo điều kiện CNF Genoa Port, Italia, người bán chịu trách nhiệm thanh toán cước vận chuyển quốc tế đến cảng đích, trong khi chi phí bảo hiểm hàng hóa không bắt buộc thuộc trách nhiệm của người bán theo Incoterms 2010. Trên cơ sở đó, Hichina tiến hành theo dõi và phối hợp thanh toán các khoản chi phí liên quan gồm:

Thanh toán cước vận chuyển quốc tế (Ocean Freight) và các phụ phí địa phương (Local Charges) cho hãng tàu hoặc đại lý hãng tàu theo booking đã xác nhận.

Thanh toán các khoản phí tại cảng như phí nâng hạ container, phí hạ bãi, phí chứng từ và các khoản phí dịch vụ liên quan đến quá trình xuất khẩu hàng hóa.

Kiểm tra và xác nhận việc hoàn tất các nghĩa vụ tài chính nhằm đảm bảo container đủ điều kiện xếp lên tàu theo lịch trình vận chuyển quốc tế.

Do mặt hàng gỗ dán xuất khẩu thuộc đối tượng có thuế suất xuất khẩu 0%, doanh nghiệp không phát sinh thuế xuất khẩu đối với lô hàng này.

Bước 6: Thông quan hàng hóa và thanh lý tờ khai.

Sau khi hệ thống Hải quan tiếp nhận và xử lý tờ khai xuất khẩu, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina tiến hành theo dõi kết quả phân luồng trên hệ thống VNACCS/VCIS và thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất quá trình thông quan lô hàng. Đây là bước quan trọng nhằm xác nhận hàng hóa đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của cơ quan Hải quan và đủ điều kiện đưa lên tàu xuất khẩu.

Đối với lô hàng này, sau khi hoàn tất khai báo và chuẩn bị đầy đủ bộ chứng từ gồm Commercial Invoice, Packing List, Bill of Lading, Sales Contract và các chứng từ liên quan khác, tờ khai đã được cơ quan Hải quan chấp nhận thông quan. Trên cơ sở đó, nhân viên chứng từ của HICHINA tiếp tục theo dõi phản hồi từ hệ thống VNACCS/VCIS để kiểm tra tình trạng xử lý tờ khai và đảm bảo không phát sinh yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung hồ sơ từ phía cơ quan Hải quan.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp tiến hành kiểm tra việc hoàn tất các nghĩa vụ tài chính và các điều kiện liên quan đến lô hàng trước khi thực hiện thanh lý tờ khai tại cảng. Sau khi hệ thống xác nhận thông quan, bộ phận hiện trường sẽ phối hợp với cảng và hãng tàu để thực hiện thủ tục thanh lý tờ khai hải quan, xác nhận container đủ điều kiện đưa vào khu vực giám sát và xếp lên tàu xuất khẩu.

Sau khi hoàn tất quá trình thanh lý, doanh nghiệp nhận kết quả xác nhận hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan và được phép xuất khẩu ra nước ngoài. Việc thực hiện thông quan và thanh lý tờ khai đúng quy trình không chỉ đảm bảo tính pháp lý cho lô hàng mà còn giúp hạn chế phát sinh sai sót, tránh chậm trễ lịch tàu và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giao nhận hàng hóa quốc tế.

Bước 7: Hàng lên tàu – Theo dõi hành trình tàu

Sau khi hoàn tất thủ tục hải quan và container được hạ bãi tại cảng Cát Lái, hãng tàu tiến hành xếp container lên tàu MERKUR ARCHIPELAGO – Voyage 617S để vận chuyển từ Việt Nam đến cảng Genoa, Italia. Sau khi hàng được xếp lên tàu thành công, hãng tàu phát hành vận đơn đường biển (Bill of Lading – B/L) cho lô hàng xuất khẩu. Trong giai đoạn này, Công ty TNHH Hichina phối hợp với hãng tàu Hapag-Lloyd để theo dõi lịch trình vận chuyển của lô hàng nhằm đảm bảo hàng hóa được vận chuyển đúng kế hoạch và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh nếu có. Các thông tin được doanh nghiệp theo dõi bao gồm:

- Tên tàu và số chuyến: MERKUR ARCHIPELAGO – Voyage 617S
- Ngày hàng lên tàu (Shipped on Board): 22/04/2026
- Cảng xếp hàng: Cát Lái Port, Việt Nam
- Cảng dỡ hàng: Genoa Port, Italia
- Số container: HAMU3842970, FANU1055262
- Tình trạng vận chuyển và thời gian dự kiến tàu cập cảng đích

Việc theo dõi hành trình tàu giúp doanh nghiệp chủ động cập nhật tiến độ giao hàng cho khách hàng, đồng thời hỗ trợ xử lý kịp thời các phát sinh trong quá trình vận chuyển quốc tế.

Bước 8. Chuẩn bị và chuyển giao bộ chứng từ nhập khẩu

Sau khi nhận được vận đơn từ hãng tàu, Công ty Hichina tiến hành kiểm tra, hoàn thiện và chuyển giao bộ chứng từ cho khách hàng/đối tác nhập khẩu tại Italia để phục vụ cho quá trình nhận hàng và làm thủ tục nhập khẩu.

Bộ chứng từ được gửi cho khách hàng bao gồm:

- Commercial Invoice (Hóa đơn thương mại) (Phụ lục 1)
- Packing List (Phiếu đóng gói) (Phụ lục 2)
- Bill of Lading – B/L (Vận đơn đường biển) (Phụ lục 4)
- Certificate of Origin – C/O (Giấy chứng nhận xuất xứ) (Phụ lục 5)
- Sales Contract (Hợp đồng ngoại thương) (Phụ lục 3)

Việc chuẩn bị đầy đủ và chuyển giao kịp thời bộ chứng từ giúp đối tác nhập khẩu chủ động thực hiện thủ tục nhận hàng, hạn chế phát sinh chi phí lưu container và lưu bãi tại cảng đích.

Bước 9. Lưu hồ sơ và kết thúc lô hàng

Sau khi hàng hóa được vận chuyển đến cảng Genoa, Italia và đối tác nhập khẩu hoàn tất thủ tục nhận hàng, Công ty Hichina tiến hành đối chiếu toàn bộ chứng từ, xác nhận hoàn thành quy trình xuất khẩu và thực hiện lưu trữ hồ sơ lô hàng theo quy định.

Trong giai đoạn này, Công ty Hichina phối hợp với doanh nghiệp xuất khẩu tiến hành rà soát và đối chiếu toàn bộ quá trình thực hiện lô hàng nhằm đảm bảo hoạt động giao nhận quốc tế được hoàn tất đầy đủ và chính xác. Nội dung kiểm tra tập trung vào tình trạng giao hàng thực tế tại cảng đích, thời gian tàu cập cảng cũng như thời điểm khách hàng nhận hàng để đánh giá mức độ đáp ứng tiến độ giao hàng theo kế hoạch ban đầu.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng kiểm tra việc hoàn tất nghĩa vụ thanh toán giữa các bên liên quan như khách hàng, hãng tàu và đơn vị cung cấp dịch vụ logistics nhằm đảm bảo không phát sinh công nợ hoặc tranh chấp sau giao hàng. Đồng thời, Hichina thực hiện đối chiếu thông tin giữa bộ chứng từ xuất khẩu và dữ liệu đã khai báo trên hệ thống hải quan nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sai lệch nếu có.

Ngoài ra, công ty cũng tiến hành kiểm tra các khoản chi phí phát sinh liên quan đến lô hàng như phí lưu container, lưu bãi, phí sửa đổi chứng từ hoặc các chi phí phát sinh khác trong quá trình vận chuyển và thông quan. Việc rà soát sau thông quan giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả thực hiện lô hàng, rút kinh nghiệm trong quá trình xử lý nghiệp vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ đối với các lô hàng tiếp theo.

Sau khi hoàn tất đối chiếu, doanh nghiệp tiến hành lưu trữ hồ sơ xuất khẩu phục vụ cho công tác quyết toán, kiểm tra sau thông quan và tra cứu thông tin khi cần thiết.

Hồ sơ lưu trữ bao gồm:

- Tờ khai hải quan xuất khẩu đã thông quan

- Commercial Invoice (Hóa đơn thương mại)
- Packing List (Phiếu đóng gói)
- Bill of Lading – B/L (Vận đơn đường biển)
- Certificate of Origin – C/O (Giấy chứng nhận xuất xứ)
- Sales Contract (Hợp đồng ngoại thương)
- Booking Confirmation
- Các chứng từ thanh toán và giao nhận liên quan

Việc lưu trữ đầy đủ hồ sơ và chứng từ giúp doanh nghiệp đảm bảo tính pháp lý của lô hàng xuất khẩu, thuận tiện trong quá trình đối chiếu dữ liệu, giải quyết khiếu nại (nếu có) và phục vụ cho các hoạt động xuất khẩu tiếp theo trong tương lai.

2.4. Đánh giá quy trình thủ tục hải quan tại quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container tại Công Ty Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina – Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh

2.4.1. Ưu điểm

Qua phân tích quy trình thủ tục hải quan, cụ thể hơn là quy trình thủ tục hải quan đối với lô hàng gỗ dán xuất khẩu nguyên container đi Italia, có thể thấy quy trình tại Công ty Hichina được xây dựng rất bài bản, logic và phù hợp với thực tiễn biến động của ngành logistics, góp phần tạo nền tảng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ của công ty.

Thứ nhất, quy trình được xây dựng tươi đối rõ ràng với sự phân công trách nhiệm cụ thể giữa các bộ phận Chứng từ, Hiện trường và Xuất nhập khẩu. Điều này giúp hạn chế chồng chéo công việc, nâng cao hiệu quả phối hợp và đảm bảo mạch lạc trong quá trình xử lý lô hàng.

Thứ hai, công ty đã áp dụng hiệu quả hình thức khai báo hải quan điện tử thông qua phần mềm ESCUS5- VNACCS kết nối trực tiếp với hệ thống VNACCS/VCIS và E-port của cảng Cát Lái đã rút ngắn đáng kể thời gian khai báo, giảm thủ tục giấy tờ và nâng cao tính chính xác của tờ khai hải quan.

Thứ ba, đội ngũ nhân viên có kiến thức chuyên môn cơ bản và kinh nghiệm thực tiễn trong nghiệp vụ xuất nhập khẩu. Nhân viên có khả năng xử lý tương đối thành thạo các chứng từ chính như Invoice, P/L, B/L, C/O,... và thực hiện khai báo tờ khai cho hàng nguyên container.

Thứ tư, công ty duy trì mối quan hệ phối hợp ổn định với hãng tàu, cảng biển và cơ quan hải quan. Điều này tạo thuận lợi trong việc booking container, truyền tờ khai và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến lịch tàu và thủ tục tại cảng.

Thứ năm, quy trình tổng thể đã đáp ứng khá tốt yêu cầu về tiến độ giao hàng của khách hàng, góp phần hạn chế phát sinh về chi phí lưu kho, lưu bãi (DEM/DEP) và nâng cấp uy tín của công ty trên thị trường logistics.

Những ưu điểm trên góp phần quan trọng giúp Công ty Hichina nâng cao chất lượng dịch vụ và tạo dựng niềm tin với khách hàng trong lĩnh vực logistics và thủ tục hải quan.

2.4.2. Hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu, quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container tại Công ty Hichina vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục kịp thời.

Thứ nhất, sai sót trong khâu chuẩn bị và kiểm tra chứng từ vẫn còn xảy ra, đặc biệt là các lỗi liên quan đến thông tin trên Commercial Invoice, Packing List, mã HS hoặc thông tin container/seal. Những sai sót này có thể dẫn đến việc phải sửa tờ khai, kéo dài thời gian thông quan và phát sinh chi phí ngoài dự kiến.

Thứ hai, sự phối hợp giữa các bộ phận chứng từ và bộ phận hiện trường đôi lúc chưa thực sự đồng bộ. Trong một số trường hợp, việc cập nhập thông tin container, thời gian hạ bãi hoặc tình trạng thông quan chưa được trao đổi kịp thời, gây ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng.

Thứ ba, khả năng xử lý các lô hàng thuộc diện kiểm tra chuyên ngành hoặc rơi vào luồng đỏ còn hạn chế. Khi phát sinh kiểm tra thực tế hàng hóa, công ty thường mất nhiều thời gian để phối hợp với cảng, hải quan và khách hàng nhằm hoàn thiện hồ sơ và xử lý phát sinh có thể dẫn đến chậm trễ tiến độ.

Thứ tư, việc cập nhập với các quy định pháp luật mới về hải quan, thuế xuất khẩu và chính sách quản lý mặt hàng còn chậm. Trong bối cảnh các văn bản quy phạm pháp luật thay đổi thường xuyên, sự chậm trễ này dễ dẫn đến sai sót trong khai báo hoặc áp dụng chưa đúng quy định.

Thứ năm, công ty vẫn còn phụ thuộc khá nhiều vào kinh nghiệm cá nhân của nhân viên, trong khi chưa xây dựng được hệ thống quy trình kiểm soát nội bộ và chuẩn hóa dữ liệu một cách đồng bộ. Điều này tiềm ẩn rủi ro khi có biến động về nhân sự hoặc khối lượng công việc tăng cao.

2.4.3. Nguyên nhân

2.4.3.1. Nguyên nhân khách quan

Một trong những nguyên nhân khách quan ảnh hưởng đến quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Công ty Hichina là yếu tố pháp lý. Hiện nay, hoạt động khai báo hải quan chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như Luật Hải quan, các nghị định và thông tư hướng dẫn liên quan đến khai báo điện tử, mã HS, thuế và chính sách mặt hàng. Tuy nhiên, việc các quy định này thường xuyên thay đổi và cập nhật đã tạo ra khó khăn cho doanh nghiệp trong việc theo dõi và áp dụng kịp thời. Hệ quả là doanh nghiệp dễ mắc sai sót trong quá trình khai báo hoặc phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, làm ảnh hưởng đến tiến độ thông quan. Đối với các lô hàng xuất khẩu nguyên container tại công ty, việc thay đổi quy định về mã HS hoặc yêu cầu chứng

từ có thể dẫn đến việc phải điều chỉnh tờ khai hoặc bổ sung hồ sơ, từ đó ảnh hưởng đến thời gian thông quan hàng hóa.

Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các bên liên quan cũng là một nguyên nhân khách quan đáng chú ý. Trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan cho lô hàng FCL, doanh nghiệp phải phối hợp với nhiều chủ thể như khách hàng, hãng tàu, cảng biển, đơn vị vận tải và cơ quan hải quan. Trong thực tế, tình trạng khách hàng gửi chứng từ chậm, thay đổi thông tin booking sát ngày tàu chạy hoặc hãng tàu điều chỉnh lịch cắt máng đã gây ra những trở ngại đáng kể cho tiến độ truyền tờ khai và hạ container.

Ngoài ra, yếu tố công nghệ thông tin từ hệ thống VNACCS/VCIS cũng ảnh hưởng đến quy trình. Mặc dù hệ thống này hỗ trợ hiệu quả trong khai báo điện tử, song vẫn tồn tại tình trạng lỗi đường truyền, nghẽn hệ thống hoặc chậm phản hồi dữ liệu. Những sự cố này tác động trực tiếp đến quá trình truyền tờ khai, sửa đổi thông tin và tiếp nhận kết quả phân luồng. Thêm vào đó, các yếu tố khách quan khác như tình trạng ùn tắc cảng, thiếu container rỗng, biến động cước vận tải biển và thay đổi lịch tàu quốc tế cũng gây áp lực lớn đến tiến độ giao hàng và thủ tục hải quan.

2.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Bên cạnh các nguyên nhân khách quan, các yếu tố chủ quan từ phía doanh nghiệp cũng góp phần tạo ra hạn chế. Trước hết, yếu tố nhân lực là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thực hiện thủ tục hải quan. Mặc dù đội ngũ nhân viên của công ty đã có kiến thức cơ bản về nghiệp vụ xuất nhập khẩu và khai báo hải quan điện tử, tuy nhiên vẫn còn một số nhân viên còn thiếu kinh nghiệm thực tế trong xử lý các tình huống phát sinh như mã HS, kiểm tra chuyên ngành hoặc luồng đỏ. Sai sót trong việc đối chiếu giữa Invoice, Packing List và dữ liệu khai báo trên hệ thống VNACCS vẫn xuất hiện, dẫn đến việc phải sửa đổi hoặc bổ sung hồ sơ.

Mặt khác, yếu tố công nghệ thông tin nội bộ cũng chưa được khai thác tối ưu. Dù công ty đã sử dụng phần mềm ECUS để khai báo điện tử, nhưng việc quản lý dữ liệu và trao đổi thông tin giữa các bộ phận vẫn chưa đồng bộ. Một số công đoạn vẫn xử lý thủ công qua email hoặc điện thoại, làm tăng nguy cơ chậm cập nhật hoặc sai lệch thông tin.

Sự phối hợp giữa các bộ phận trong công ty, đặc biệt là giữa bộ phận chứng từ, hiện trường và xuất nhập khẩu, đôi khi chưa chặt chẽ và kịp thời. Khi phát sinh thay đổi về số container, số seal hoặc thời gian hạ bãi, sự thiếu nhịp nhàng này đã ảnh hưởng đến tiến độ hoàn tất hồ sơ và thực hiện thủ tục hải quan. Đồng thời, cơ chế kiểm soát và bảo mật nội bộ chưa được xây dựng chặt chẽ, điều này làm gia tăng nguy cơ xảy ra sai sót hoặc thiếu thống nhất thông tin giữa chứng từ thực tế và dữ liệu khai báo trên hệ thống hải quan.

Cuối cùng, áp lực về thời gian xử lý lô hàng cũng là một nguyên nhân chủ quan quan trọng. Do đặc thù hàng xuất khẩu FCL phụ thuộc vào lịch tàu và thời gian closing,

nhân viên thường phải xử lý nhiều chứng từ trong thời gian ngắn. Áp lực này làm tăng nguy cơ sai sót trong kiểm tra hồ sơ và khai báo hải quan, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả chung của quy trình.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Thông qua việc phân tích thực trạng quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, Chương 2 đã phản ánh tương đối đầy đủ cách thức doanh nghiệp tổ chức và thực hiện các nghiệp vụ hải quan trong thực tế. Trên cơ sở giới thiệu khái quát về doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và tình hình hoạt động kinh doanh giai đoạn 2023–2025, chương đã làm rõ vai trò của hoạt động khai báo hải quan trong chuỗi dịch vụ logistics của công ty.

Bên cạnh đó, chương đã phân tích chi tiết quy trình thực hiện thủ tục hải quan đối với một lô hàng xuất khẩu nguyên container thực tế tại công ty, từ khâu tiếp nhận yêu cầu khách hàng, chuẩn bị chứng từ, khai báo trên hệ thống VNACCS/VCIS, phối hợp với hãng tàu và cảng biển cho đến khi hàng hóa được thông quan. Qua quá trình phân tích, có thể thấy rằng Hichina đã xây dựng được quy trình nghiệp vụ tương đối rõ ràng, đội ngũ nhân viên có chuyên môn và khả năng xử lý công việc khá linh hoạt trong môi trường thực tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chương cũng chỉ ra một số hạn chế còn tồn tại trong quy trình thủ tục hải quan của công ty như sai sót trong khâu chuẩn bị chứng từ, việc cập nhật chính sách và mã HS đôi lúc chưa kịp thời, sự phối hợp giữa bộ phận Chứng từ và Hiện trường chưa thực sự đồng bộ, cũng như mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ còn hạn chế. Đồng thời, chương cũng phân tích nguyên nhân của các hạn chế này dưới cả góc độ khách quan và chủ quan, bao gồm sự thay đổi thường xuyên của chính sách pháp luật, áp lực tiến độ xử lý lô hàng và hạn chế về nguồn lực công nghệ cũng như nhân sự của doanh nghiệp.

Nhìn chung, kết quả phân tích thực trạng trong Chương 2 là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp mang tính thực tiễn và khả thi nhằm hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container tại Hichina trong giai đoạn tới.

CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER TẠI CÔNG TY HICHINA - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty

3.1.1. Nhận diện và dự báo môi trường kinh doanh

3.1.1.1. Tổng quan về tình hình kinh tế, thương mại Việt Nam và Thế giới

Năm 2025, ghi nhận sự phục hồi của nền kinh tế thế giới nhưng vẫn còn chịu sự tác động đến từ xung đột chính trị, cạnh tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn và đang có xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Theo Báo cáo Logistics Việt Nam 2025 (Bộ Công Thương), tăng trưởng thương mại toàn cầu duy trì vẫn đang duy trì ở mức tích cực nhờ sự phục hồi của hoạt động sản xuất công nghiệp và vận chuyển quốc tế đang gia tăng. Đối với Việt Nam, năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ của hoạt động xuất nhập khẩu với tổng kim ngạch đạt khoảng 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD và nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD; cán cân thương mại tiếp tục xuất siêu khoảng 203,03 tỷ USD. Điều này cho thấy hoạt động thương mại quốc tế tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nhu cầu sử dụng dịch vụ Logistics- hải quan. Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ lực trong xuất khẩu, kéo theo nhu cầu ngày càng lớn đối với dịch vụ khai báo hải quan, vận tải container và giao nhận quốc tế.

Bảng 3.1. Một số chỉ tiêu xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2024

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ USD)	Tăng trưởng so với 2024
Tổng xuất nhập khẩu	930,05	+18,2%
Kim ngạch xuất khẩu	475,04	+17,0%
Kim ngạch nhập khẩu	455,01	+19,4%
Xuất siêu (thặng dư thương mại)	20,03	Tiếp tục xuất siêu
Xuất khẩu nhóm công nghiệp chế biến	421,47	Chiếm 88,7% Xuất khẩu
Xuất khẩu hàng dệt may	39,64	+7,0%
Xuất khẩu điện tử, máy tính và linh kiện	107,75	+48,4%
Xuất khẩu giày dép	24,20	+5,8%

(Nguồn: Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2025, Bộ Công Thương)

Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và phát triển hạ tầng logistics thông qua việc triển khai Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam giai đoạn 2025-2035, định hướng đến 2050. Đây cũng có thể được xem là nền tảng thuận lợi để các doanh nghiệp logistics và dịch vụ hải quan như công ty Hichina mở rộng hoạt động và nâng cao năng lực trong thời gian tới.

3.1.1.2. Bối cảnh và các xu hướng phát triển ngành logistics và dịch vụ hải quan

a. Xu hướng kinh tế số trong ngành logistics – khai báo hải quan

Chuyển đổi số đang định hình lại toàn bộ quy trình logistics và thủ tục hải quan tại Việt Nam. Hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS đã xử lý hầu hết các tờ khai hải quan xuất nhập khẩu, rút ngắn thời gian thông quan từ vài ngày xuống còn vài giờ. Bộ Công Thương đã chính thức cấp 10 mẫu C/O điện tử, nhằm cải cách thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu. Theo Báo cáo Logistics Việt Nam 2025, các doanh nghiệp logistics tại Việt Nam đang đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật và blockchain nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chuỗi cung ứng và giảm chi phí vận hành.

b. Xu hướng kinh tế xanh và phát triển bền vững

Song song với chuyển đổi số, xu hướng phát triển xanh đang trở thành yêu cầu bắt buộc đối với hoạt động logistics toàn cầu. Các thị trường xuất khẩu lớn như EU và Hoa Kỳ ngày càng siết chặt các tiêu chuẩn liên quan đến phát thải carbon, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm môi trường trong chuỗi cung ứng. Năm 2025, nhiều quy định xanh mới của EU tiếp tục được triển khai như ESPR, CS3D và EUDR, yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu phải minh bạch thông tin nguyên liệu, quy trình sản xuất và mức độ phát thải carbon của hàng hóa. Điều này kéo theo nhu cầu sử dụng các dịch vụ tư vấn hải quan, chứng nhận xuất xứ và hỗ trợ tuân thủ tiêu chuẩn môi trường ngày càng gia tăng. Đối với các doanh nghiệp logistics- hải quan như công ty Hichina, đây có thể được xem như là thách thức đồng thời cũng là cơ hội để phát triển các dịch vụ hỗ trợ khách hàng về hồ sơ môi trường, chứng từ xanh và truy xuất nguồn gốc hàng hóa xuất khẩu.

c. Xu hướng phát triển logistics thông minh

Báo cáo Logistics Việt Nam 2025 (Bộ Công Thương), xác định logistics thông minh là xu hướng phát triển chủ đạo của ngành trong giai đoạn tương lai. Các doanh nghiệp logistics đang từng bước chuyển từ mô hình quản lý truyền thống sang mô hình quản trị số, tích hợp dữ liệu theo thời gian nhằm tối ưu hóa quá trình vận chuyển, lưu kho và khai báo hải quan. Xu hướng này cũng một phần mang đến áp lực cho các doanh nghiệp phải đầu tư vào hệ thống phần mềm quản lý, tự động hóa xử lý chứng từ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng cao trên thị trường logistics hiện đại.

3.1.1.3. Dự báo xu hướng phát triển dịch vụ hải quan – logistics đến năm 2030

Trong giai đoạn 2026-2030, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực nhờ tác động từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, RCEP, và CEPA UAE. Đồng thời, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu sang khu vực Đông Nam Á tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam mở rộng sản xuất và gia tăng kim ngạch xuất khẩu. Đây cũng có thể được xem là nền

tăng quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành logistics và dịch vụ hải quan trong những năm tới.

Bên cạnh đó, nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng container nguyên (FCL) được dự báo sẽ tiếp tục gia tăng mạnh, đặc biệt tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai - nơi tập trung nhiều khu công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu. Sự gia tăng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển sẽ kéo theo nhu cầu lớn của khách hàng đối với các dịch vụ hải quan, vận tải container và giao nhận quốc tế. Điều này mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp logistics và đại lý hải quan trong việc mở rộng thị phần và nâng cao doanh thu dịch vụ.

Ngoài ra, xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics và hải quan được dự báo sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ đến năm 2030. Chính phủ Việt Nam đang đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, mở rộng cơ chế hải quan điện tử và nâng cấp hệ thống VNACCS/VCIS theo hướng tự động hóa và kết nối dữ liệu đồng bộ. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp logistics buộc phải tăng cường đầu tư vào công nghệ thông tin, số hóa chứng từ và chuẩn hóa quy trình xử lý nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và giảm thời gian xử lý hồ sơ. Đây sẽ là yếu tố quan trọng quyết định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong môi trường logistics hiện đại.

Song song với xu hướng chuyển đổi số, các tiêu chuẩn về phát triển bền vững, kinh tế xanh và truy xuất nguồn gốc hàng hóa cũng sẽ ngày càng được siết chặt tại các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản. Do đó, doanh nghiệp xuất khẩu sẽ cần sự hỗ trợ chuyên sâu từ các đơn vị logistics - hải quan trong việc chuẩn bị chứng từ môi trường, chứng nhận xuất xứ, báo cáo phát thải carbon và các thủ tục liên quan đến tiêu chuẩn xanh quốc tế. Điều này vừa tạo áp lực vừa mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp dịch vụ hải quan mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

3.1.2. Định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty Hichina

3.1.2.1. Định hướng phát triển

a. Định hướng phát triển năm 2026

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2023 - 2025 cùng với triển vọng tăng trưởng tích cực của hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định định hướng phát triển cho năm 2026 theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và mở rộng thị trường khách hàng. Đây được xem là nền tảng quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh ngành logistics và dịch vụ hải quan đang bước vào giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ cả về quy mô lẫn phương thức vận hành.

Trước hết, công ty định hướng tiếp tục củng cố và hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL). Trong đó, trọng tâm được đặt vào việc nâng cao chất lượng kiểm tra và đối chiếu hồ sơ chứng từ trước khi khai báo trên hệ thống VNACCS/VCIS nhằm hạn chế tối đa các sai sót phát sinh trong quá trình thông quan. Đồng thời, công ty đặt mục tiêu giảm tỷ lệ sai sót khai báo xuống dưới 3% trên tổng số lô hàng xử lý trong năm 2026. Việc kiểm soát tốt chất lượng hồ sơ không chỉ góp phần rút ngắn thời gian thông quan mà còn giúp doanh nghiệp hạn chế các chi phí phát sinh liên quan đến sửa đổi tờ khai, lưu container và chậm giao hàng.

Bên cạnh việc hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, Hichina cũng định hướng mở rộng tệp khách hàng trong các ngành hàng xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt là nhóm hàng công nghiệp chế biến và nông sản - thủy sản. Theo Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam, trong khi các mặt hàng nông sản, thủy sản duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu thị trường quốc tế phục hồi. Đây là những nhóm hàng có nhu cầu vận chuyển quốc tế và khai báo hải quan lớn, đồng thời yêu cầu ngày càng cao về tính chính xác của bộ chứng từ, truy xuất nguồn gốc và thời gian xử lý hồ sơ. Vì vậy, việc tập trung khai thác nhóm khách hàng này được xem là định hướng phù hợp nhằm gia tăng doanh thu và mở rộng thị phần dịch vụ của công ty trong thời gian tới.

Ngoài ra, công ty cũng xác định việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý quy trình nội bộ là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển năm 2026. Theo đó, Hichina định hướng đầu tư và triển khai các phần mềm quản lý tờ khai hải quan, hệ thống lưu trữ chứng từ điện tử và công cụ theo dõi trạng thái lô hàng theo thời gian thực nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tăng tính đồng bộ giữa các bộ phận nghiệp vụ. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro thất lạc chứng từ, nâng cao tốc độ xử lý công việc mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát tiến độ lô hàng, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong môi trường logistics hiện đại.

Nhìn chung, các mục tiêu phát triển mà Công ty Hichina đề ra trong năm 2026 đều hướng đến việc xây dựng một quy trình thủ tục hải quan chuyên nghiệp, hiệu quả và có tính thích ứng cao với xu hướng chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để công ty nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

b. Định hướng phát triển đến năm 2030

Trong giai đoạn 2026–2030, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh định hướng phát triển theo mô hình doanh nghiệp logistics hiện đại, lấy chất lượng dịch vụ, ứng dụng công nghệ và năng lực chuyên môn làm nền tảng cạnh tranh cốt lõi. Trên cơ sở xu hướng chuyển

đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, công ty đặt mục tiêu trở thành một trong những đơn vị khai báo hải quan uy tín hàng đầu tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, từng bước nâng cao vị thế trên thị trường dịch vụ logistics và xuất nhập khẩu.

Một trong những định hướng chiến lược trọng tâm của công ty trong giai đoạn này là đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động nghiệp vụ hải quan và quản lý logistics. Theo đó, Hichina hướng tới xây dựng nền tảng quản lý hồ sơ hải quan điện tử đồng bộ, có khả năng tích hợp với hệ thống VNACCS/VCIS và các cổng thông tin hải quan điện tử nhằm nâng cao tính tự động hóa trong xử lý chứng từ. Việc áp dụng công nghệ số không chỉ giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và giảm thiểu sai sót trong khai báo mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý dữ liệu, tra cứu chứng từ và theo dõi trạng thái lô hàng theo thời gian thực. Đây được xem là giải pháp quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động và thích ứng với xu hướng hiện đại hóa thủ tục hải quan trong tương lai.

Bên cạnh việc đầu tư công nghệ, công ty cũng định hướng phát triển mạnh các dịch vụ tư vấn liên quan đến xuất xứ hàng hóa và tuân thủ các hiệp định thương mại tự do (FTA). Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng mở rộng quan hệ thương mại quốc tế thông qua các hiệp định như RCEP, CPTPP, EVFTA hay CEPA UAE, nhu cầu của doanh nghiệp xuất khẩu đối với các dịch vụ tư vấn C/O, quy tắc xuất xứ và thủ tục hưởng ưu đãi thuế quan ngày càng gia tăng. Do đó, Hichina xác định việc nâng cao năng lực tư vấn và hỗ trợ khách hàng trong lĩnh vực này sẽ là một trong những hướng phát triển quan trọng nhằm gia tăng giá trị dịch vụ và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Ngoài ra, công ty đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và có trình độ chuyên môn cao. Trong giai đoạn 2026–2030, Hichina đặt mục tiêu 100% nhân viên nghiệp vụ hải quan được đào tạo bài bản và được cấp chứng chỉ hành nghề khai báo hải quan theo quy định của Tổng cục Hải quan. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực không chỉ giúp doanh nghiệp hạn chế các sai sót trong quá trình xử lý hồ sơ mà còn tăng khả năng thích ứng với những thay đổi thường xuyên của chính sách pháp luật và các quy định thương mại quốc tế. Đồng thời, đây cũng là yếu tố quan trọng góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp chuyên nghiệp, uy tín và tạo niềm tin đối với khách hàng.

Song song với các mục tiêu trên, công ty cũng định hướng triển khai lộ trình “xanh hóa” dịch vụ logistics và thủ tục hải quan nhằm phù hợp với xu thế phát triển bền vững của thương mại toàn cầu. Theo đó, Hichina sẽ tăng cường hỗ trợ khách hàng trong việc chuẩn bị các hồ sơ, chứng từ liên quan đến môi trường, phát thải carbon (carbon footprint) và các tiêu chuẩn kinh tế tuần hoàn theo yêu cầu của các thị trường lớn như EU và Hoa Kỳ. Việc chủ động thích ứng với các tiêu chuẩn xanh không chỉ giúp doanh

nghiệp nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn tạo lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh các quy định về môi trường và phát triển bền vững ngày càng được siết chặt trên phạm vi quốc tế.

Nhìn chung, các định hướng phát triển giai đoạn 2026–2030 của Công ty HICHINA đều hướng đến mục tiêu xây dựng một doanh nghiệp logistics hiện đại, chuyên nghiệp và có khả năng thích ứng cao với những biến động của thị trường quốc tế. Đây sẽ là nền tảng quan trọng giúp công ty nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị phần và phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu ngày càng sâu rộng.

3.1.2.2. Mục tiêu cụ thể của Công ty

Bảng 3.2. Mục tiêu phát triển Công ty Hichina giai đoạn 2026–2030

Chỉ tiêu	2026	2027-2028	2029-20230
Tăng trưởng doanh thu	+15%/năm	+18%/năm	+20%/năm
Biên lợi nhuận gộp	≥ 20%	≥ 22%	≥ 25%
Giảm chi phí vận hành nội bộ	-5%	-8%	-10%
Số lô hàng FCL xử lý/tháng	+10%	+20%	+30%
Tỷ lệ sai sót khai báo hải quan	< 3%	< 2%	< 1%
Mở rộng thị phần khách hàng	+3 khách hàng mới	+5 khách hàng	+8 khách hàng
Thời gian xử lý trung bình/lô hàng	Giảm 15%	Giảm 25%	Giảm 35%

(Nguồn: Định hướng chiến lược Công ty Hichina và tham chiếu Báo cáo XNK 2025)

3.2. Hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Công ty Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina

Trên cơ sở phân tích các hạn chế còn tồn tại trong quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL tại Chương 2, tác giả đề xuất hoàn thiện quy trình theo hướng bổ sung, điều chỉnh một số bước nhằm khắc phục các điểm yếu đã được nhận diện, nâng cao tính chặt chẽ, chính xác và hiệu quả của toàn bộ quy trình. Quy trình hoàn thiện được đề xuất gồm 7 bước chính, trong đó bổ sung thêm bước kiểm tra chéo hồ sơ độc lập (bước 2b) và bước đánh giá sau thông quan (bước 7) so với quy trình hiện tại 6 bước đang áp dụng:

Bảng 3.3. Quy trình thủ tục hải quan FCL đề xuất hoàn thiện tại Công ty Hichina

Bước	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian mục tiêu
1	Tiếp nhận yêu cầu và thông tin lô hàng từ khách hàng	Bộ phận Chứng từ	Trước cắt máng 48 giờ
2	Kiểm tra chính sách và chuẩn bị chứng từ	Nhân viên phụ trách lô hàng	Trước cắt máng 36 giờ
2b*	Kiểm tra chéo hồ sơ độc lập – BƯỚC BỔ SUNG: kiểm tra lại bởi nhân viên khác hoặc tổ trưởng nhằm phát hiện sai sót trước khi khai báo	Tổ trưởng / Nhân viên kiểm soát chất lượng	Trước cắt máng 30 giờ
3	Khai báo hải quan điện tử và xử lý phân luồng trên hệ thống VNACCS/VCIS: nhận phản hồi phân luồng (xanh/vàng/đỏ) và xử lý tương ứng	Nhân viên khai báo hải quan	Trước cắt máng 24 giờ
4	Đưa container ra cảng và hoàn tất thủ tục cảng: xác nhận booking, cấp lệnh giao container, vận chuyển, đóng hàng vào container và hoàn tất thủ tục tại cảng	Bộ phận Hiện trường & Chứng từ	Đúng lịch tàu
5	Nộp thuế, thanh lý tờ khai và thông quan hàng hóa: hoàn thành nghĩa vụ thuế (nếu có), thanh lý tờ khai hải quan và xác nhận thông quan chính thức	Bộ phận Chứng từ & Hiện trường	Theo yêu cầu hải quan
6	Nhận vận đơn, gửi chứng từ và theo dõi sau xuất khẩu: nhận B/L từ hãng tàu, cấp C/O, giao bộ chứng từ hoàn chỉnh cho khách hàng và theo dõi lô hàng sau xuất	Bộ phận Chứng từ	Trong vòng 24 giờ sau thông quan
7*	Đánh giá sau thông quan – BƯỚC BỔ SUNG: ghi nhận sai sót (nếu có), phân tích nguyên nhân, cập nhật checklist nội bộ và báo cáo định kỳ hàng tháng	Tổ trưởng & Quản lý	Cuối mỗi tháng

(*) Bước được bổ sung mới trong quy trình hoàn thiện

(Nguồn: Đề xuất của tác giả)

Lý do bổ sung Bước 2b (kiểm tra chéo hồ sơ): Dựa trên phân tích hạn chế tại Chương 2, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sai sót trong khai báo là do chỉ có một nhân viên kiểm tra hồ sơ trước khi khai báo, dễ bỏ sót lỗi do yếu tố chủ quan. Bước kiểm tra

chéo độc lập bởi nhân viên hoặc tổ trưởng khác sẽ tạo thêm một lớp kiểm soát chất lượng, giảm đáng kể tỷ lệ tờ khai bị từ chối hoặc phải điều chỉnh sau khi đã nộp.

Lý do bổ sung Bước 7 (đánh giá sau thông quan): Hiện tại công ty chưa có quy trình ghi nhận và phân tích các sai sót phát sinh một cách có hệ thống. Bước đánh giá định kỳ hàng tháng sẽ giúp ban lãnh đạo nắm bắt thực trạng, phát hiện các vấn đề tái diễn và điều chỉnh quy trình kịp thời, hướng tới cải thiện liên tục (continuous improvement).

3.3. Một số giải pháp hoàn thiện quy trình

3.3.1. Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ hải quan hàng xuất khẩu FCL

3.3.1.1. Giải pháp về khâu chuẩn bị chứng từ và kiểm tra hồ sơ

a. Cơ sở đề xuất

Dựa trên kết quả phân tích thực trạng hoạt động của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina giai đoạn 2023–2025 ở Chương 2, có thể nhận thấy tỷ lệ tờ khai bị phân luồng vàng và luồng đỏ do sai sót thông tin vẫn còn ở mức tương đối cao, làm phát sinh thêm thời gian xử lý và chi phí liên quan đến lưu kho, lưu bãi cũng như điều chỉnh hồ sơ. Thực tế này cho thấy công tác chuẩn bị chứng từ và kiểm tra hồ sơ trước khi khai báo hải quan tại công ty vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, đặc biệt trong việc đối chiếu thông tin giữa các chứng từ và cập nhật kịp thời các quy định mới của cơ quan hải quan.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh hoạt động xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm 2025, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt khoảng 930,05 tỷ USD và kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 475 tỷ USD, khối lượng hồ sơ hải quan cần xử lý ngày càng lớn. Điều này đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải xây dựng một quy trình kiểm soát nội bộ chặt chẽ, khoa học và có tính đồng bộ nhằm hạn chế sai sót trong quá trình khai báo. Đồng thời, việc cơ quan hải quan đẩy mạnh áp dụng cơ chế quản lý rủi ro và hiện đại hóa thủ tục thông quan cũng khiến doanh nghiệp cần nâng cao tính chính xác của dữ liệu khai báo để giảm nguy cơ bị kiểm tra thực tế hàng hóa và kéo dài thời gian thông quan.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm hướng đến việc nâng cao tính chính xác và hiệu quả trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container tại công ty. Cụ thể, công ty cần phấn đấu giảm tỷ lệ sai sót trong khai báo hải quan xuống dưới 3% trong năm 2026 và tiếp tục duy trì ở mức dưới 1% vào năm 2030. Đồng thời, việc hoàn thiện quy trình kiểm tra chứng từ cũng góp phần rút ngắn thời gian xử lý mỗi lô hàng từ khâu tiếp nhận chứng từ đến khi hoàn tất thông quan, qua đó hạn chế các chi phí phát sinh liên quan đến lưu container và chậm tiến độ giao hàng.

Ngoài ra, việc kiểm soát tốt chất lượng hồ sơ còn giúp nâng cao uy tín và mức độ tin cậy của Công ty Hichina đối với khách hàng, đối tác vận tải cũng như cơ quan hải quan, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu trong dài hạn.

c. Nội dung thực hiện

Để nâng cao hiệu quả của công tác chuẩn bị chứng từ và kiểm tra hồ sơ, công ty cần xây dựng hệ thống checklist kiểm tra chứng từ theo hướng chuẩn hóa cho từng loại hàng hóa và từng thị trường xuất khẩu cụ thể như Mỹ, EU, ASEAN hoặc Trung Quốc. Việc phân loại theo đặc thù thị trường sẽ giúp doanh nghiệp dễ dàng kiểm soát các yêu cầu khác nhau liên quan đến mã HS, chứng nhận xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật hay các quy định về kiểm tra chuyên ngành. Đồng thời, hệ thống checklist cần được cập nhật định kỳ nhằm đảm bảo phù hợp với các thay đổi trong chính sách hải quan và các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia.

Bên cạnh đó, công ty cần áp dụng cơ chế kiểm tra chéo hai cấp đối với bộ chứng từ xuất khẩu trước khi truyền tờ khai. Theo đó, nhân viên phụ trách lô hàng sẽ thực hiện bước kiểm tra ban đầu nhằm rà soát tính thống nhất giữa invoice, packing list, booking, vận đơn và các chứng từ liên quan. Sau đó, tổ trưởng hoặc nhân viên phụ trách kiểm soát chất lượng (QC) sẽ tiến hành kiểm tra độc lập trước khi chính thức khai báo trên hệ thống VNACCS/VCIS. Cơ chế này giúp hạn chế các sai sót mang tính chủ quan và tăng tính chính xác của dữ liệu khai báo.

Ngoài việc kiểm tra hồ sơ, công ty cũng cần chú trọng đến việc lưu trữ dữ liệu điện tử theo cơ chế quản lý phiên bản. Việc lưu trữ này không chỉ hỗ trợ truy xuất nhanh khi cần đối chiếu hoặc giải trình với cơ quan hải quan, mà còn giúp doanh nghiệp dễ dàng theo dõi lịch sử chỉnh sửa chứng từ, từ đó phân tích nguyên nhân phát sinh sai sót đối với từng lô hàng cụ thể. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để công ty xây dựng các biện pháp phòng ngừa và cải tiến quy trình trong tương lai.

Song song với đó, doanh nghiệp nên duy trì các buổi họp nội bộ ngắn theo hình thức định kỳ hằng tuần giữa bộ phận chứng từ, hiện trường và xuất nhập khẩu. Nội dung các buổi họp tập trung vào việc cập nhật các thay đổi mới trong quy định hải quan, chia sẻ những tình huống phát sinh thực tế trong tuần và rút kinh nghiệm từ các lô hàng gặp vấn đề. Việc trao đổi thường xuyên sẽ góp phần nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận và tăng tính chủ động trong xử lý nghiệp vụ.

d. Điều kiện thực hiện

Để giải pháp trên được triển khai hiệu quả, trước hết công ty cần bố trí nguồn nhân lực phù hợp nhằm đảm bảo việc thực hiện cơ chế kiểm tra chéo không làm ảnh hưởng đến tiến độ xử lý lô hàng. Việc phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các bộ phận cũng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tính liên kết và hạn chế tình trạng chồng chéo công việc.

Bên cạnh yếu tố nhân sự, công ty cần đầu tư hệ thống lưu trữ hồ sơ điện tử có khả năng truy xuất nhanh, bảo mật tốt và hỗ trợ quản lý dữ liệu theo từng lô hàng. Đây là điều kiện cần thiết để phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu và lưu trữ hồ sơ lâu dài theo quy định của cơ quan hải quan.

Ngoài ra, sự cam kết từ ban lãnh đạo doanh nghiệp là yếu tố mang tính quyết định đối với hiệu quả triển khai giải pháp. Ban lãnh đạo cần xây dựng môi trường làm việc theo hướng đề cao tinh thần kiểm soát chất lượng và khuyến khích nhân viên chủ động phát hiện sai sót trong nội bộ thay vì tạo áp lực trách nhiệm quá mức. Điều này sẽ giúp hình thành văn hóa làm việc cẩn trọng, minh bạch và hướng đến cải tiến liên tục trong toàn bộ quy trình thủ tục hải quan của công ty.

3.3.1.2. Giải pháp về khai báo trên hệ thống VNACCS/VCIS và cải thiện tốc độ xử lý

a. Cơ sở đề xuất

Trong bối cảnh hoạt động xuất khẩu của Việt Nam ngày càng mở rộng, yêu cầu về tốc độ xử lý thủ tục hải quan và khả năng phối hợp trong chuỗi logistics cũng trở nên khắt khe hơn. Theo Báo cáo Xuất nhập khẩu năm 2025, chi phí logistics của Việt Nam vẫn còn ở mức cao so với nhiều quốc gia trong khu vực, trong khi hạ tầng logistics và khả năng kết nối giữa các khâu trong chuỗi cung ứng vẫn tồn tại một số hạn chế. Điều này khiến doanh nghiệp xuất khẩu phải chịu áp lực lớn về thời gian và chi phí, đặc biệt đối với hàng hóa xuất khẩu nguyên container bằng đường biển.

Đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina, quá trình thực hiện thủ tục hải quan trên hệ thống VNACCS/VCIS giữ vai trò then chốt trong việc đảm bảo tiến độ giao hàng và duy trì chất lượng dịch vụ khách hàng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn xảy ra tình trạng khách hàng cung cấp chứng từ chậm hoặc thiếu thông tin, dẫn đến việc khai báo sát thời điểm cắt máng (closing time). Điều này không chỉ làm tăng nguy cơ phát sinh sai sót trong quá trình truyền tờ khai mà còn có thể khiến lô hàng bị trễ chuyến tàu, kéo theo các chi phí phát sinh như phí lưu container, đổi booking hoặc thay đổi lịch tàu. Trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp dịch vụ logistics và khai báo hải quan, tốc độ xử lý hồ sơ nhanh chóng, chính xác và linh hoạt chính là một trong những yếu tố tạo nên lợi thế cạnh tranh và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả khai báo hải quan điện tử và tối ưu hóa tốc độ xử lý hồ sơ xuất khẩu tại công ty. Trước hết, công ty cần hướng đến mục tiêu đảm bảo ít nhất 95% các lô hàng FCL được hoàn tất khai báo trước thời điểm cắt máng tối thiểu 24 giờ nhằm hạn chế rủi ro phát sinh liên quan đến lịch tàu và lưu container tại cảng.

Bên cạnh đó, công ty cũng cần giảm khoảng 25% thời gian xử lý trung bình từ khi tiếp nhận yêu cầu của khách hàng đến khi hoàn tất việc truyền tờ khai hải quan vào năm 2027. Việc rút ngắn thời gian xử lý không chỉ giúp nâng cao năng suất làm việc của nhân viên mà còn góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ, tăng khả năng đáp ứng các lô hàng gấp và nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng.

c. Nội dung thực hiện

Để nâng cao tính chủ động trong quá trình chuẩn bị hồ sơ và khai báo trên hệ thống VNACCS/VCIS, công ty cần triển khai hệ thống nhắc nhở tự động thông qua email hoặc nền tảng Zalo Official Account (Zalo OA). Hệ thống này sẽ tự động gửi thông báo đến khách hàng về thời hạn cung cấp chứng từ, thời gian cắt máng và lịch tàu của từng tuyến vận chuyển. Việc nhắc nhở định kỳ sẽ giúp khách hàng chủ động chuẩn bị hồ sơ đúng thời hạn, đồng thời giảm tình trạng bổ sung chứng từ gấp sát thời điểm khai báo.

Song song với đó, doanh nghiệp cần xây dựng bộ mẫu biểu hướng dẫn chuẩn hóa dành cho khách hàng theo từng thị trường xuất khẩu và từng loại hàng hóa cụ thể. Các biểu mẫu này cần thể hiện rõ những chứng từ bắt buộc, yêu cầu về nội dung khai báo và các lưu ý liên quan đến mã HS, xuất xứ hoặc chính sách quản lý chuyên ngành. Điều này sẽ hỗ trợ khách hàng cung cấp đầy đủ và chính xác hồ sơ ngay từ đầu, qua đó giảm đáng kể thời gian chỉnh sửa hoặc đổi chiều chứng từ trong quá trình khai báo.

Ngoài việc cải thiện quy trình phối hợp với khách hàng, công ty cũng cần nâng cao khả năng xử lý linh hoạt đối với các lô hàng phát sinh ngoài giờ hành chính. Theo đó, nên áp dụng cơ chế phân công nhân viên trực luân phiên 24/7 nhằm xử lý các trường hợp khai báo gấp, lô hàng có lịch cắt máng vào cuối tuần hoặc ngày lễ. Việc duy trì đội ngũ hỗ trợ ngoài giờ sẽ giúp công ty tăng khả năng đáp ứng yêu cầu khẩn cấp của khách hàng và hạn chế nguy cơ chậm chuyển tàu.

Bên cạnh các giải pháp về nhân sự và phối hợp khách hàng, doanh nghiệp cần ứng dụng phần mềm quản lý tiến độ hồ sơ nội bộ nhằm theo dõi trạng thái xử lý của từng lô hàng theo thời gian thực. Hệ thống này cho phép các bộ phận liên quan như chứng từ, hiện trường và xuất nhập khẩu cùng cập nhật và theo dõi tiến độ xử lý, từ đó hạn chế tình trạng chồng chéo công việc hoặc bỏ sót hồ sơ. Đồng thời, phần mềm cũng hỗ trợ ban quản lý kiểm soát hiệu suất xử lý công việc của từng bộ phận, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành chung của doanh nghiệp.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả các giải pháp trên, trước hết công ty cần đầu tư hệ thống phần mềm quản lý quy trình nghiệp vụ (workflow management software) có khả năng kết nối dữ liệu giữa các bộ phận và hỗ trợ theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ theo thời gian

thực. Hệ thống này cần đảm bảo tính ổn định, dễ sử dụng và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp nhằm phát huy hiệu quả trong thực tế vận hành.

Bên cạnh yếu tố công nghệ, công ty cũng cần xây dựng quy chế trực và hỗ trợ ngoài giờ rõ ràng đối với nhân viên tham gia xử lý các lô hàng gấp. Việc bố trí chế độ phụ cấp hợp lý và thời gian luân phiên phù hợp sẽ giúp duy trì động lực làm việc, đồng thời đảm bảo khả năng hỗ trợ khách hàng liên tục mà không gây áp lực quá lớn cho nhân sự. Ngoài ra, ban lãnh đạo doanh nghiệp cần tạo điều kiện để nhân viên được đào tạo thường xuyên về hệ thống VNACCS/VCIS và kỹ năng xử lý tình huống phát sinh nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng thích ứng trong môi trường logistics hiện đại.

3.3.1.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa bộ phận Chứng từ và Hiện trường

a. Cơ sở đề xuất

Qua phân tích thực trạng quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina ở Chương 2, có thể nhận thấy sự phối hợp giữa bộ phận Chứng từ và bộ phận Hiện trường trong một số trường hợp vẫn chưa thực sự đồng bộ và kịp thời. Một số thông tin liên quan đến tình trạng tờ khai, kết quả phân luồng, lịch hạ container hoặc xác nhận booking chưa được cập nhật nhanh chóng giữa hai bộ phận, dẫn đến tình trạng chậm xử lý hoặc phát sinh sai lệch trong quá trình thực hiện lô hàng.

Đối với hàng xuất khẩu FCL, tính liên kết giữa các khâu nghiệp vụ đóng vai trò đặc biệt quan trọng do toàn bộ tiến độ khai báo, đóng hàng và vận chuyển đều phụ thuộc chặt chẽ vào lịch tàu và thời gian cắt máng của cảng. Vì vậy, chỉ cần một sai sót nhỏ hoặc chậm trễ trong quá trình trao đổi thông tin nội bộ cũng có thể khiến lô hàng không được đóng đúng kế hoạch hoặc bị trễ chuyển tàu. Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thông quan mà còn làm phát sinh nhiều chi phí bổ sung cho khách hàng như phí lưu container, đổi booking hoặc thay đổi lịch vận chuyển. Đồng thời, việc xử lý thiếu đồng bộ giữa các bộ phận cũng làm giảm tính chuyên nghiệp và ảnh hưởng đến uy tín dịch vụ của công ty trong mắt khách hàng và đối tác.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm tăng cường hiệu quả phối hợp và trao đổi thông tin giữa bộ phận Chứng từ và bộ phận Hiện trường trong quá trình xử lý hàng xuất khẩu FCL. Thông qua việc xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng và đồng bộ, công ty hướng đến mục tiêu đảm bảo luồng thông tin giữa hai bộ phận luôn được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời trong toàn bộ quá trình xử lý lô hàng.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần phấn đấu giảm thiểu hoàn toàn tình trạng trễ lịch đóng hàng, mất cắt máng hoặc chậm thông quan do lỗi phối hợp nội bộ vào năm 2027. Đồng thời, việc cải thiện khả năng phối hợp giữa các bộ phận cũng góp phần nâng cao

hiệu quả vận hành, giảm áp lực xử lý phát sinh và tăng mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của công ty.

c. Nội dung thực hiện

Để nâng cao tính liên kết giữa bộ phận Chứng từ và bộ phận Hiện trường, công ty cần thiết lập hệ thống trao đổi thông tin nội bộ theo hướng tập trung và thống nhất. Cụ thể, doanh nghiệp có thể xây dựng các nhóm chat chuyên biệt cho từng lô hàng trên các nền tảng như Zalo Work hoặc Microsoft Teams với sự tham gia của nhân viên Chứng từ, nhân viên Hiện trường và cán bộ quản lý liên quan. Việc trao đổi theo từng lô hàng cụ thể sẽ giúp các bộ phận dễ dàng cập nhật tiến độ xử lý, hạn chế thất lạc thông tin và hỗ trợ xử lý nhanh các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan.

Bên cạnh đó, công ty cần ban hành quy định cụ thể về trách nhiệm và thời điểm bàn giao thông tin giữa các bộ phận nhằm tránh tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót công việc. Chẳng hạn, bộ phận Chứng từ phải cập nhật ngay kết quả phân luồng tờ khai sau khi hệ thống VNACCS/VCIS trả kết quả để bộ phận Hiện trường chủ động chuẩn bị phương án xử lý phù hợp. Ngược lại, bộ phận Hiện trường cần xác nhận tình trạng booking, kế hoạch hạ container và thời gian đóng hàng trước thời điểm đóng hàng tối thiểu theo quy định nội bộ nhằm đảm bảo tiến độ khai thác tại cảng. Việc quy định rõ trách nhiệm và thời hạn xử lý sẽ giúp tăng tính chủ động và nâng cao khả năng phối hợp giữa các bên liên quan.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng nên xây dựng checklist phối hợp liên bộ phận áp dụng cho từng lô hàng xuất khẩu FCL. Biểu mẫu này cần thể hiện đầy đủ các hạng mục công việc, người phụ trách và thời gian hoàn thành tương ứng nhằm đảm bảo mọi thông tin quan trọng đều được kiểm soát trong quá trình bàn giao công việc. Thông qua việc áp dụng checklist phối hợp, công ty có thể hạn chế tối đa các sai sót phát sinh do thiếu thông tin hoặc quên cập nhật tiến độ xử lý giữa các bộ phận.

d. Điều kiện thực hiện

Để giải pháp được triển khai hiệu quả, trước hết cần có sự phê duyệt và chỉ đạo trực tiếp từ ban lãnh đạo công ty trong việc xây dựng và áp dụng quy trình phối hợp mới giữa bộ phận Chứng từ và bộ phận Hiện trường. Đồng thời, các quy định và trách nhiệm liên quan cần được phổ biến rõ ràng đến toàn bộ nhân viên nhằm đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện.

Bên cạnh đó, công ty cần đảm bảo hệ thống trao đổi thông tin nội bộ hoạt động ổn định, thuận tiện và được sử dụng thường xuyên bởi tất cả nhân viên liên quan. Việc duy trì thói quen cập nhật thông tin theo thời gian thực sẽ góp phần nâng cao tính chủ động và hạn chế các rủi ro phát sinh do chậm trễ trong quá trình phối hợp xử lý lô hàng. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần xây dựng văn hóa làm việc theo hướng hỗ trợ và phối

hợp liên phòng ban nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, đồng bộ và hiệu quả hơn trong hoạt động thủ tục hải quan xuất khẩu FCL.

3.3.2. Đầu tư công nghệ và chuyển đổi số

3.3.2.1. Hoàn thiện hệ thống công nghệ và trang thiết bị

a. Cơ sở đề xuất

Năm 2025, hệ thống VNACCS/VCIS tiếp tục đóng vai trò là nền tảng cốt lõi trong xử lý thủ tục hải quan điện tử, cho phép doanh nghiệp thực hiện khai báo, truyền nhận dữ liệu và theo dõi trạng thái tờ khai hoàn toàn trên môi trường số. Song song với đó, Bộ Công Thương tiếp tục vận hành hệ thống cấp giấy chứng nhận xuất xứ điện tử (C/O điện tử) và Cổng thông tin FTA (FTAP), cung cấp cơ sở dữ liệu tập trung về cam kết thuế quan, quy tắc xuất xứ và các nội dung liên quan đến 17 hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đang tham gia. Những nền tảng số này góp phần rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện hoạt động xuất khẩu. Trong khi đó, tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina, một số nghiệp vụ vẫn còn được thực hiện theo phương thức thủ công như lưu trữ hồ sơ giấy, quản lý chứng từ rời rạc qua email hoặc trao đổi thông tin chưa đồng bộ giữa các bộ phận. Điều này không chỉ làm gia tăng thời gian xử lý hồ sơ mà còn tiềm ẩn nguy cơ thất lạc chứng từ, sai sót nhập liệu và khó khăn trong quá trình truy xuất dữ liệu khi cần kiểm tra hoặc giải trình với cơ quan hải quan. Nếu không sớm đầu tư hệ thống công nghệ phù hợp, doanh nghiệp sẽ ngày càng gặp bất lợi trong môi trường cạnh tranh hiện đại, nơi tốc độ xử lý và khả năng số hóa dữ liệu đang trở thành tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng dịch vụ logistics.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm từng bước hiện đại hóa quy trình xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả quản trị dữ liệu tại công ty. Trước hết, doanh nghiệp cần hướng đến mục tiêu số hóa toàn bộ hồ sơ chứng từ xuất khẩu, đảm bảo khả năng truy xuất dữ liệu nhanh chóng trong thời gian tối đa 2 phút khi có yêu cầu kiểm tra hoặc đối chiếu thông tin.

Bên cạnh đó, công ty cần xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ nội bộ có khả năng tích hợp với hệ thống VNACCS/VCIS nhằm hỗ trợ tự động điền dữ liệu từ chứng từ vào tờ khai hải quan. Việc tự động hóa một phần quy trình nhập liệu sẽ giúp giảm đáng kể các sai sót do thao tác thủ công, đồng thời rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao tính chính xác trong khai báo hải quan.

c. Nội dung thực hiện

Để thực hiện hiệu quả quá trình chuyển đổi số trong hoạt động thủ tục hải quan, công ty cần triển khai hệ thống quản lý hồ sơ điện tử chuyên dụng theo mô hình DMS (Document Management System). Hệ thống này cần có khả năng lưu trữ, phân loại và

quản lý hồ sơ theo từng lô hàng, đồng thời tích hợp với hệ thống VNACCS/VCIS nhằm hỗ trợ đồng bộ dữ liệu và giảm thao tác nhập liệu thủ công. Việc sử dụng phần mềm quản lý tập trung sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng kiểm soát chứng từ và giảm thiểu nguy cơ thất lạc dữ liệu trong quá trình xử lý nghiệp vụ.

Song song với đó, công ty cần thực hiện số hóa toàn bộ chứng từ đầu vào thông qua việc scan và ứng dụng công nghệ OCR (Optical Character Recognition) để nhận dạng ký tự tự động từ các chứng từ như invoice, packing list, vận đơn hoặc giấy chứng nhận xuất xứ. Sau khi được xử lý, toàn bộ dữ liệu cần được lưu trữ trên nền tảng điện toán đám mây có tích hợp cơ chế mã hóa và phân quyền truy cập nhằm đảm bảo tính bảo mật và khả năng truy xuất nhanh chóng khi cần thiết.

Ngoài việc đầu tư phần mềm, doanh nghiệp cũng cần nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động nghiệp vụ. Theo đó, công ty cần trang bị đồng bộ máy tính có cấu hình phù hợp, thiết bị scan tốc độ cao và hệ thống đường truyền internet ổn định cho toàn bộ nhân viên liên quan đến hoạt động khai báo hải quan và quản lý chứng từ. Đây là điều kiện quan trọng nhằm đảm bảo hệ thống vận hành liên tục, hạn chế tình trạng gián đoạn trong quá trình truyền dữ liệu và xử lý hồ sơ điện tử.

Bên cạnh các giải pháp trên, công ty nên xây dựng dashboard quản lý và theo dõi trạng thái xử lý tờ khai theo thời gian thực. Dashboard này cần thể hiện đầy đủ các thông tin như tình trạng phân luồng, tiến độ thông quan, thời gian xử lý từng lô hàng và các cảnh báo liên quan đến thời hạn cắt máng hoặc chứng từ còn thiếu. Việc trực quan hóa dữ liệu sẽ giúp các bộ phận dễ dàng theo dõi tiến độ công việc, đồng thời hỗ trợ ban quản lý đưa ra quyết định điều phối kịp thời khi phát sinh sự cố.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả các giải pháp chuyển đổi số, trước hết công ty cần xây dựng kế hoạch đầu tư cụ thể cho hệ thống phần mềm và hạ tầng công nghệ thông tin. Theo ước tính, chi phí đầu tư ban đầu cho phần mềm quản lý hồ sơ, thiết bị công nghệ và hạ tầng IT có thể dao động từ 100 đến 200 triệu đồng trong năm đầu triển khai. Mặc dù đây là khoản chi phí tương đối lớn đối với doanh nghiệp, tuy nhiên về lâu dài sẽ góp phần tiết kiệm chi phí vận hành, nâng cao năng suất làm việc và giảm thiểu rủi ro sai sót trong quá trình khai báo hải quan.

Bên cạnh yếu tố tài chính, công ty cần tổ chức các chương trình đào tạo nhằm giúp nhân viên nhanh chóng làm quen và sử dụng thành thạo hệ thống mới trong thời gian từ một đến hai tháng kể từ khi triển khai. Việc đào tạo không chỉ tập trung vào thao tác sử dụng phần mềm mà còn cần nâng cao nhận thức của nhân viên về vai trò của chuyển đổi số trong hoạt động logistics và thủ tục hải quan hiện đại. Đồng thời, ban lãnh đạo doanh nghiệp cũng cần có sự cam kết và hỗ trợ xuyên suốt trong quá trình triển khai

nhằm đảm bảo các giải pháp công nghệ được áp dụng đồng bộ và phát huy hiệu quả trong thực tế hoạt động của công ty.

3.3.2.2. Ứng dụng kinh tế số

a. Cơ sở đề xuất

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ, kinh tế số đang từng bước tác động sâu rộng đến hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có ngành logistics và dịch vụ hải quan. Sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử xuyên biên giới, các nền tảng giao dịch trực tuyến và hệ thống quản lý chuỗi cung ứng số đã làm thay đổi đáng kể nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng đối với dịch vụ logistics hiện đại. Khách hàng hiện nay không chỉ quan tâm đến chi phí và tốc độ xử lý mà còn yêu cầu khả năng tra cứu thông tin trực tuyến, cập nhật tiến độ theo thời gian thực và được hỗ trợ từ xa một cách nhanh chóng, thuận tiện.

Trong năm 2025, hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, kéo theo nhu cầu ngày càng lớn về các dịch vụ hải quan điện tử và quản lý lô hàng trên nền tảng số. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp logistics lớn đã bắt đầu triển khai các cổng thông tin khách hàng, hệ thống tracking trực tuyến và ứng dụng chatbot nhằm nâng cao trải nghiệm người dùng và tối ưu hóa quy trình phục vụ khách hàng. Trong khi đó, tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina, hoạt động trao đổi thông tin với khách hàng hiện vẫn chủ yếu thông qua email và các nền tảng nhắn tin riêng lẻ, chưa có hệ thống tra cứu tập trung và đồng bộ. Điều này khiến khách hàng gặp khó khăn trong việc theo dõi tiến độ xử lý lô hàng, đồng thời làm tăng khối lượng công việc thủ công cho nhân viên trong quá trình phản hồi thông tin. Vì vậy, việc ứng dụng kinh tế số vào hoạt động dịch vụ hải quan là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm từng bước số hóa hoạt động chăm sóc và hỗ trợ khách hàng trong lĩnh vực thủ tục hải quan và logistics tại công ty. Trước hết, doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống tra cứu trực tuyến giúp khách hàng có thể chủ động theo dõi trạng thái lô hàng, tình trạng xử lý tờ khai cũng như các thông báo liên quan từ cơ quan hải quan theo thời gian thực. Việc minh bạch hóa thông tin sẽ giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng và giảm phụ thuộc vào việc trao đổi thủ công qua điện thoại hoặc email.

Bên cạnh đó, công ty cần triển khai các hình thức tư vấn hải quan trực tuyến như chat hoặc video call nhằm hỗ trợ khách hàng từ xa một cách nhanh chóng và thuận tiện hơn. Điều này không chỉ giúp nâng cao khả năng tương tác với khách hàng mà còn mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong môi trường số hóa hiện đại.

c. Nội dung thực hiện

Để đáp ứng nhu cầu tra cứu và quản lý thông tin trực tuyến của khách hàng, công ty cần xây dựng cổng thông tin khách hàng (customer portal) tích hợp nhiều chức năng hỗ trợ nghiệp vụ. Thông qua hệ thống này, khách hàng có thể chủ động theo dõi tiến độ xử lý lô hàng, kiểm tra trạng thái tờ khai hải quan, tải xuống các chứng từ liên quan và thực hiện thanh toán dịch vụ trực tuyến. Việc xây dựng cổng thông tin tập trung không chỉ giúp nâng cao tính minh bạch trong quá trình cung cấp dịch vụ mà còn góp phần giảm khối lượng công việc xử lý thủ công của nhân viên chăm sóc khách hàng.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể tích hợp chatbot hỗ trợ tư vấn sơ bộ về các nội dung thường gặp trong hoạt động hải quan như mã HS, thuế suất, chứng nhận xuất xứ (C/O) hoặc các quy định quản lý chuyên ngành phổ biến. Chatbot sẽ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ khách hàng tra cứu thông tin cơ bản 24/7, đồng thời giảm tải cho nhân viên trong việc xử lý các câu hỏi lặp lại thường xuyên. Đối với các trường hợp phức tạp hơn, hệ thống có thể tự động chuyển tiếp yêu cầu đến nhân viên tư vấn chuyên trách để hỗ trợ trực tiếp thông qua chat hoặc video call.

Ngoài việc nâng cao khả năng tương tác với khách hàng, công ty cũng cần đẩy mạnh kết nối dữ liệu với các đối tác trong chuỗi logistics. Theo đó, doanh nghiệp có thể triển khai kết nối API với hệ thống của hãng tàu, cảng biển hoặc đơn vị vận tải nhằm tự động cập nhật các thông tin liên quan đến lịch tàu, thời gian cắt máng và tình trạng container theo thời gian thực. Việc đồng bộ dữ liệu tự động sẽ giúp giảm độ trễ thông tin, nâng cao khả năng phối hợp giữa các bên liên quan và hỗ trợ khách hàng theo dõi chính xác tiến độ vận chuyển của lô hàng.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả các giải pháp ứng dụng kinh tế số, trước hết công ty cần hợp tác với các đơn vị phát triển phần mềm có kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics và hải quan nhằm đảm bảo hệ thống được thiết kế phù hợp với đặc thù nghiệp vụ của doanh nghiệp. Hệ thống cần đảm bảo khả năng mở rộng, tích hợp dữ liệu linh hoạt và hỗ trợ cập nhật theo các thay đổi trong quy định hải quan và hoạt động logistics thực tế.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần xây dựng chính sách bảo mật dữ liệu khách hàng rõ ràng và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến lưu trữ, xử lý và bảo vệ thông tin điện tử. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hoạt động giao dịch và trao đổi chứng từ trực tuyến ngày càng phổ biến, đòi hỏi doanh nghiệp phải đảm bảo tính an toàn, bảo mật và quyền riêng tư cho khách hàng. Ngoài ra, công ty cũng cần tổ chức đào tạo nhân viên về kỹ năng sử dụng hệ thống số và kỹ năng hỗ trợ khách hàng trực tuyến nhằm đảm bảo quá trình chuyển đổi số được triển khai đồng bộ và hiệu quả trong thực tế hoạt động kinh doanh.

3.3.2.3. Ứng dụng kinh tế xanh trong dịch vụ hải quan

a. Cơ sở đề xuất

Trong bối cảnh xu hướng phát triển bền vững và kinh tế xanh đang trở thành định hướng chung của thương mại toàn cầu, nhiều quốc gia và khu vực kinh tế lớn đã ban hành các quy định nghiêm ngặt liên quan đến môi trường, phát thải carbon và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đặc biệt, Liên minh châu Âu (EU) đang triển khai hàng loạt chính sách mới như Quy định chống mất rừng của EU (EUDR), Quy định thiết kế sinh thái cho sản phẩm bền vững (ESPR) hay Chỉ thị thẩm định trách nhiệm bền vững của doanh nghiệp (CS3D). Những quy định này yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu phải cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến nguồn gốc nguyên liệu, phát thải carbon, quy trình sản xuất xanh và mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường quốc tế.

Điều này đặt ra áp lực đáng kể đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam nói chung và khách hàng của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina nói riêng, đặc biệt đối với các mặt hàng xuất khẩu sang thị trường EU và các quốc gia phát triển. Bên cạnh việc chuẩn bị hồ sơ hải quan truyền thống, khách hàng hiện nay còn cần được hỗ trợ thêm các loại chứng từ liên quan đến môi trường như báo cáo phát thải, chứng nhận carbon, tài liệu truy xuất nguồn gốc hoặc các hồ sơ chứng minh tuân thủ tiêu chuẩn xanh. Trong khi đó, phần lớn doanh nghiệp logistics và dịch vụ hải quan tại Việt Nam hiện vẫn chủ yếu tập trung vào nghiệp vụ khai báo hải quan thông thường, chưa chú trọng tích hợp dịch vụ tư vấn liên quan đến yêu cầu môi trường quốc tế. Vì vậy, việc ứng dụng kinh tế xanh vào hoạt động dịch vụ hải quan không chỉ giúp Hichina đáp ứng xu hướng thị trường mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh mới trong bối cảnh hội nhập thương mại quốc tế ngày càng sâu rộng.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm từng bước xây dựng Công ty Hichina trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ hải quan tích hợp tư vấn xanh tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2027. Việc mở rộng dịch vụ theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu môi trường quốc tế sẽ giúp công ty nâng cao giá trị dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực logistics và thủ tục hải quan.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần hướng đến mục tiêu hỗ trợ đầy đủ cho 100% khách hàng xuất khẩu sang thị trường EU trong việc chuẩn bị các hồ sơ và chứng từ liên quan đến yêu cầu môi trường trước năm 2026. Điều này không chỉ giúp khách hàng hạn chế rủi ro bị từ chối nhập khẩu hoặc kiểm tra bổ sung tại thị trường nước ngoài mà còn góp phần nâng cao uy tín của công ty trong vai trò đơn vị hỗ trợ thủ tục xuất khẩu chuyên nghiệp.

c. Nội dung thực hiện

Để đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe về môi trường trong thương mại quốc tế, trước hết công ty cần tổ chức đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ nhân viên về các quy định môi trường của EU và các thị trường xuất khẩu lớn khác. Nội dung đào tạo cần tập trung vào các quy định mới như EUDR, ESPR, CS3D cũng như các yêu cầu liên quan đến truy xuất nguồn gốc, phát thải carbon và tiêu chuẩn sản xuất bền vững. Việc nâng cao kiến thức chuyên môn sẽ giúp nhân viên có khả năng tư vấn và hỗ trợ khách hàng chuẩn bị hồ sơ phù hợp với từng thị trường xuất khẩu cụ thể.

Bên cạnh đó, công ty cần xây dựng danh mục các chứng từ xanh cần thiết đối với từng nhóm mặt hàng và từng thị trường xuất khẩu. Danh mục này cần được cập nhật thường xuyên theo sự thay đổi của các quy định quốc tế nhằm hỗ trợ khách hàng chủ động chuẩn bị hồ sơ ngay từ đầu. Việc chuẩn hóa các yêu cầu chứng từ theo từng thị trường không chỉ giúp giảm thiểu sai sót mà còn góp phần rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ xuất khẩu.

Ngoài việc nâng cao năng lực nội bộ, doanh nghiệp cũng nên mở rộng hợp tác với các tổ chức cấp chứng nhận môi trường và các đơn vị tư vấn chuyên ngành nhằm cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng. Các chứng nhận như ISO 14001 hoặc chứng nhận carbon neutral đang ngày càng trở thành yêu cầu quan trọng đối với nhiều thị trường xuất khẩu lớn. Thông qua việc liên kết với các tổ chức chuyên môn, công ty có thể hỗ trợ khách hàng từ khâu tư vấn hồ sơ đến quá trình đăng ký và hoàn thiện chứng nhận môi trường cần thiết.

Song song với các hoạt động hỗ trợ khách hàng, Hichina cũng cần thực hiện chuyển đổi theo hướng văn phòng xanh thông qua việc số hóa quy trình nội bộ và hạn chế sử dụng hồ sơ giấy. Việc áp dụng mô hình “paperless office” không chỉ giúp tiết kiệm chi phí lưu trữ và nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu mà còn thể hiện cam kết của doanh nghiệp đối với xu hướng phát triển bền vững và bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả các giải pháp ứng dụng kinh tế xanh, trước hết công ty cần đầu tư cho hoạt động đào tạo hoặc tuyển dụng nhân sự có kiến thức chuyên môn về luật môi trường quốc tế, tiêu chuẩn phát triển bền vững và các quy định thương mại xanh của các thị trường xuất khẩu lớn. Đây là yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo doanh nghiệp có đủ năng lực chuyên môn để tư vấn và hỗ trợ khách hàng một cách hiệu quả.

Bên cạnh đó, công ty cần thiết lập mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đơn vị tư vấn môi trường, tổ chức chứng nhận và các hiệp hội chuyên ngành nhằm cập nhật nhanh chóng các thay đổi trong chính sách quốc tế cũng như mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ngoài ra, ban lãnh đạo doanh nghiệp cũng cần xây dựng chiến lược

phát triển dịch vụ theo hướng bền vững và tích hợp yếu tố môi trường vào hoạt động quản trị nội bộ nhằm tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi xanh trong dài hạn.

3.3.2.4. . *Ứng dụng kinh tế tuần hoàn*

a. Cơ sở đề xuất

Trong bối cảnh phát triển bền vững đang trở thành xu hướng tất yếu của nền kinh tế toàn cầu, kinh tế tuần hoàn không chỉ là yêu cầu từ phía các thị trường xuất khẩu lớn mà còn là định hướng phát triển dài hạn của Chính phủ Việt Nam. Theo chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, các doanh nghiệp được khuyến khích áp dụng mô hình sản xuất và vận hành theo hướng tiết kiệm tài nguyên, giảm phát sinh chất thải và tăng cường tái sử dụng nguyên vật liệu. Đối với lĩnh vực logistics và dịch vụ hải quan, kinh tế tuần hoàn không chỉ thể hiện ở việc tối ưu hóa quy trình vận hành nội bộ mà còn gắn liền với khả năng hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn xanh và quy định quốc tế liên quan đến vật liệu tái chế và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Bên cạnh đó, nhiều thị trường lớn như Liên minh châu Âu đang đẩy mạnh áp dụng các quy định liên quan đến thiết kế sản phẩm bền vững và tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái chế trong hàng hóa nhập khẩu. Điều này khiến các doanh nghiệp xuất khẩu ngày càng quan tâm đến việc khai báo thành phần tái chế trong sản phẩm để đáp ứng yêu cầu của các quy định như ESPR cũng như tận dụng các ưu đãi thuế quan từ các hiệp định thương mại tự do. Trong khi đó, tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina, hoạt động xử lý hồ sơ và lưu trữ chứng từ hiện vẫn sử dụng tương đối nhiều giấy tờ, đồng thời chưa có các hướng dẫn cụ thể hỗ trợ khách hàng liên quan đến khai báo nguyên liệu tái chế trong hàng xuất khẩu. Vì vậy, việc ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong hoạt động dịch vụ hải quan là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả vận hành nội bộ, giảm tác động môi trường và đáp ứng xu hướng phát triển thương mại bền vững trong giai đoạn hiện nay.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm từng bước xây dựng mô hình vận hành theo hướng tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường trong hoạt động của công ty. Trước hết, doanh nghiệp cần hướng đến mục tiêu giảm ít nhất 50% lượng chứng từ giấy sử dụng nội bộ vào năm 2027 thông qua việc đẩy mạnh số hóa hồ sơ và áp dụng quy trình xử lý điện tử. Việc cắt giảm sử dụng giấy tờ không chỉ giúp tiết kiệm chi phí lưu trữ mà còn góp phần giảm thiểu lượng chất thải phát sinh trong hoạt động văn phòng.

Bên cạnh đó, công ty cũng cần hỗ trợ khách hàng trong việc tính toán và khai báo chính xác tỷ lệ nguyên liệu tái chế trong sản phẩm xuất khẩu theo yêu cầu của các quy định quốc tế như ESPR và các tiêu chuẩn tương đương khác. Điều này sẽ giúp khách

hàng nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu thị trường và tận dụng hiệu quả các ưu đãi thương mại liên quan đến sản phẩm xanh và phát triển bền vững.

c. Nội dung thực hiện

Để triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn trong hoạt động nghiệp vụ, trước hết công ty cần chuyển đổi toàn bộ quy trình xử lý nội bộ sang hình thức hồ sơ điện tử kết hợp chữ ký số và lưu trữ dữ liệu trên nền tảng điện toán đám mây. Việc áp dụng quy trình làm việc không giấy tờ sẽ giúp giảm đáng kể lượng chứng từ in ấn, đồng thời nâng cao khả năng quản lý và truy xuất dữ liệu trong quá trình xử lý hồ sơ hải quan. Ngoài ra, việc sử dụng chữ ký số cũng góp phần rút ngắn thời gian xử lý chứng từ và nâng cao tính bảo mật trong giao dịch điện tử giữa các bên liên quan.

Bên cạnh hoạt động số hóa nội bộ, công ty cần xây dựng các tài liệu hướng dẫn dành cho khách hàng về cách khai báo thành phần tái chế trong hàng hóa xuất khẩu cũng như các quy định liên quan đến ưu đãi thuế quan theo các hiệp định thương mại tự do. Các hướng dẫn này cần được xây dựng theo từng nhóm mặt hàng và từng thị trường cụ thể nhằm giúp khách hàng hiểu rõ yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, tỷ lệ tái chế và tiêu chí môi trường của từng quốc gia nhập khẩu. Việc hỗ trợ khách hàng chuẩn bị đúng thông tin ngay từ đầu sẽ góp phần hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình thông quan và kiểm tra tại thị trường nước ngoài.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng nên áp dụng các giải pháp tiết kiệm tài nguyên trong hoạt động văn phòng như tái sử dụng thiết bị làm việc, tối ưu vòng đời sử dụng của máy tính và thiết bị điện tử hoặc triển khai quy trình thu hồi, tái chế thiết bị điện tử nội bộ khi không còn sử dụng. Những hoạt động này không chỉ giúp giảm lượng rác thải điện tử mà còn thể hiện định hướng phát triển bền vững của doanh nghiệp trong dài hạn.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả các giải pháp ứng dụng kinh tế tuần hoàn, trước hết cần có sự đồng thuận và cam kết từ toàn bộ nhân viên trong việc chuyển đổi sang mô hình làm việc không giấy tờ và ưu tiên sử dụng tài nguyên theo hướng tiết kiệm, tái sử dụng. Đây là yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo quá trình thay đổi được thực hiện đồng bộ và duy trì lâu dài trong hoạt động nội bộ của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, công ty cần đảm bảo hệ thống chữ ký số và lưu trữ điện tử được cơ quan hải quan, khách hàng và các đối tác liên quan công nhận hợp lệ theo quy định pháp luật hiện hành. Việc xây dựng hệ thống giao dịch điện tử ổn định, bảo mật và có tính pháp lý cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai mô hình văn phòng xanh và xử lý hồ sơ điện tử trong thực tế. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần thường xuyên cập nhật các quy định quốc tế liên quan đến kinh tế tuần hoàn và sản phẩm bền vững nhằm nâng cao khả năng tư vấn và hỗ trợ khách hàng trong bối cảnh yêu cầu thương mại xanh ngày càng gia tăng.

3.3.3. Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp

3.3.3.1. Giải pháp mở rộng thị trường

a. Cơ sở đề xuất

Trong những năm gần đây, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực, đặc biệt ở nhóm hàng công nghiệp chế biến và nông sản – thủy sản. Theo số liệu thương mại năm 2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt khoảng 930,05 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD. Đáng chú ý, nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục giữ vai trò chủ lực với giá trị xuất khẩu khoảng 421,47 tỷ USD, chiếm gần 88,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Bên cạnh đó, nhiều nhóm hàng xuất khẩu chủ lực như điện tử, máy tính và linh kiện, dệt may, giày dép, nông sản và thủy sản đều duy trì mức tăng trưởng khả quan. Đây là những ngành hàng có nhu cầu lớn đối với dịch vụ vận chuyển container đường biển và khai báo hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL).

Bên cạnh đó, việc Việt Nam tham gia sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP và RCEP đã mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp xuất khẩu tiếp cận thị trường quốc tế. Sự gia tăng về số lượng doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu cũng kéo theo nhu cầu lớn đối với các dịch vụ logistics, giao nhận và thủ tục hải quan chuyên nghiệp. Đặc biệt, tại các khu vực công nghiệp trọng điểm như Bình Dương, Đồng Nai và Long An, số lượng doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa bằng container đang ngày càng tăng mạnh. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina mở rộng thị trường, phát triển thêm khách hàng mới và nâng cao quy mô hoạt động trong thời gian tới.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm mở rộng thị phần và nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty trong lĩnh vực dịch vụ hải quan và logistics xuất khẩu FCL. Trước hết, công ty cần hướng đến mục tiêu tìm kiếm và phát triển thêm ít nhất ba khách hàng mới mỗi năm trong giai đoạn 2026–2028 nhằm gia tăng doanh thu và đa dạng hóa tệp khách hàng.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần mở rộng phạm vi hoạt động sang các khu vực lân cận Thành phố Hồ Chí Minh như Bình Dương, Đồng Nai và Long An – nơi tập trung nhiều khu công nghiệp lớn và có nhu cầu cao về dịch vụ khai báo hải quan xuất khẩu nguyên container. Việc mở rộng thị trường không chỉ giúp tăng cơ hội tiếp cận khách hàng tiềm năng mà còn góp phần nâng cao vị thế của công ty trong ngành logistics khu vực phía Nam.

c. Nội dung thực hiện

Để triển khai hiệu quả hoạt động mở rộng thị trường, trước hết công ty cần xây dựng đội ngũ kinh doanh chuyên trách có khả năng tiếp cận và tư vấn trực tiếp cho các

doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu tại các khu công nghiệp. Đội ngũ này không chỉ thực hiện vai trò tìm kiếm khách hàng mới mà còn cần chủ động nghiên cứu nhu cầu của từng nhóm doanh nghiệp theo ngành hàng như dệt may, gỗ, nông sản, linh kiện điện tử hoặc thủy sản nhằm đưa ra các giải pháp dịch vụ phù hợp. Bên cạnh kỹ năng bán hàng, nhân viên kinh doanh cần có kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hải quan, quy trình xuất khẩu FCL và các hiệp định thương mại tự do để có thể tư vấn cho khách hàng một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

Song song với hoạt động tiếp cận trực tiếp, công ty cần tăng cường tham gia các hội chợ, triển lãm logistics và các chương trình kết nối doanh nghiệp do Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), cơ quan hải quan hoặc các tổ chức xúc tiến thương mại tổ chức. Việc tham gia các sự kiện chuyên ngành sẽ giúp doanh nghiệp mở rộng mạng lưới quan hệ, cập nhật xu hướng thị trường và nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng tiềm năng. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để Hichina quảng bá hình ảnh thương hiệu và khẳng định năng lực cung cấp dịch vụ thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần đầu tư xây dựng bộ tài liệu giới thiệu dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại hơn. Nội dung tài liệu không chỉ giới thiệu thông tin cơ bản về công ty mà còn cần trình bày rõ quy trình thực hiện dịch vụ, năng lực xử lý hồ sơ và các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Đặc biệt, công ty nên xây dựng các case study thực tế về những lô hàng FCL đã được xử lý thành công, bao gồm các trường hợp xử lý hàng gấp, hỗ trợ khai báo hàng xuất khẩu sang thị trường khó tính hoặc giải quyết các tình huống phát sinh liên quan đến phân luồng và kiểm tra chuyên ngành. Những minh chứng thực tế này sẽ giúp tăng tính thuyết phục và tạo niềm tin đối với khách hàng mới trong quá trình tiếp cận dịch vụ.

Bên cạnh các hoạt động marketing truyền thống, công ty cũng cần đẩy mạnh quảng bá dịch vụ trên nền tảng số thông qua website doanh nghiệp, mạng xã hội và các diễn đàn chuyên ngành logistics. Việc duy trì nội dung chia sẻ liên quan đến chính sách hải quan mới, kinh nghiệm xuất khẩu hoặc hướng dẫn xử lý chứng từ sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu và tạo dựng hình ảnh chuyên gia trong lĩnh vực thủ tục hải quan. Đồng thời, đây cũng là kênh hỗ trợ hiệu quả trong việc tiếp cận khách hàng ở các khu vực ngoài Thành phố Hồ Chí Minh mà không cần đầu tư chi phí mở văn phòng đại diện trong giai đoạn đầu.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả giải pháp mở rộng thị trường, trước hết công ty cần xây dựng kế hoạch marketing và phát triển khách hàng cụ thể trong từng năm, đồng thời phân bổ ngân sách phù hợp cho các hoạt động quảng bá, tham gia hội chợ và tiếp cận

khách hàng mới. Việc xác định rõ chi phí tiếp thị trong kế hoạch kinh doanh sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong quá trình triển khai các hoạt động mở rộng thị trường.

Bên cạnh đó, công ty cần tuyển dụng hoặc đào tạo đội ngũ nhân sự kinh doanh có kiến thức chuyên môn về logistics và thủ tục hải quan nhằm đảm bảo khả năng tư vấn và hỗ trợ khách hàng hiệu quả. Ngoài kỹ năng giao tiếp và tìm kiếm khách hàng, nhân viên kinh doanh cần có khả năng cập nhật các chính sách hải quan, quy định xuất khẩu và yêu cầu của từng thị trường nhằm nâng cao chất lượng tư vấn dịch vụ. Đồng thời, ban lãnh đạo doanh nghiệp cũng cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo quá trình chăm sóc và xử lý khách hàng được thực hiện đồng bộ, chuyên nghiệp và hiệu quả hơn trong quá trình mở rộng thị trường.

3.3.3.2. Giải pháp phát triển khách hàng

a. Cơ sở đề xuất

Trong lĩnh vực dịch vụ logistics và thủ tục hải quan, việc duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng hiện hữu được xem là nền tảng phát triển bền vững của doanh nghiệp. So với việc tìm kiếm khách hàng mới, chi phí để giữ chân khách hàng cũ thường thấp hơn nhưng lại mang lại hiệu quả ổn định và lâu dài hơn về doanh thu cũng như uy tín thương hiệu. Đặc biệt, đối với dịch vụ khai báo hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL), khách hàng thường có xu hướng ưu tiên hợp tác lâu dài với những doanh nghiệp có khả năng xử lý hồ sơ nhanh chóng, chính xác và hỗ trợ hiệu quả trong các tình huống phát sinh.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp logistics và dịch vụ hải quan, chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của khách hàng trở thành yếu tố quyết định khả năng duy trì sự trung thành của khách hàng đối với doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, nhiều khách hàng không chỉ quan tâm đến mức phí dịch vụ mà còn đánh giá cao khả năng phản hồi nhanh, sự chủ động hỗ trợ và tính ổn định trong quá trình xử lý lô hàng. Ngoài ra, sự hài lòng của khách hàng còn có tác động trực tiếp đến khả năng giới thiệu dịch vụ cho các đối tác khác, từ đó góp phần mở rộng tệp khách hàng thông qua uy tín và chất lượng dịch vụ thực tế. Vì vậy, việc xây dựng các giải pháp phát triển và chăm sóc khách hàng một cách chuyên nghiệp là yêu cầu cần thiết đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina trong giai đoạn hiện nay.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm nâng cao mức độ hài lòng và duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng của công ty. Trước hết, doanh nghiệp cần hướng đến mục tiêu duy trì tỷ lệ khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ hằng năm đạt trên 90%, qua đó tạo nguồn doanh thu ổn định và giảm phụ thuộc vào việc tìm kiếm khách hàng mới.

Bên cạnh đó, công ty cũng cần nâng cao mức độ tin tưởng và hài lòng của khách hàng nhằm đạt tỷ lệ trên 30% khách hàng giới thiệu dịch vụ của Hichina cho đối tác hoặc doanh nghiệp khác. Đây không chỉ là chỉ tiêu phản ánh chất lượng dịch vụ mà còn thể hiện uy tín và hình ảnh chuyên nghiệp của công ty trên thị trường logistics và thủ tục hải quan.

c. Nội dung thực hiện

Để nâng cao hiệu quả chăm sóc và phát triển khách hàng, trước hết công ty cần tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng theo hình thức định kỳ hai lần mỗi năm. Nội dung khảo sát cần tập trung đánh giá các yếu tố như tốc độ xử lý hồ sơ, khả năng hỗ trợ khách hàng, mức độ chính xác của chứng từ, thái độ phục vụ và khả năng giải quyết các tình huống phát sinh. Sau khi thu thập dữ liệu, công ty cần tiến hành phân tích kết quả khảo sát nhằm xác định những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy cũng như các hạn chế cần cải thiện trong quá trình cung cấp dịch vụ. Việc duy trì hoạt động khảo sát định kỳ sẽ giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ một cách phù hợp và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần xây dựng chương trình ưu đãi dành riêng cho nhóm khách hàng trung thành nhằm tăng khả năng duy trì hợp tác lâu dài. Các chính sách ưu đãi có thể bao gồm giảm phí dịch vụ đối với khách hàng có sản lượng ổn định, ưu tiên xử lý các lô hàng gấp hoặc hỗ trợ tư vấn miễn phí liên quan đến các thay đổi trong chính sách hải quan và xuất khẩu. Việc áp dụng các chương trình chăm sóc khách hàng phù hợp không chỉ giúp nâng cao sự hài lòng mà còn tạo sự gắn kết giữa khách hàng với doanh nghiệp trong dài hạn.

Ngoài ra, đối với các khách hàng lớn hoặc khách hàng có tần suất sử dụng dịch vụ thường xuyên, công ty nên áp dụng mô hình quản lý khách hàng trọng điểm thông qua việc phân công nhân viên phụ trách riêng theo hình thức Key Account Manager. Nhân viên phụ trách sẽ đóng vai trò là đầu mối liên hệ trực tiếp với khách hàng, chịu trách nhiệm theo dõi nhu cầu, hỗ trợ xử lý các vấn đề phát sinh và duy trì liên lạc thường xuyên nhằm đảm bảo khách hàng luôn nhận được sự hỗ trợ kịp thời. Việc cá nhân hóa hoạt động chăm sóc khách hàng sẽ giúp tăng tính chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ và nâng cao khả năng duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng lớn.

Bên cạnh các hoạt động chăm sóc trực tiếp, công ty cũng cần chủ động xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ khách hàng thông qua email định kỳ hoặc nền tảng trực tuyến nhằm cập nhật các thay đổi mới về chính sách hải quan, lịch tàu, quy định xuất khẩu và các lưu ý liên quan đến thủ tục hải quan quốc tế. Điều này sẽ giúp khách hàng cảm nhận được sự đồng hành và hỗ trợ thường xuyên từ phía doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp của công ty trong lĩnh vực logistics và xuất nhập khẩu.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả giải pháp phát triển khách hàng, trước hết công ty cần xây dựng hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM) nhằm lưu trữ và theo dõi toàn bộ thông tin liên quan đến lịch sử giao dịch, nhu cầu sử dụng dịch vụ và tình trạng chăm sóc của từng khách hàng. Hệ thống CRM sẽ giúp doanh nghiệp dễ dàng quản lý dữ liệu khách hàng, theo dõi hiệu quả chăm sóc và xây dựng các chính sách hỗ trợ phù hợp đối với từng nhóm khách hàng cụ thể.

Bên cạnh đó, công ty cần tổ chức đào tạo kỹ năng chăm sóc khách hàng cho toàn bộ nhân viên có tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, đặc biệt là bộ phận kinh doanh, chứng từ và chăm sóc khách hàng. Nội dung đào tạo cần tập trung vào kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống, giải quyết khiếu nại và nâng cao tinh thần phục vụ khách hàng chuyên nghiệp. Đồng thời, ban lãnh đạo doanh nghiệp cũng cần xây dựng văn hóa làm việc lấy khách hàng làm trung tâm nhằm đảm bảo mọi hoạt động của công ty đều hướng đến mục tiêu nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ.

3.3.3.3. Giải pháp phát triển dịch vụ

a. Cơ sở đề xuất

Trong bối cảnh ngành logistics và dịch vụ hải quan ngày càng cạnh tranh, xu hướng sử dụng dịch vụ “one-stop-shop- dịch vụ “một cửa” đang trở thành lựa chọn ưu tiên của nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Thay vì làm việc với nhiều đơn vị riêng lẻ cho từng công đoạn như khai báo hải quan, vận chuyển nội địa, xin giấy chứng nhận xuất xứ (C/O), lưu kho hoặc bảo hiểm hàng hóa, khách hàng hiện nay có xu hướng lựa chọn một đơn vị duy nhất có khả năng cung cấp dịch vụ tích hợp nhằm tiết kiệm thời gian, giảm chi phí phối hợp và nâng cao hiệu quả quản lý chuỗi cung ứng. Điều này tạo ra áp lực cạnh tranh lớn đối với các doanh nghiệp logistics truyền thống chỉ cung cấp dịch vụ đơn lẻ. Bên cạnh đó, việc Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA hay RCEP đã mở ra nhiều cơ hội về ưu đãi thuế quan cho doanh nghiệp xuất khẩu. Bên cạnh đó, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm 2025 với tổng kim ngạch đạt khoảng 930,05 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD. Sự gia tăng về quy mô thương mại quốc tế kéo theo nhu cầu ngày càng lớn đối với các dịch vụ logistics tích hợp, đặc biệt là các dịch vụ liên quan đến khai báo hải quan, vận tải quốc tế, tư vấn xuất xứ hàng hóa và hỗ trợ tận dụng ưu đãi thuế quan từ các hiệp định thương mại tự do.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm đa dạng hóa danh mục dịch vụ của công ty và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường logistics và thủ tục hải quan. Trước hết, doanh nghiệp cần phát triển thêm dịch vụ tư vấn và hỗ trợ xin giấy chứng nhận xuất xứ ưu đãi theo các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các FTA có tiềm năng lớn như

CPTPP và EVFTA. Việc mở rộng dịch vụ này sẽ giúp khách hàng tận dụng hiệu quả các ưu đãi thuế quan và nâng cao giá trị hỗ trợ mà công ty cung cấp.

Bên cạnh đó, công ty cần từng bước xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ logistics trọn gói bao gồm khai báo hải quan, vận chuyển nội địa, lưu kho và bảo hiểm hàng hóa. Việc cung cấp dịch vụ tích hợp không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao doanh thu mà còn tạo sự thuận tiện cho khách hàng khi sử dụng một đầu mối duy nhất cho toàn bộ quy trình xuất khẩu.

c. Nội dung thực hiện

Để triển khai hiệu quả giải pháp phát triển dịch vụ, trước hết Công ty Hichina cần tiến hành khảo sát nhu cầu thực tế của các khách hàng hiện hữu, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường EU, Nhật Bản và Canada – những thị trường có mức độ tận dụng ưu đãi FTA cao. Bộ phận kinh doanh phối hợp với bộ phận chứng từ sẽ trực tiếp thu thập thông tin về nhu cầu xin C/O, khó khăn trong việc đáp ứng quy tắc xuất xứ và nhu cầu sử dụng thêm các dịch vụ logistics đi kèm. Trên cơ sở dữ liệu khảo sát, công ty tiến hành phân loại khách hàng theo nhóm ngành hàng như dệt may, gỗ, nông sản hoặc lĩnh vực điện tử để xây dựng các gói dịch vụ phù hợp với từng đặc thù xuất khẩu.

Sau khi xác định nhu cầu thị trường, công ty sẽ thành lập nhóm dịch vụ chuyên trách về C/O và FTA gồm nhân viên chứng từ, nhân viên khai báo hải quan và nhân viên tư vấn khách hàng. Nhóm này có nhiệm vụ thường xuyên cập nhật quy tắc xuất xứ trong 17 FTA của Việt Nam, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu nội bộ về tiêu chí xuất xứ, biểu thuế ưu đãi và các mẫu C/O tương ứng với từng thị trường xuất khẩu. Ví dụ, đối với khách hàng xuất khẩu hàng dệt may sang Canada theo CPTPP, nhân viên sẽ hướng dẫn doanh nghiệp kiểm tra quy tắc “yarn-forward”, đối chiếu nguồn gốc nguyên liệu và chuẩn bị hồ sơ chứng minh xuất xứ phù hợp trước khi xin cấp C/O.

Song song với hoạt động tư vấn C/O, công ty cần triển khai dịch vụ logistics tích hợp theo từng giai đoạn cụ thể. Trong giai đoạn đầu, Hichina sẽ ký kết hợp tác với các doanh nghiệp vận tải nội địa để cung cấp thêm dịch vụ kéo container từ kho khách hàng đến cảng Cát Lái hoặc ICD. Tiếp theo, công ty mở rộng liên kết với các doanh nghiệp kho bãi tại Bình Dương, Đồng Nai và Long An nhằm hỗ trợ lưu kho hàng hóa chờ xuất khẩu hoặc gom hàng container. Đồng thời, doanh nghiệp sẽ hợp tác với các công ty bảo hiểm hàng hóa để cung cấp thêm dịch vụ bảo hiểm vận chuyển quốc tế cho khách hàng có nhu cầu.

Sau khi hoàn thiện mạng lưới đối tác, công ty sẽ xây dựng các gói dịch vụ trọn gói với biểu phí cụ thể và minh bạch. Ví dụ, đối với khách hàng xuất khẩu gỗ sang EU, Hichina có thể cung cấp gói dịch vụ bao gồm: khai báo hải quan xuất khẩu, hỗ trợ xin C/O EUR.1, vận chuyển container nội địa từ nhà máy đến cảng, lưu kho container rỗng

và mua bảo hiểm hàng hóa xuất khẩu. Mức phí sẽ được niêm yết rõ ràng theo từng hạng mục nhằm giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn và kiểm soát chi phí logistics.

Bên cạnh hoạt động triển khai dịch vụ, công ty cũng cần đẩy mạnh hoạt động truyền thông và tư vấn cho khách hàng về lợi ích của việc tận dụng ưu đãi thuế quan từ các FTA. Hàng quý, doanh nghiệp có thể tổ chức hội thảo trực tuyến hoặc gửi bản tin điện tử cập nhật các thay đổi mới liên quan đến quy tắc xuất xứ, mức thuế ưu đãi và các lưu ý khi xin cấp C/O. Đồng thời, trên website công ty cần bổ sung chuyên mục “Tư vấn FTA và C/O” nhằm hỗ trợ khách hàng tra cứu nhanh thông tin về thị trường xuất khẩu và điều kiện hưởng ưu đãi thuế quan.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các hoạt động trên, Công ty Hichina không chỉ dừng lại ở vai trò đơn vị khai báo hải quan mà sẽ từng bước trở thành doanh nghiệp cung cấp giải pháp logistics và hỗ trợ xuất khẩu toàn diện. Kết quả kỳ vọng là doanh thu từ các dịch vụ bổ sung như tư vấn C/O, vận chuyển nội địa và bảo hiểm hàng hóa sẽ chiếm khoảng 20–30% tổng doanh thu dịch vụ vào năm 2028. Đồng thời, công ty có thể gia tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng dịch vụ trọn gói lên trên 60%, qua đó nâng cao khả năng cạnh tranh và xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng xuất khẩu.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả giải pháp phát triển dịch vụ, trước hết công ty cần chú trọng đào tạo đội ngũ nhân viên về quy tắc xuất xứ và các quy định liên quan đến giấy chứng nhận xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do. Nhân viên cần được trang bị kiến thức chuyên sâu về cách xác định xuất xứ hàng hóa, tiêu chí chuyển đổi mã HS, hàm lượng giá trị khu vực và các thủ tục xin cấp C/O nhằm đảm bảo khả năng tư vấn chính xác cho khách hàng. Doanh nghiệp cần xây dựng và duy trì mạng lưới đối tác vận tải, kho bãi và bảo hiểm có uy tín nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ tích hợp được cung cấp ổn định và hiệu quả. Việc lựa chọn đối tác phù hợp không chỉ giúp nâng cao khả năng phục vụ khách hàng mà còn hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển và lưu kho hàng hóa xuất khẩu. Ngoài ra, ban lãnh đạo công ty cũng cần có chiến lược đầu tư và định hướng phát triển dịch vụ dài hạn nhằm đảm bảo quá trình mở rộng hoạt động được thực hiện đồng bộ và phù hợp với xu hướng phát triển của ngành logistics trong giai đoạn tới.

3.3.3.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a. Cơ sở đề xuất

Trong lĩnh vực dịch vụ hải quan và logistics, nguồn nhân lực luôn được xem là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Đối với hoạt động khai báo hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL), nhân viên không chỉ cần nắm vững quy trình nghiệp vụ mà còn phải thường xuyên cập nhật các thay đổi liên quan đến Luật Hải quan, chính sách quản lý chuyên ngành, hệ thống

VNACCS/VCIS cũng như các quy định trong các hiệp định thương mại tự do. Trong bối cảnh môi trường pháp lý và yêu cầu của thị trường quốc tế thay đổi liên tục, việc đào tạo thường xuyên và học tập liên tục (continuous learning) trở thành yêu cầu bắt buộc để doanh nghiệp duy trì chất lượng dịch vụ và hạn chế rủi ro trong quá trình khai báo hải quan.

Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan Việt Nam đang từng bước nâng cao yêu cầu chuyên môn đối với nhân sự làm việc tại các đại lý hải quan, trong đó định hướng bắt buộc nhân viên nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề khai báo hải quan. Điều này đặt ra áp lực cho các doanh nghiệp logistics trong việc chuẩn hóa năng lực nhân sự và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên hiện có. Tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina, mặc dù đội ngũ nhân viên đã có kinh nghiệm thực tế trong xử lý hồ sơ xuất khẩu FCL, tuy nhiên việc cập nhật quy định mới và chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ vẫn cần được chú trọng hơn nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động hải quan điện tử và thương mại quốc tế hiện đại.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn và khả năng thích ứng của đội ngũ nhân sự trong hoạt động khai báo hải quan và logistics tại công ty. Trước hết, doanh nghiệp cần hướng đến mục tiêu đến năm 2027, 100% nhân viên nghiệp vụ hải quan của công ty đều có chứng chỉ hành nghề khai báo hải quan do Tổng cục Hải quan cấp. Việc chuẩn hóa trình độ chuyên môn sẽ giúp nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động nghiệp vụ và hạn chế các sai sót phát sinh trong quá trình xử lý hồ sơ xuất khẩu. Công ty cần duy trì hoạt động đào tạo nội bộ thường xuyên thông qua việc tổ chức ít nhất bốn buổi đào tạo mỗi năm liên quan đến cập nhật quy định pháp luật hải quan, quy tắc xuất xứ trong các FTA cũng như kỹ năng mềm cần thiết trong quá trình làm việc với khách hàng và cơ quan chức năng. Điều này sẽ giúp nhân viên nâng cao năng lực chuyên môn, khả năng xử lý tình huống và thích ứng nhanh với các thay đổi của môi trường kinh doanh.

c. Nội dung thực hiện

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trước hết Công ty Hichina cần xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn cho từng nhóm nhân sự theo vị trí công việc cụ thể. Đối với nhân viên bộ phận chứng từ và khai báo hải quan, công ty sẽ hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ và thi chứng chỉ hành nghề khai báo hải quan do Tổng cục Hải quan hoặc các đơn vị được cấp phép tổ chức. Đồng thời, doanh nghiệp sẽ xây dựng lộ trình cụ thể cho từng nhân viên, trong đó quy định rõ thời gian hoàn thành chứng chỉ và tiêu chí đánh giá năng lực sau đào tạo. Ví dụ, trong năm đầu triển khai, công ty ưu tiên đào tạo nhóm nhân viên trực tiếp thực hiện khai báo

VNACCS/VCIS và xử lý hồ sơ FCL, sau đó mở rộng sang các bộ phận liên quan như chăm sóc khách hàng và kinh doanh logistics.

Song song với hoạt động đào tạo bên ngoài, doanh nghiệp cần tổ chức các buổi đào tạo nội bộ theo hình thức định kỳ hằng quý nhằm cập nhật kịp thời các thay đổi liên quan đến Luật Hải quan, thông tư mới, chính sách quản lý chuyên ngành và các tình huống phát sinh thực tế trong quá trình xử lý lô hàng. Nội dung đào tạo không chỉ tập trung vào lý thuyết mà còn cần gắn với các case study thực tế tại công ty, chẳng hạn như xử lý tờ khai bị phân luồng đỏ, sai mã HS hoặc hồ sơ bị yêu cầu bổ sung chứng từ. Việc chia sẻ kinh nghiệm thực tế giữa các nhân viên sẽ giúp nâng cao khả năng xử lý tình huống và hạn chế lặp lại sai sót trong tương lai.

Ngoài ra, công ty cần xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ nội bộ (SOP – Standard Operating Procedure) cho toàn bộ quy trình khai báo hải quan hàng xuất khẩu FCL. Bộ SOP này cần mô tả chi tiết từng bước công việc từ tiếp nhận chứng từ, kiểm tra hồ sơ, khai báo trên hệ thống VNACCS/VCIS, xử lý phân luồng đến hoàn tất thông quan và lưu trữ hồ sơ. Mỗi bước đều cần quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, thời gian xử lý và các lưu ý quan trọng nhằm đảm bảo tính thống nhất trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Đồng thời, SOP phải được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi liên quan đến quy định pháp luật hoặc quy trình nội bộ của công ty.

Bên cạnh hoạt động đào tạo nội bộ, Hichina cũng cần tạo điều kiện để nhân viên tham gia các hội thảo, tọa đàm chuyên ngành do Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), Tổng cục Hải quan hoặc các tổ chức đào tạo logistics tổ chức. Thông qua các chương trình này, nhân viên có cơ hội tiếp cận các xu hướng mới trong lĩnh vực logistics và hải quan, đồng thời mở rộng mạng lưới quan hệ chuyên môn với các doanh nghiệp và chuyên gia trong ngành. Đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp cập nhật nhanh các thay đổi liên quan đến chính sách hải quan, FTA và chuyển đổi số trong hoạt động logistics hiện đại.

Sau quá trình triển khai, công ty kỳ vọng năng lực chuyên môn của đội ngũ nhân viên sẽ được nâng cao rõ rệt, thể hiện qua việc giảm tỷ lệ sai sót trong khai báo hải quan, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao khả năng xử lý các tình huống phát sinh phức tạp. Đồng thời, việc chuẩn hóa trình độ chuyên môn và xây dựng văn hóa học tập liên tục cũng sẽ góp phần nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp và uy tín của Công ty Hichina đối với khách hàng và cơ quan hải quan.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trước hết công ty cần xác định rõ ngân sách đào tạo hằng năm trong kế hoạch kinh doanh nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ cho các hoạt động đào tạo, thi chứng chỉ và tổ

chức hội thảo chuyên môn. Việc đầu tư cho nguồn nhân lực cần được xem là khoản đầu tư dài hạn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo công ty cần tạo điều kiện về thời gian và khối lượng công việc để nhân viên có thể tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo mà không ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hồ sơ thực tế. Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần xây dựng cơ chế đánh giá và khuyến khích nhân viên chủ động học tập, cập nhật kiến thức mới thông qua các chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo hoặc khen thưởng đối với nhân viên đạt kết quả tốt trong quá trình học tập và nâng cao chuyên môn.

3.3.3.5. Thực hiện lộ trình kinh tế số

a. Cơ sở đề xuất

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang trở thành xu hướng tất yếu của nền kinh tế toàn cầu, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Chiến lược Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu kinh tế số đóng góp khoảng 30% GDP vào năm 2030. Trong chiến lược này, ngành hải quan được xác định là một trong những lĩnh vực ưu tiên triển khai chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu. Cơ quan hải quan hiện đang đẩy mạnh việc xử lý thủ tục điện tử, hiện đại hóa hệ thống VNACCS/VCIS và hướng tới mục tiêu 100% thủ tục hải quan được thực hiện trên môi trường số.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics và khai báo hải quan như Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina, việc chủ động xây dựng lộ trình kinh tế số không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý nội bộ mà còn tạo điều kiện để doanh nghiệp thích ứng nhanh với xu hướng hiện đại hóa của ngành logistics toàn cầu. Trong khi nhiều doanh nghiệp logistics lớn đã bắt đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và nền tảng quản trị số trong hoạt động vận hành, Hichina vẫn còn một số hạn chế nhất định trong việc số hóa dữ liệu và tự động hóa quy trình xử lý hồ sơ. Nếu không sớm triển khai lộ trình chuyển đổi số phù hợp, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc nâng cao năng suất lao động, cải thiện trải nghiệm khách hàng và duy trì lợi thế cạnh tranh trong tương lai.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm xây dựng lộ trình chuyển đổi số toàn diện cho Công ty Hichina theo từng giai đoạn cụ thể. Trong giai đoạn đầu đến năm 2026, doanh nghiệp hướng đến mục tiêu số hóa khoảng 80% quy trình nội bộ, đồng thời triển khai cổng thông tin khách hàng (customer portal) nhằm hỗ trợ khách hàng theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ và tra cứu thông tin trực tuyến.

Đến giai đoạn 2027–2028, công ty tiếp tục tích hợp các công nghệ trí tuệ nhân tạo vào hoạt động nghiệp vụ, đặc biệt là hệ thống hỗ trợ phân loại mã HS và tự động

kiểm tra sai sót trước khi truyền tờ khai hải quan. Đây sẽ là bước chuyển quan trọng giúp nâng cao độ chính xác trong khai báo và giảm thời gian xử lý hồ sơ.

Trong giai đoạn 2029–2030, doanh nghiệp hướng tới mục tiêu hoàn thiện hệ sinh thái số kết nối toàn bộ quy trình từ tiếp nhận yêu cầu khách hàng, xử lý chứng từ, khai báo hải quan đến theo dõi vận chuyển và hoàn tất thông quan. Việc hình thành hệ sinh thái số đồng bộ sẽ giúp công ty nâng cao khả năng quản lý dữ liệu, tối ưu quy trình vận hành và cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng trong dài hạn.

c. Nội dung thực hiện

Để triển khai hiệu quả lộ trình kinh tế số, Công ty Hichina cần xây dựng kế hoạch chuyển đổi số theo từng giai đoạn cụ thể nhằm đảm bảo tính khả thi và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Trong giai đoạn đầu từ năm 2026, công ty sẽ tập trung số hóa các quy trình nghiệp vụ cơ bản thông qua việc triển khai hệ thống quản lý tài liệu điện tử (DMS), áp dụng chữ ký số và thanh toán điện tử trong hoạt động giao dịch với khách hàng và đối tác. Đồng thời, doanh nghiệp sẽ xây dựng cổng thông tin khách hàng (customer portal) cho phép khách hàng theo dõi tiến độ xử lý tờ khai, tải xuống chứng từ và nhận thông báo tự động liên quan đến lịch tàu, tình trạng thông quan hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ.

Sau khi hoàn thiện nền tảng số cơ bản, trong giai đoạn 2027–2028, công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động khai báo hải quan. Cụ thể, doanh nghiệp sẽ phối hợp với đơn vị phát triển phần mềm để xây dựng hệ thống AI hỗ trợ gợi ý mã HS dựa trên dữ liệu mô tả hàng hóa từ invoice hoặc packing list. Ví dụ, khi nhân viên nhập thông tin mô tả sản phẩm như “wooden kitchen cabinet”, hệ thống sẽ tự động đề xuất nhóm mã HS phù hợp dựa trên dữ liệu khai báo trước đó và cơ sở dữ liệu hải quan. Bên cạnh đó, hệ thống AI cũng sẽ tự động kiểm tra các lỗi phổ biến trong quá trình khai báo như sai mã cảng, thiếu thông tin invoice hoặc không đồng nhất dữ liệu giữa các chứng từ trước khi truyền tờ khai lên hệ thống VNACCS/VCIS.

Song song với ứng dụng AI, công ty cũng cần triển khai công nghệ OCR kết hợp xử lý dữ liệu thông minh nhằm tự động trích xuất thông tin từ chứng từ scan như invoice, packing list hoặc vận đơn. Thay vì nhập liệu thủ công, hệ thống sẽ tự động nhận diện và điền các trường dữ liệu lên tờ khai hải quan, giúp giảm đáng kể thời gian xử lý và hạn chế sai sót do thao tác nhập liệu thủ công. Trong giai đoạn này, doanh nghiệp kỳ vọng có thể giảm khoảng 40–50% thời gian nhập liệu cho mỗi lô hàng xuất khẩu FCL.

Đến giai đoạn 2029–2030, công ty sẽ hoàn thiện hệ sinh thái số thông qua việc kết nối API với các hệ thống bên ngoài như hệ thống hải quan điện tử, hãng tàu, cảng biển và Cổng thông tin FTA (FTAP). Khi đó, dữ liệu về lịch tàu, thời gian cắt máng, trạng thái container hoặc thông tin ưu đãi thuế quan sẽ được cập nhật tự động và đồng bộ trên cùng một nền tảng quản lý. Ví dụ, khi hãng tàu thay đổi lịch ETD hoặc closing

time, hệ thống sẽ tự động gửi thông báo đến nhân viên phụ trách và khách hàng liên quan nhằm hạn chế rủi ro trễ chuyển tàu. Đồng thời, việc kết nối với FTAP sẽ giúp doanh nghiệp tra cứu nhanh quy tắc xuất xứ và biểu thuế ưu đãi của từng FTA ngay trên hệ thống nội bộ.

Sau quá trình triển khai lộ trình kinh tế số, Công ty Hichina kỳ vọng sẽ hình thành mô hình vận hành hiện đại với khả năng xử lý hồ sơ nhanh chóng, dữ liệu được đồng bộ theo thời gian thực và giảm đáng kể sự phụ thuộc vào quy trình thủ công. Kết quả dự kiến đến năm 2030 là thời gian xử lý trung bình mỗi lô hàng giảm khoảng 50%, tỷ lệ sai sót khai báo giảm xuống dưới 1% và trên 70% khách hàng sử dụng thường xuyên cổng thông tin điện tử của công ty để theo dõi dịch vụ.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả lộ trình kinh tế số, trước hết Công ty Hichina cần xây dựng kế hoạch đầu tư ngân sách công nghệ thông tin theo từng giai đoạn cụ thể thay vì đầu tư đồng loạt trong cùng một thời điểm. Trong giai đoạn đầu, doanh nghiệp nên ưu tiên các giải pháp có khả năng mang lại hiệu quả đầu tư cao (ROI – Return on Investment) như hệ thống quản lý hồ sơ điện tử, chữ ký số, customer portal hoặc phần mềm hỗ trợ khai báo hải quan. Việc ưu tiên các giải pháp này nhằm giúp công ty nhanh chóng cải thiện hiệu quả xử lý hồ sơ, giảm chi phí nhân sự và hạn chế sai sót trong quá trình nhập liệu ngay từ năm đầu triển khai. Đồng thời, việc đầu tư theo từng giai đoạn cũng giúp doanh nghiệp dễ dàng đánh giá hiệu quả thực tế của từng hệ thống trước khi tiếp tục mở rộng sang các công nghệ phức tạp hơn như AI hoặc kết nối API tự động. Đây là điều kiện cần thiết nhằm hạn chế rủi ro đầu tư dàn trải, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng đúng mục tiêu và phù hợp với năng lực tài chính của doanh nghiệp.

Bên cạnh yếu tố tài chính, công ty cần hợp tác với các doanh nghiệp fintech và legaltech có kinh nghiệm trong lĩnh vực hải quan – logistics nhằm đảm bảo hệ thống số hóa được xây dựng phù hợp với đặc thù nghiệp vụ thực tế. Các công ty fintech sẽ hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các giải pháp liên quan đến thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, quản lý công nợ và tích hợp cổng thanh toán trực tuyến trên customer portal. Việc hợp tác với các đơn vị fintech giúp Hichina rút ngắn thời gian xử lý thanh toán, hạn chế thao tác thủ công và tăng tính minh bạch trong quá trình giao dịch với khách hàng. Đồng thời, khách hàng cũng có thể dễ dàng thanh toán phí dịch vụ trực tuyến mà không cần thực hiện nhiều thủ tục giấy tờ như trước.

Trong khi đó, các công ty legaltech sẽ hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ và dữ liệu pháp lý liên quan đến hoạt động hải quan, FTA và chứng từ điện tử. Các đơn vị này có kinh nghiệm trong việc số hóa quy trình pháp lý, tích hợp chữ ký số, lưu trữ chứng từ điện tử và đảm bảo tính pháp lý của dữ liệu trong môi trường số. Việc hợp tác với các công ty legaltech giúp Hichina giảm rủi ro sai sót pháp lý trong

quá trình khai báo hải quan, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp cập nhật nhanh các thay đổi liên quan đến chính sách hải quan và quy định thương mại quốc tế. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các quy định về chứng từ điện tử, xuất xứ hàng hóa và quản lý dữ liệu ngày càng được siết chặt.

Ngoài ra, việc hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ có chuyên môn trong lĩnh vực logistics còn giúp công ty đảm bảo khả năng kết nối dữ liệu với hệ thống VNACCS/VCIS, hãng tàu, cảng biển và cổng thông tin FTA trong tương lai. Điều này tạo nền tảng để Hichina xây dựng hệ sinh thái số đồng bộ, nâng cao khả năng xử lý dữ liệu theo thời gian thực và cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng. Đồng thời, việc sử dụng giải pháp từ các đơn vị có kinh nghiệm chuyên ngành cũng giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian triển khai, giảm chi phí sửa đổi hệ thống và hạn chế rủi ro kỹ thuật trong quá trình vận hành thực tế.

3.3.3.6. Thực hiện lộ trình kinh tế xanh

a. Cơ sở đề xuất

Trong những năm gần đây, xu hướng phát triển bền vững và thương mại xanh đang trở thành yêu cầu bắt buộc đối với hoạt động xuất khẩu trên phạm vi toàn cầu. Đặc biệt, Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam trong năm 2025, đồng thời cũng là khu vực đi đầu trong việc ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu. Bên cạnh các yêu cầu truyền thống về chất lượng và an toàn sản phẩm, doanh nghiệp xuất khẩu ngày nay còn phải đáp ứng các quy định liên quan đến phát triển bền vững, giảm phát thải carbon và truy xuất nguồn gốc trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Đáng chú ý, nhiều chính sách xanh của EU đã và đang được triển khai như Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR), Quy định thiết kế sinh thái cho sản phẩm bền vững (ESPR) và Chỉ thị thẩm định trách nhiệm bền vững của doanh nghiệp (CS3D). Điều này tạo ra áp lực đáng kể đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam khi phải chuẩn bị thêm nhiều hồ sơ và tài liệu liên quan đến môi trường trong quá trình xuất khẩu hàng hóa sang EU. Trong khi đó, phần lớn doanh nghiệp vẫn còn thiếu kiến thức chuyên môn về các quy định xanh quốc tế và gặp khó khăn trong việc chuẩn bị hồ sơ phù hợp. Đây chính là cơ hội để Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina mở rộng dịch vụ theo hướng tư vấn xanh và hỗ trợ khách hàng tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường quốc tế. Việc chủ động xây dựng lộ trình kinh tế xanh không chỉ giúp công ty nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn tạo hình ảnh doanh nghiệp logistics phát triển bền vững và phù hợp với xu hướng thương mại toàn cầu trong tương lai.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm từng bước xây dựng Hichina trở thành doanh nghiệp dịch vụ hải quan và logistics phát triển theo định hướng xanh và bền vững. Trong

giai đoạn đến năm 2026, công ty hướng đến mục tiêu đào tạo toàn bộ nhân viên về các quy định môi trường của EU như EUDR, ESPR và CS3D, đồng thời xây dựng các gói dịch vụ tư vấn xanh dành cho khách hàng xuất khẩu sang thị trường EU. Việc trang bị kiến thức chuyên môn sẽ giúp nhân viên có khả năng hỗ trợ khách hàng chuẩn bị hồ sơ môi trường và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu từ thị trường quốc tế.

Đến năm 2028, doanh nghiệp đặt mục tiêu trở thành đơn vị hải quan – logistics được chứng nhận là đối tác xanh bởi các tổ chức uy tín trong ngành. Đây không chỉ là minh chứng cho định hướng phát triển bền vững của công ty mà còn giúp nâng cao uy tín thương hiệu và khả năng thu hút khách hàng xuất khẩu sang các thị trường yêu cầu tiêu chuẩn môi trường cao.

c. Nội dung thực hiện

Để triển khai hiệu quả lộ trình kinh tế xanh, trước hết Công ty Hichina cần tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu cho toàn bộ nhân viên liên quan đến các quy định môi trường quốc tế đang được áp dụng tại EU và các thị trường lớn khác. Nội dung đào tạo sẽ tập trung vào các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, báo cáo phát thải carbon, trách nhiệm bền vững trong chuỗi cung ứng và các tiêu chuẩn môi trường đối với hàng hóa xuất khẩu. Sau mỗi đợt đào tạo, công ty sẽ tiến hành kiểm tra đánh giá nội bộ nhằm đảm bảo nhân viên có khả năng tư vấn và hỗ trợ khách hàng xử lý hồ sơ môi trường trong thực tế.

Song song với hoạt động đào tạo, doanh nghiệp cần xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn nội bộ liên quan đến việc tuân thủ các quy định EUDR, ESPR và CS3D. Bộ tài liệu này sẽ bao gồm danh mục chứng từ môi trường cần chuẩn bị cho từng nhóm hàng hóa, quy trình kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và hướng dẫn hỗ trợ khách hàng giải trình khi có yêu cầu từ đối tác nước ngoài hoặc cơ quan kiểm tra. Ví dụ, đối với khách hàng xuất khẩu gỗ sang EU, nhân viên công ty sẽ hướng dẫn doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu nhằm đáp ứng yêu cầu chống mất rừng theo EUDR trước khi tiến hành khai báo xuất khẩu.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực nội bộ, Hichina cần chủ động hợp tác với các đơn vị tư vấn môi trường, tổ chức kiểm định và doanh nghiệp cấp chứng nhận xanh nhằm mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Thông qua việc liên kết với các đối tác chuyên môn, công ty có thể hỗ trợ khách hàng thực hiện đánh giá phát thải carbon, đăng ký chứng nhận ISO 4001 hoặc chứng nhận carbon neutral phục vụ xuất khẩu. Việc hợp tác này giúp doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở vai trò khai báo hải quan mà còn trở thành đơn vị hỗ trợ toàn diện về tuân thủ môi trường cho khách hàng xuất khẩu.

Ngoài hoạt động hỗ trợ khách hàng, công ty cũng cần thực hiện chuyển đổi nội bộ theo hướng văn phòng xanh bằng cách số hóa quy trình xử lý hồ sơ, giảm sử dụng

giấy tờ và triển khai mô hình làm việc “văn phòng không giấy” trước năm 2027. Toàn bộ chứng từ nội bộ sẽ được xử lý thông qua hệ thống điện tử, chữ ký số và lưu trữ đám mây nhằm giảm lượng giấy in, tiết kiệm chi phí văn phòng và nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu. Đây cũng là bước đi quan trọng giúp doanh nghiệp thể hiện cam kết thực tế đối với phát triển bền vững thay vì chỉ dừng ở hoạt động tư vấn cho khách hàng.

Sau quá trình triển khai, công ty kỳ vọng có thể hình thành hình ảnh doanh nghiệp logistics xanh, nâng cao khả năng cạnh tranh đối với nhóm khách hàng xuất khẩu sang EU và gia tăng doanh thu từ các dịch vụ tư vấn môi trường, hỗ trợ chứng nhận xanh và khai báo hải quan tích hợp.

d. Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả lộ trình kinh tế xanh, trước hết cần có sự cam kết trực tiếp từ ban lãnh đạo công ty trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh và định hướng phát triển bền vững trong dài hạn. Ban lãnh đạo cần đóng vai trò định hướng, ban hành chính sách giảm sử dụng giấy tờ, khuyến khích nhân viên áp dụng quy trình số hóa và lồng ghép yếu tố môi trường vào hoạt động quản trị doanh nghiệp. Mục đích của việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh là giúp toàn bộ nhân viên nhận thức rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường và tạo sự thống nhất trong quá trình triển khai các giải pháp xanh trong thực tế hoạt động của công ty.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo và xây dựng tài liệu nội bộ liên quan đến quy định môi trường quốc tế. Việc đào tạo chuyên môn giúp nhân viên cập nhật kịp thời các yêu cầu mới của EU và nâng cao khả năng hỗ trợ khách hàng chuẩn bị hồ sơ môi trường đúng quy định. Đồng thời, bộ tài liệu nội bộ được xây dựng bài bản sẽ giúp chuẩn hóa quy trình tư vấn, giám sát và đảm bảo tính thống nhất giữa các bộ phận khi xử lý hồ sơ liên quan đến EUDR, ESPR hoặc CS3D. Đây là điều kiện quan trọng nhằm giúp Hichina từng bước hình thành năng lực tư vấn xanh chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng xuất khẩu.

Ngoài ra, công ty cần thiết lập quan hệ hợp tác ổn định với các đơn vị tư vấn môi trường, tổ chức kiểm định và doanh nghiệp cấp chứng nhận xanh. Việc hợp tác này nhằm giúp doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận các tiêu chuẩn môi trường quốc tế mới, đồng thời hỗ trợ khách hàng thực hiện các thủ tục chứng nhận phát thải hoặc đánh giá chuỗi cung ứng bền vững một cách thuận lợi hơn. Mục đích của việc xây dựng mạng lưới đối tác chuyên môn là giúp Hichina mở rộng phạm vi dịch vụ, gia tăng giá trị hỗ trợ khách hàng và nâng cao lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực logistics xanh.

3.3.3.7. Thực hiện lộ trình kinh tế tuần hoàn

a. Cơ sở đề xuất

Kinh tế tuần hoàn đang trở thành xu hướng phát triển quan trọng của nền kinh tế toàn cầu nhằm hướng đến việc sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm phát sinh chất thải và

tăng cường tái sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất và tiêu dùng. Tại Việt Nam, kinh tế tuần hoàn cũng được xác định là một trong những định hướng phát triển bền vững trong giai đoạn tới. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là doanh nghiệp xuất khẩu sang EU, yêu cầu liên quan đến tỷ lệ nguyên liệu tái chế, phát thải carbon và truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngày càng được siết chặt thông qua các quy định như ESPR. Đối với Công ty Hichina, việc ứng dụng kinh tế tuần hoàn không chỉ giúp giảm chi phí vận hành nội bộ thông qua việc hạn chế sử dụng giấy tờ và tối ưu tài nguyên văn phòng mà còn tạo lợi thế cạnh tranh trong hoạt động hỗ trợ khách hàng chuẩn bị hồ sơ xuất khẩu. Khi doanh nghiệp xuất khẩu cần chứng minh tỷ lệ nguyên liệu tái chế hoặc mức độ tuân thủ tiêu chuẩn môi trường, Hichina có thể đóng vai trò hỗ trợ khai báo và tư vấn hồ sơ phù hợp. Điều này góp phần mở rộng giá trị dịch vụ và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp logistics phát triển bền vững.

b. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này được đề xuất nhằm xây dựng mô hình vận hành theo hướng tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường trong hoạt động của công ty. Trước hết, doanh nghiệp hướng đến mục tiêu giảm ít nhất 50% lượng chứng từ giấy nội bộ vào năm 2027 và tiến tới sử dụng hoàn toàn hồ sơ điện tử vào năm 2030. Việc giảm sử dụng giấy tờ sẽ góp phần tiết kiệm chi phí lưu trữ, giảm thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu.

Bên cạnh đó, công ty đặt mục tiêu hỗ trợ 100% khách hàng xuất khẩu sang EU chuẩn bị đầy đủ các tài liệu liên quan đến thành phần tái chế và phát thải carbon trong sản phẩm theo yêu cầu của ESPR và các quy định tương đương. Điều này sẽ giúp khách hàng nâng cao khả năng đáp ứng tiêu chuẩn môi trường quốc tế và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình xuất khẩu.

c. Nội dung thực hiện

Để triển khai lộ trình kinh tế tuần hoàn, trước hết công ty sẽ chuyển đổi toàn bộ quy trình xử lý hồ sơ nội bộ sang hình thức điện tử, kết hợp sử dụng chữ ký số được cơ quan hải quan công nhận. Toàn bộ chứng từ như invoice, packing list, tờ khai hải quan và biên bản giao nhận sẽ được lưu trữ trên hệ thống đám mây thay cho hình thức lưu hồ sơ giấy truyền thống. Việc số hóa quy trình giúp doanh nghiệp giảm chi phí in ấn, hạn chế thất lạc hồ sơ và nâng cao khả năng truy xuất dữ liệu khi cần kiểm tra hoặc giải trình với cơ quan chức năng.

Bên cạnh hoạt động số hóa nội bộ, công ty sẽ xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn và các template khai báo liên quan đến thành phần tái chế, phát thải carbon và truy xuất nguồn gốc nguyên liệu cho khách hàng xuất khẩu. Ví dụ, đối với doanh nghiệp xuất khẩu bao bì hoặc sản phẩm nhựa sang EU, Hichina sẽ hỗ trợ khách hàng chuẩn bị biểu mẫu khai báo tỷ lệ nhựa tái chế trong sản phẩm và hướng dẫn cách trình bày hồ sơ phù

hợp với yêu cầu ESPR. Việc chuẩn hóa các biểu mẫu khai báo sẽ giúp khách hàng tiết kiệm thời gian chuẩn bị hồ sơ và hạn chế sai sót trong quá trình xuất khẩu.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần triển khai quy trình thu hồi, tái sử dụng hoặc tái chế thiết bị điện tử và văn phòng phẩm nội bộ. Các thiết bị như máy tính, máy in hoặc linh kiện điện tử sau khi hết vòng đời sử dụng sẽ được phân loại để sửa chữa, tái sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị tái chế chuyên nghiệp thay vì thải bỏ trực tiếp. Đồng thời, công ty sẽ khuyến khích nhân viên sử dụng tài liệu điện tử, hạn chế in ấn không cần thiết và áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong văn phòng nhằm giảm lượng chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

Sau quá trình triển khai, công ty kỳ vọng có thể giảm đáng kể chi phí văn phòng phẩm và lưu trữ hồ sơ, đồng thời xây dựng hình ảnh doanh nghiệp logistics vận hành theo định hướng xanh và bền vững.

d. Điều kiện thực hiện

Để thực hiện hiệu quả lộ trình kinh tế tuần hoàn, trước hết toàn bộ nhân viên công ty cần được đào tạo và cam kết chuyển đổi sang mô hình làm việc không giấy tờ. Việc đào tạo này nhằm giúp nhân viên hiểu rõ lợi ích của hồ sơ điện tử, nâng cao kỹ năng sử dụng chữ ký số và thay đổi thói quen xử lý công việc theo phương thức truyền thống. Mục đích của việc xây dựng cam kết nội bộ là tạo sự đồng bộ trong toàn doanh nghiệp, tránh tình trạng triển khai không thống nhất giữa các bộ phận.

Bên cạnh đó, công ty cần đảm bảo hệ thống chữ ký số và lưu trữ đám mây hoạt động ổn định, có tính bảo mật cao và được cơ quan hải quan cũng như các đối tác liên quan công nhận hợp lệ. Điều này nhằm đảm bảo các chứng từ điện tử có giá trị pháp lý trong quá trình giao dịch và khai báo hải quan, đồng thời giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động xử lý hồ sơ liên tục mà không phụ thuộc vào chứng từ giấy. Ngoài ra, việc đầu tư hệ thống lưu trữ ổn định còn giúp bảo vệ dữ liệu khách hàng, hạn chế rủi ro mất mát thông tin và tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế tuần hoàn trong dài hạn.

3.4. Kiến nghị

3.4.1. Đối với Nhà nước

Trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, việc hoàn thiện môi trường pháp lý và cơ sở hạ tầng hỗ trợ logistics là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước. Vì vậy, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đồng bộ với các chuẩn mực quốc tế như WCO, WTO và ASEAN Single Window. Việc cải cách thủ tục hải quan không chỉ giúp doanh nghiệp giảm thời gian xử lý hồ sơ mà còn hạn chế các chi phí phát sinh trong quá trình thông quan hàng hóa.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần đẩy nhanh tiến độ triển khai và mở rộng Cơ chế Một cửa Quốc gia (NSW), đồng thời tăng cường kết nối liên thông giữa các bộ, ngành trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Hiện nay, việc doanh nghiệp phải thực hiện nhiều thủ tục riêng biệt với các cơ quan quản lý khác nhau vẫn làm kéo dài thời gian xử lý hồ sơ và gia tăng chi phí logistics. Vì vậy, việc đồng bộ dữ liệu và xử lý hồ sơ trên cùng một nền tảng điện tử sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong quá trình khai báo và thông quan hàng hóa.

Ngoài ra, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cụ thể đối với các doanh nghiệp logistics vừa và nhỏ, trong đó có các đại lý hải quan, nhằm giúp doanh nghiệp tiếp cận quá trình chuyển đổi số một cách hiệu quả hơn. Các chính sách hỗ trợ có thể bao gồm ưu đãi vay vốn đầu tư công nghệ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hoặc khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong quản lý và khai báo hải quan. Điều này sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp logistics Việt Nam trong bối cảnh ngành logistics toàn cầu đang chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng số hóa.

Bên cạnh yếu tố công nghệ, Nhà nước cũng cần tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển Logistics Việt Nam đến năm 2030, đặc biệt chú trọng đầu tư hạ tầng cảng biển, kho bãi và hệ thống giao thông kết nối cảng. Việc cải thiện hạ tầng logistics sẽ giúp giảm ùn tắc tại các khu vực cảng biển, rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hóa và giảm chi phí logistics tổng thể cho doanh nghiệp xuất khẩu. Đây là điều kiện quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực khai báo hải quan, Nhà nước cần sớm ban hành quy định bắt buộc về đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề khai báo hải quan đối với nhân sự làm việc tại các đại lý hải quan. Việc chuẩn hóa đội ngũ nhân sự sẽ góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp, hạn chế sai sót trong quá trình khai báo và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong ngành logistics và dịch vụ hải quan.

3.4.2. Đối với các bên liên quan

3.4.2.1. Đối với Cơ quan Thuế

Cơ quan Thuế cần tăng cường phối hợp và chia sẻ dữ liệu với Cơ quan Hải quan trong hoạt động kiểm tra, xác minh giá trị hải quan và thuế xuất nhập khẩu nhằm hạn chế tình trạng chồng chéo trong quá trình quản lý doanh nghiệp. Việc đồng bộ thông tin giữa hai cơ quan không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện nghĩa vụ thuế và thủ tục hải quan. Công ty cần tiếp tục đơn giản hóa quy trình hoàn thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với hàng xuất khẩu, đảm bảo doanh nghiệp được giải quyết hoàn thuế đúng thời hạn và đầy đủ theo quy định. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ dòng tiền và khả năng lưu

chuyển vốn của doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt trong bối cảnh chi phí logistics và chi phí vốn ngày càng gia tăng. Ngoài ra, Cơ quan Thuế cũng cần chủ động cung cấp các hướng dẫn kịp thời liên quan đến chính sách thuế trong các hiệp định thương mại tự do mới, đặc biệt là các quy định về thuế suất ưu đãi và quy tắc xuất xứ hàng hóa. Việc cập nhật thông tin đầy đủ và rõ ràng sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế sai sót trong quá trình khai báo và tận dụng hiệu quả các ưu đãi từ FTA.

3.4.2.2. Đối với Cơ quan Hải quan

Cơ quan Hải quan cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa và tự động hóa quy trình phân luồng kiểm tra hải quan. Đồng thời, cần tăng tỷ lệ phân luồng xanh đối với các doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ tốt nhằm rút ngắn thời gian thông quan và giảm áp lực chi phí cho doanh nghiệp xuất khẩu. Việc áp dụng cơ chế quản lý rủi ro hiệu quả sẽ giúp cơ quan hải quan vừa đảm bảo công tác kiểm soát nhà nước vừa tạo thuận lợi thương mại cho doanh nghiệp. Đồng thời, cơ quan hải quan cần tăng cường tổ chức các buổi đối thoại, hội thảo và tập huấn chuyên ngành nhằm cập nhật kịp thời cho cộng đồng doanh nghiệp về các thay đổi liên quan đến chính sách hải quan, kiểm tra chuyên ngành và các hiệp định thương mại tự do mới. Việc duy trì cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng tuân thủ pháp luật và hạn chế các sai sót trong quá trình khai báo. Cơ quan Hải quan cần hỗ trợ các đại lý hải quan và doanh nghiệp logistics trong việc kết nối hệ thống nội bộ với VNACCS/VCIS, Cổng FTAP và Cơ chế Một cửa Quốc gia thông qua API mở. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số, đồng thời nâng cao khả năng tự động hóa và đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống liên quan.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh chương trình Doanh nghiệp Ưu tiên (AEO) nhằm tạo thêm các ưu đãi về thủ tục thông quan cho những doanh nghiệp đáp ứng tốt tiêu chuẩn tuân thủ hải quan và quản lý chuỗi cung ứng an toàn. Đây sẽ là động lực để doanh nghiệp chủ động nâng cao năng lực quản trị và chất lượng hoạt động xuất nhập khẩu.

3.4.2.3. Đối với Hiệp hội Logistics Việt Nam (VLA) và Hiệp hội Đại lý Hải quan

Hiệp hội Logistics Việt Nam (VLA) và Hiệp hội Đại lý Hải quan cần tăng cường tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu và các kỳ thi chứng chỉ hành nghề khai báo hải quan theo hướng chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên theo sự thay đổi của pháp luật. Việc nâng cao chất lượng đào tạo sẽ góp phần chuẩn hóa đội ngũ nhân sự trong ngành logistics và dịch vụ hải quan, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Song song, các hiệp hội cần xây dựng diễn đàn trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn giữa các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai báo hải quan và logistics. Việc hình thành cộng đồng chia sẻ chuyên môn sẽ giúp doanh nghiệp cập nhật nhanh các tình huống phát sinh thực tế, đồng thời

nâng cao khả năng phối hợp và học hỏi kinh nghiệm trong quá trình xử lý nghiệp vụ, các hiệp hội cũng cần đóng vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước thông qua việc tổng hợp và đề xuất các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan và chính sách xuất nhập khẩu. Điều này sẽ góp phần hỗ trợ cơ quan chức năng hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng phù hợp hơn với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp. Cùng với đó, VLA và Hiệp hội Đại lý Hải quan cần tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thành viên trong việc tiếp cận thông tin về các hiệp định thương mại tự do mới, yêu cầu thị trường xuất khẩu và xu hướng xanh hóa chuỗi cung ứng toàn cầu. Đây là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp logistics và xuất khẩu Việt Nam nâng cao khả năng thích ứng và tận dụng hiệu quả cơ hội từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

3.5. Những bài học kinh nghiệm và đóng góp của khóa luận cho doanh nghiệp

3.5.1. Bài học từ chương trình thực tập tốt nghiệp

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina – Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đã có cơ hội tiếp cận trực tiếp với môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực khai báo hải quan và logistics xuất khẩu. Đây không chỉ là cơ hội để vận dụng kiến thức đã được học tại nhà trường mà còn giúp tác giả tích lũy nhiều bài học kinh nghiệm quan trọng phục vụ cho định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Trước hết, quá trình thực tập giúp tác giả nhận thấy rõ sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tiễn trong hoạt động thủ tục hải quan. Nếu như trong giáo trình, quy trình khai báo hải quan thường được trình bày theo hướng chuẩn hóa và tuần tự, thì trong thực tế doanh nghiệp, nhân viên phải thường xuyên xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến chứng từ, lịch tàu, hệ thống VNACCS/VCIS hoặc yêu cầu từ khách hàng và cơ quan hải quan. Điều này đòi hỏi người làm nghiệp vụ không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn phải có khả năng linh hoạt, chủ động và xử lý tình huống nhanh chóng trong môi trường áp lực cao.

Bên cạnh đó, tác giả nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc kiểm tra chứng từ một cách cẩn thận và chính xác trước khi thực hiện khai báo hải quan. Trong thực tế, chỉ một sai sót nhỏ như nhầm mã HS, sai số lượng hàng hóa hoặc thiếu chứng từ cũng có thể dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng như hàng bị giữ tại cảng, phát sinh chi phí lưu container, bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng của khách hàng. Từ đó, tác giả rút ra bài học quan trọng về tính cẩn thận, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm trong công việc liên quan đến nghiệp vụ hải quan.

Ngoài kỹ năng chuyên môn, quá trình thực tập cũng giúp tác giả nâng cao kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Hoạt động khai báo hải quan xuất khẩu FCL đòi hỏi sự phối hợp liên tục giữa nhiều bộ phận trong doanh nghiệp như Chứng từ, Hiện trường

và Kế toán, đồng thời phải làm việc với nhiều bên liên quan như hãng tàu, cảng biển, cơ quan hải quan và khách hàng. Thực tế này cho thấy khả năng truyền đạt thông tin rõ ràng, phản hồi nhanh và phối hợp hiệu quả giữa các bên là yếu tố rất quan trọng nhằm đảm bảo tiến độ xử lý lô hàng.

Bên cạnh đó, tác giả cũng nhận thấy rằng việc thường xuyên cập nhật quy định pháp luật là yêu cầu bắt buộc đối với nhân sự làm việc trong lĩnh vực hải quan và logistics. Các quy định liên quan đến Luật Hải quan, chính sách quản lý xuất nhập khẩu, thông tư hướng dẫn và các hiệp định thương mại tự do thay đổi tương đối thường xuyên. Vì vậy, nhân viên nghiệp vụ cần duy trì tinh thần tự học, chủ động tìm hiểu thông tin mới và trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp để nâng cao chuyên môn và hạn chế sai sót trong quá trình làm việc.

Ngoài ra, quá trình tiếp xúc trực tiếp với hệ thống VNACCS/VCIS và các phần mềm quản lý nội bộ tại doanh nghiệp giúp tác giả hiểu rõ hơn vai trò của công nghệ trong hoạt động hải quan hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ mà còn góp phần giảm sai sót nhập liệu, nâng cao khả năng quản lý dữ liệu và cải thiện hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận. Từ đó, tác giả nhận thức rằng chuyển đổi số là xu hướng tất yếu đối với các doanh nghiệp logistics trong bối cảnh hiện nay.

Cuối cùng, một trong những bài học quan trọng nhất mà tác giả rút ra trong quá trình thực tập là ý thức về đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật trong hoạt động khai báo hải quan. Công việc liên quan đến hải quan yêu cầu tính trung thực, minh bạch và trách nhiệm cao bởi bất kỳ hành vi khai sai hoặc gian lận nào cũng có thể gây hậu quả pháp lý nghiêm trọng cho cả doanh nghiệp và khách hàng. Điều này giúp tác giả nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của người làm nghề logistics – hải quan trong hoạt động thương mại quốc tế.

3.5.2. Những đóng góp của khóa luận cho doanh nghiệp

Khóa luận với đề tài “Hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh” không chỉ mang ý nghĩa học thuật mà còn có những đóng góp thực tiễn đối với doanh nghiệp trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động thủ tục hải quan và định hướng phát triển trong tương lai.

Trước hết, khóa luận đã hệ thống hóa một cách tương đối đầy đủ và có cơ sở khoa học toàn bộ quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container đang được áp dụng tại Hichina. Thông qua việc phân tích thực trạng hoạt động của doanh nghiệp, khóa luận đã chỉ ra những ưu điểm cần tiếp tục phát huy như khả năng xử lý hồ sơ nhanh và tinh thần phối hợp giữa các bộ phận, đồng thời nhận diện các hạn chế còn tồn tại liên quan đến kiểm tra chứng từ, phối hợp nội bộ và ứng dụng công nghệ trong quản lý hồ

sơ. Việc đánh giá toàn diện này giúp doanh nghiệp có cái nhìn rõ ràng hơn về hiệu quả hoạt động hiện tại và các vấn đề cần cải thiện trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, khóa luận đã đề xuất quy trình hoàn thiện thủ tục hải quan FCL theo hướng khoa học và có tính ứng dụng thực tiễn cao. Trong đó, việc bổ sung bước kiểm tra chéo hồ sơ và bước đánh giá sau thông quan là những giải pháp cụ thể giúp doanh nghiệp hạn chế sai sót và nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng trong quá trình khai báo hải quan. Đặc biệt, các giải pháp này có thể triển khai ngay trong thực tế mà không đòi hỏi chi phí đầu tư quá lớn, phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại của doanh nghiệp.

Ngoài ra, khóa luận cũng tích hợp và phân tích các dữ liệu cập nhật từ Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2025 nhằm đánh giá bối cảnh phát triển của ngành logistics và hoạt động xuất khẩu trong giai đoạn hiện nay. Việc sử dụng các số liệu thực tế giúp doanh nghiệp có thêm cơ sở để nhận diện xu hướng thị trường, nhu cầu của khách hàng và các cơ hội phát triển dịch vụ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Một đóng góp quan trọng khác của khóa luận là việc đề xuất nhóm giải pháp phát triển doanh nghiệp theo hướng chuyển đổi số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn phù hợp với định hướng phát triển của Chính phủ Việt Nam và xu hướng thương mại toàn cầu. Các giải pháp như số hóa quy trình nghiệp vụ, ứng dụng AI hỗ trợ khai báo hải quan, phát triển dịch vụ tư vấn xanh hoặc xây dựng mô hình văn phòng không giấy đều là những định hướng có giá trị tham khảo thực tiễn đối với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Hichina trong tương lai.

Bên cạnh đó, khóa luận đã xây dựng hệ thống mục tiêu và chỉ tiêu KPI cụ thể cho giai đoạn 2026–2030 như tỷ lệ sai sót trong khai báo, thời gian xử lý hồ sơ, mức độ số hóa quy trình hoặc tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ. Đây là cơ sở giúp ban lãnh đạo doanh nghiệp dễ dàng theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động và xây dựng kế hoạch cải thiện phù hợp theo từng giai đoạn phát triển.

Ngoài các giải pháp nội bộ, khóa luận cũng đưa ra các kiến nghị đối với Nhà nước, Cơ quan Hải quan, Cơ quan Thuế và các hiệp hội ngành nghề nhằm phản ánh những khó khăn, vướng mắc thực tế trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan tại doanh nghiệp. Những kiến nghị này có thể được Hichina sử dụng làm cơ sở tham khảo trong quá trình tham gia đóng góp ý kiến thông qua các hiệp hội logistics hoặc các chương trình đối thoại với cơ quan quản lý nhà nước. Qua đó, khóa luận không chỉ góp phần hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện hoạt động nội bộ mà còn mang ý nghĩa tham khảo đối với việc nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành logistics và thủ tục hải quan trong thực tiễn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở những vấn đề lý luận và thực trạng đã phân tích ở các chương trước, Chương 3 đã đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các giải pháp được xây dựng theo định hướng đồng bộ giữa hoàn thiện nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản trị và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động hải quan - logistics.

Cụ thể, chương đã đề xuất nhóm giải pháp liên quan đến việc chuẩn hóa quy trình kiểm tra chứng từ, nâng cao hiệu quả khai báo trên hệ thống VNACCS/VCIS, tăng cường phối hợp giữa các bộ phận nội bộ và giảm thiểu sai sót trong quá trình xử lý hồ sơ. Đồng thời, chương cũng nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số thông qua việc triển khai hệ thống quản lý hồ sơ điện tử, customer portal, dashboard theo dõi tiến độ và ứng dụng AI trong hỗ trợ phân loại mã HS và kiểm tra dữ liệu khai báo.

Bên cạnh đó, khóa luận còn đưa ra các định hướng phát triển doanh nghiệp theo xu hướng kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn nhằm giúp Hichina thích ứng với các yêu cầu mới của thị trường quốc tế và xu hướng phát triển bền vững của ngành logistics toàn cầu. Các giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển dịch vụ tích hợp, mở rộng thị trường và chăm sóc khách hàng cũng được đề xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong dài hạn.

Ngoài các giải pháp nội bộ, chương còn đưa ra một số kiến nghị đối với Nhà nước, Cơ quan Hải quan, Cơ quan Thuế và các hiệp hội ngành nghề nhằm góp phần hoàn thiện môi trường pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động xuất nhập khẩu và logistics tại Việt Nam. Nhìn chung, các giải pháp và kiến nghị được đề xuất trong chương có tính khả thi và phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container tại Hichina trong thời gian tới.

KẾT LUẬN CHUNG

Trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, thủ tục hải quan giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quá trình lưu thông hàng hóa quốc tế diễn ra nhanh chóng, an toàn và đúng quy định pháp luật. Đối với hoạt động xuất khẩu hàng nguyên container (FCL), việc thực hiện thủ tục hải quan hiệu quả không chỉ giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian thông quan mà còn góp phần giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Thông qua quá trình nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hichina - Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh”, khóa luận đã hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến hoạt động xuất khẩu và quy trình thủ tục hải quan, đồng thời phân tích thực trạng quy trình thực hiện tại doanh nghiệp. Qua đó, đề tài đã chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân còn tồn tại trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan tại công ty.

Trên cơ sở đó, khóa luận đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan theo hướng nâng cao hiệu quả nghiệp vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và định hướng phát triển phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, kinh tế xanh và hội nhập quốc tế. Đồng thời, đề tài cũng đưa ra một số kiến nghị đối với các cơ quan quản lý và các bên liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động logistics và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu, song do hạn chế về thời gian, kinh nghiệm thực tiễn và phạm vi tiếp cận số liệu nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ quý thầy cô và doanh nghiệp để hoàn thiện hơn trong các nghiên cứu tiếp theo.

PHỤ LỤC CHỨNG TỪ

Phụ lục 1. Commercial Invoice

COMMERCIAL INVOICE					
Date: April 18th, 2026					
Invoice No: 171/PL/26/CI					
PI No.: 167/PL/26 date 09/04/2026					
EXPORTER / Beneficiary			IMPORTER / Applicant:		
KEGO COMPANY LIMITED			ASCHIERO WOOD IMPORT SPA		
NO. 415 HOANG TANG BI, DONG NGAC WARD,			S.S. 35 BIS DEI GIOVI KM.18+350		
HANOI CITY, VIETNAM			15065 FRUGAROLO (AL) ITALIA		
Description of Goods	Quantity			Unit Price	Amount
	PALLET	SHEET	CBM	USD/SHEET	USD
ASSEMBLED WOOD CONTAINER FLOORING PANELS WITH EUCALYPTUS PLYWOOD SIZE: 28X1160X2400 MM	30	930	72,50	41,50	38.595,00
TOTAL	30	930	72,50		38.595,00

SAYS IN WORDS : USD Thirty Eight Thousand Five Hundred And Ninety Five Only./.

The price must be understood as CNF Genoa Port, Italia (Incoterms 2010)

Payment term: T/T

KEGO COMPANY LIMITED

Phụ lục 2. Packing List

PACKING LIST					
Date: April 18th, 2026					
Packing No: 171/PL/26/PL					
PI No.: 167/PL/26 date 09/04/2026					
EXPORTER / Beneficiary			IMPORTER / Applicant:		
KEGO COMPANY LIMITED			ASCHIERO WOOD IMPORT SPA		
NO. 415 HOANG TANG BI, DONG NGAC WARD,			S.S. 35 BIS DEI GIOVI KM.18+350		
HANOI CITY, VIETNAM			15065 FRUGAROLO (AL) ITALIA		
Description of Goods	Quantity			Net Weight	Gross Weight
	PALLET	SHEET	CBM	KGS	KGS
ASSEMBLED WOOD CONTAINER FLOORING PANELS WITH EUCALYPTUS PLYWOOD SIZE: 28X1160X2400 MM	30	930	72,50	54.870,00	55.350,00
TOTAL	30	930	72,50	54.870,00	55.350,00

The cargos are loaded in 02 containers 40'HC

KEGO COMPANY LIMITED

Phụ lục 3. Sales Contract

SALES CONTRACT

Contract No.

Date: Feb 25, 2026

The Seller:

KEGO COMPANY LIMITED
NO. 415 HOANG TANG BI, DONG NGAC WARD,
HANOI CITY, VIETNAM

The Buyer:

ASCHIERO WOOD IMPORT SPA
S.S. 35 BIS DEI GIOVI KM.18+350
15065 FRUGAROLO (AL) ITALIA
Here and after called The Seller

This contract is made by and between the Seller and the Buyer, whereby the Buyer agrees to buy and the Seller agrees to sell for the under mentioned commodity according to the terms and conditions:

1.Commodity

1.1 Description, Quantity and Price:

No.	Description	Q'ty/Net weight (±10% allowed)	Unit Price (USD/SHEET)	Total Amount (USD)
1	ASSEMBLED WOOD CONTAINER FLOORING PANELS WITH EUCALYPTUS PLYWOOD SIZE: 28X1160X2400 MM	930	US\$41.50	US\$ 38,595
	TOTAL CNF Genoa Port, Italia (Incoterms 2010)			US\$38,595

(Say USD Thirty Eight Thousand Five Hundred And Ninety Five Only./.)

1.2 Country of Origin: Viet Nam

2. Shipment

2.1 Time of delivery: Before Mar 22, 2026
2.2 Port of loading: Cat Lai Port (VNSGN)
2.3 Port of destination: Genoa Port
2.4 Transshipment: Allowed.
2.5 Partial shipment: Allowed

3. Payment: The Buyer shall remit 30% of the total contract value by T/T as a deposit within 90 days after 20 days contract signing. The balance of 70% shall be paid by T/T against scanned copies of shipping documents prior to the arrival of goods at the port of destination.

Seller's bank information:

Beneficiary:

Bank: Vietcombank HCMC

Account No: 0071001234567

SWIFT Code: BFTVVNVX

4. Remarks: Other terms not specified shall be subject to the Commodity Supply Agreement No. **CUA-OFS-202408** signed by both parties on Aug.22.2024

This contract is made in English in two copies that should be held by each party. Both copies shall be deemed as originals. This contract shall be signed by email or fax and shall take effect on the date it is signed.

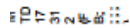
BY :

BY: ASCHIERO WOOD IMPORT SPA

Phụ lục 4. Bill of Lading

Carrier: Hapag-Lloyd Aktiengesellschaft, Hamburg		Bill of Lading		Multimodal Transport or Port to Port Shipment	
Shipper: KEGO COMPANY LIMITED NO. 415 HOANG TANG BI, DONG NGAC WARD, HANOI, VIETNAM					
Consignee (not negotiable unless consigned to order): ASCHIERO WOOD IMPORT SPA S.S. 35 BIS DEI GIOVI KM.18+350 15065 FRUGAROLO (AL) ITALIA		Carrier's Reference: B/L-No.: 34787932 HLCUHA3260420014		Page: 2 / 3	
Notify Address (Carrier not responsible for failure to notify; see clause 20 (1) hereof): ASCHIERO WOOD IMPORT SPA S.S. 35 BIS DEI GIOVI KM.18+350 15065 FRUGAROLO (AL) ITALIA		Export References:			
Vessel(s): MERKUR ARCHIPELAGO		Forwarding Agent:			
Voyage-No.: 617S		Consignee's Reference:			
Port of Loading: CAT LAI PORT, VIETNAM		Place of Receipt:			
Port of Discharge: GENOA PORT, ITALIA		Place of Delivery:			
Container Nos., Seal Nos., Marks and Nos. Number and Kind of Packages, Description of Goods		Gross Weight:		Measurement:	
2 CNTRS		55350.000		72.500	
MARKS & NOS: N/M		KGS		CBM	
30 PALLETS		54870.000		NET KGS	
ASSEMBLED WOOD CONTAINER FLOORING PANELS WITH EUCALYPTUS PLYWOOD SIZE: 28X1160X2400 MM HS CODE: 44123100		27675.000		36.250	
HAMU 3842970 40'HC SLAC*:15 PALLETS SEAL: HLC3102191		KGS		CBM	
FANU 1055262 40'HC SLAC*:15 PALLETS SEAL: HLC3102108		27675.000		36.250	
*SLAC = Shipper's Load, Stow, Weight and Count					
SHIPPED ON BOARD, DATE : 22.APR.2026					
PORT OF LOADING: CAT LAI PORT, VIETNAM					
VESSEL NAME: MERKUR ARCHIPELAGO VOYAGE: 617S					
Shipper's declared Value [see clause 7(2) and 7(3)] Total No. of Containers received by the Carrier: Packages received by the Carrier:		Above Particulars as declared by Shipper. Without responsibility or warranty as to correctness by Carrier [see clause 11]			
Movement:		2			
FCL/FCL		Currency:			
Charge Rate		Basis Wt/Vol/Val P/C Amount			

RECEIVED by the Carrier from the Shipper in
apparent good order and condition (unless
otherwise noted herein) the total number or
quantity of Containers or other packages or
units indicated in the box opposite entitled
"Total No. of Containers/Packages received
by the Carrier" for Carriage subject to all the
terms and conditions hereof (INCLUDING
THE TERMS AND CONDITIONS ON THE
REVERSE HEREOF AND THE TERMS AND
CONDITIONS OF THE CARRIER'S
APPLICABLE TARIFF) from the
Place of Receipt or the Port of Loading,
whichever is applicable, to the Port of
Discharge or the Place of Delivery, whichever
is applicable. One original Bill of Lading, duly
endorsed, must be surrendered by the



Total Freight Prepaid

Total Freight Collect

Total Freight

Merchant to the Carrier in exchange for the Goods or a delivery order. In accepting this Bill of Lading the Merchant expressly accepts and agrees to all its terms and conditions whether printed, stamped or written, or otherwise incorporated, notwithstanding the non-signing of this Bill of Lading by the Merchant.

IN WITNESS WHEREOF the number of original Bills of Lading stated below all of this tenor and date has been signed, one of which being accomplished the others to stand void.

Place and date of Issue:

HO CHI MINH

22.APR.2026

Freight payable at:

Number of original B/L:

ORIGIN

3

FOR ABOVE NAMED
CARRIER HAPAG - LLOYD (VIETNAM) LTD AS AGENT

Hapag-Lloyd Aktiengesellschaft, Hamburg



Page 3 / 3

B/L-No. HLCUHA3260420014

Cont/Seals/Marks Packages/Description of Goods Weight Measure

ORIGIN PORT CHARGE PREPAID

SEA FREIGHT PREPAID

DESTINATION PORT CHARGE COLLECT

The Merchant undertakes and warrants that, under no circumstances, shall the Goods and/or Containers listed in this Bill of Lading (i) originate from, be stuffed in, or be on-carried from the territory of the Russian Federation or the Republic of Belarus prior to loading at the port of loading, nor (ii) be destined for or on-carried to the territory of the Russian Federation or the Republic of Belarus following unloading at the port of discharge.

Phụ lục 5. Certificate of Origin – C/O (Giấy chứng nhận xuất xứ)

VN-IT 26/01/000826

KEGO COMPANY LIMITED
NO. 415 HOANG TANG BL, DONG NGAC WARD, HANOI, VIETNAM

ASCHIERO WOOD IMPORT SPA
S.S. 35 BIS DEI GIOVI KM.18+350 15065 FRUGAROLO (AL) ITALIA

VIETNAM

ITALY

BY SEA: MERKUR ARCHIPELAGO
FROM : CAT LAI PORT, VIETNAM
DATE: 22 APR 2026
TO : GENOVA, ITALY

30 PALLETS
ASSEMBLED WOOD CONTAINER FLOORING PANELS WITH
EUCALYPTUS PLYWOOD
SIZE: 28X1160X2400 MM
HS CODE: 44123100

GW: 55,350.00 KGS

171/PL/26/CI
DATE: 18 APR 2026

ITEM OFFICE IN HO CHI MINH
VIET NAM

2026

HO CHI MINH, VIET NAM

22 APR

HO CHI MINH CITY

Phụ lục 6: Tờ khai hải quan

<EXP>

1/3

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai
308447279510

Số tờ khai đầu tiên
-

/

308447279510

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai
Ngày đăng ký
Thời hạn tái nhập/ tái xuất

2

Mã loại hình
B11 2

HQCATLAI

18/04/2026 09:51:13

/ / -

Mã số thuế đại diện
Mã bộ phận xử lý tờ khai
Ngày thay đổi đăng ký

4412

01

/ /

Người xuất khẩu

Mã
0105492983

Tên
Công Ty TNHH Kê Gỗ

Mã bưu chính
(+84) 43

Địa chỉ
Số 415 Hoàng Tăng Bí, Phường Đồng Ngạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại
024 32222333

Người ủy thác xuất khẩu

Mã

Tên

Người nhập khẩu

Mã

Tên
ASCHIERO WOOD IMPORT SPA

Mã bưu chính

Địa chỉ
S.S. 35 BIS DEI GIOVI
15065 FRUGAROLO (AL)

KM.18+350
ITALIA

Mã nước
IT

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn
122600040293500

Số lượng
30

Tổng trọng lượng hàng (Gross)
55.350

Địa điểm lưu kho
02CI

Địa điểm nhận hàng cuối cùng
ITGOA

Địa điểm xếp hàng
VNCLI

Phương tiện vận chuyển dự kiến
9999

Ngày hàng đi dự kiến
22/04/2026

Ký hiệu và số hiệu
TUYEN DUONG BINH PHUOC - CAT LAI: 120KM. THOI GIAN VAN CHUYEN: 3 TIENG.CUOC BIEN: 3200

PP
KGM
GENOA
CANG CAT LAI
MERKUR ARCHIPELAGO 617S

USD/CONT 40.

Giấy phép xuất khẩu

1

2

3

4

5

Số hóa đơn
A

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
-

Ngày phát hành
18/04/2026

Phương thức thanh toán
KC

Tổng trị giá hóa đơn
C&F - USD - 38.595 - A

Tổng trị giá tính thuế
VND - 840.836.815

Tỷ giá tính thuế
USD - 26.117 -

Tổng hệ số phân bổ trị giá
38.595 -

Phân loại không cần quy đổi VND

Người nộp thuế

Mã xác định thời hạn nộp thuế

Phân loại nộp thuế

Tổng số tiền thuế xuất khẩu

Tổng số tiền lệ phí

VND

Số tiền kèm khai báo điện tử
1

Phân ghi chú
167/PL/26#09042026#&, 2X40HC. PTTT: KC=TT

Tổng số trang của tờ khai
3

Tổng số dòng hàng của tờ khai
1

Số định kèm khai báo điện tử
1

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp

2

Số quản lý người sử dụng
00161

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan

Ngày hoàn thành kiểm tra
20/04/2026 15:29:

Ngày cấp phép xuất nhập
20/04/2026 15:29:

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)

Địa điểm

Ngày đến
18/04/2026

Ngày khởi hành

Thông tin trung chuyển

1

2

3

/ /

/ /

/ /

~

~

~

/ /

/ /

/ /

Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế
03EES14

22/04/2026

<EXP>

2/3

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai
308447279510

Số tờ khai đầu tiên
-

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai
Ngày đăng ký
Thời hạn tái nhập/ tái xuất

2

Mã loại hình
B11 2

HQCATLAI

18/04/2026 09:51:13

/ / -

Mã số thuế đại diện
Mã bộ phận xử lý tờ khai
Ngày thay đổi đăng ký

4412

01

/ /

Vanning

Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng

Mã
1 02CI 2 3 4 5

Tên
CÔNG TY TNHH KÊ GỖ

Địa chỉ
Cụm Công nghiệp đa nghề Đình Bảng, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh. Ngày đóng hàng ngày 18/04/2026

Số container

1

6

11

16

21

26

31

36

41

46

HAMU3842970

2

FANU1055262

3

4

5

7

12

17

22

27

32

37

42

47

8

13

18

23

28

33

38

43

48

9

14

19

24

29

34

39

44

49

10

15

20

25

30

35

40

45

50

Chỉ thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		
<EXP>			3/3

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai	308447279510	Số tờ khai đầu tiên	- /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	B11 2
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQCATLAI	Mã số thuế đại diện
Ngày đăng ký	18/04/2026 09:51:13		Mã bộ phận xử lý tờ khai
Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ / -		Ngày thay đổi đăng ký
<01>			
Mã số hàng hóa	44123100	Mã quản lý riêng	
Mô tả hàng hóa	Gỗ dán làm từ 19 lớp gỗ bạch đàn (tên KH: Eucalyptus) mỗi lớp dày không quá 1.5mm. KT: 28X1160X2400 MM, 72.5 khối, đã qua xử lý nhiệt, hàng mới 100%#&VN		
		Số lượng (1)	930 TAM
		Số lượng (2)	54.870 KGM
Trị giá hóa đơn	38.595	Đơn giá hóa đơn	41,5 - USD - TAM
Thuế xuất khẩu			

Trị giá tính thuế (S)	840.836.815	VND	Trị giá tính thuế (M)	-		
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	904.125,607527	VND	TAM
Thuế suất	0%					
Số tiền thuế		VND				
Số tiền miễn giảm						
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Danh mục miễn thuế xuất khẩu		-				
Tiền lệ phí	Đơn giá		Tiền bảo hiểm	Đơn giá		
	Số lượng			Số lượng		
	Khoản tiền	VND		Khoản tiền	VND	
Mã văn bản pháp luật khác	1	2	3	4	5	
Miễn / Giảm / Không chịu thuế xuất khẩu						

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn bản pháp luật:

Bộ Tài chính. (2015). *Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.*

Bộ Tài chính. (2018). *Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC.*

Chính phủ. (2015). *Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan.*

Chính phủ. (2018). *Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2015/NĐ-CP.*

Quốc hội. (2005). *Luật Thương mại số 36/2005/QH11.* Việt Nam.

Quốc hội. (2014). *Luật Hải quan số 54/2014/QH13.* Việt Nam.

2. Giáo trình – Sách chuyên ngành:

Đặng Đình Đào. (2024). *Giáo trình Logistics.* Nhà xuất bản Lao động.

Đoàn Thị Hồng Vân. (2010). *Logistics – Những vấn đề cơ bản.* Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

Nguyễn Hồng Đàm. (2003). *Vận tải và giao nhận trong ngoại thương.* Nhà xuất bản Giao thông vận tải.

3. Tài liệu quốc tế & Báo cáo thực tiễn:

Bộ Công Thương. (2025). *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2025.*

Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hichina. (2026). *Dữ liệu nội bộ doanh nghiệp.*

International Chamber of Commerce – ICC. (2020). *Incoterms 2020.*

Tổng cục Hải quan Việt Nam. (2026). *Tài liệu hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS.*